

Số: 1284/MYH25/VHU/QĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Văn học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

Căn cứ Quyết định số 517/TTg ngày 11 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn Hiến; Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Văn Hiến,

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học,

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Văn Hiến,

Căn cứ Biên bản họp số 02/MYH25/VHU-HĐKHĐT/BB ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Văn Hiến về việc lấy ý kiến và thông qua các chương trình đào tạo chính quy sau ra soát, cải tiến;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Văn học (Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ khóa tuyển sinh 2025. Trong quá trình thực hiện, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn có nhiệm vụ báo cáo, đánh giá, đề xuất các cập nhật theo quy định của Trường Đại học Văn Hiến và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Giám đốc Ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Thường trực HĐT (để b/c),
- Các đơn vị trong trường,
- Lưu: VT, QLĐT.



PGS.TS. Trần Huy Hoàng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1284/MYH25/VHU/QĐ ngày 28 tháng 05 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

Ngành đào tạo : Văn học
Mã số : 7220903
Đơn vị cấp bằng : Trường Đại học Văn Hiến
Đơn vị đào tạo : Trường Đại học Văn Hiến
Tên văn bằng : Cử nhân Văn học
Trình độ đào tạo : Đại học
Hình thức đào tạo : Chính quy
Thời gian đào tạo : 4 năm
Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt

1. Mục tiêu

Đào tạo cử nhân Văn học theo định hướng ứng dụng, có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, năng lực tự học và khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp; có nền tảng khoa học xã hội và nhân văn, văn học, ngôn ngữ, văn hóa, lý luận và phương pháp nghiên cứu; có năng lực phân tích, phê bình, tiếp nhận, sáng tạo, biên tập và xử lý văn bản; có khả năng vận dụng tri thức văn học – ngôn ngữ – văn hóa vào giáo dục, nghiên cứu, truyền thông, xuất bản, quản trị nội dung, hành chính văn phòng và hoạt động văn hóa – xã hội; sử dụng được ngoại ngữ và công nghệ số đáp ứng yêu cầu học tập, nghề nghiệp, hội nhập; có ý thức bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam, lan tỏa giá trị nhân văn và tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

Cử nhân ngành Văn học sau thời gian làm việc từ 1 đến 3 năm có khả năng:

- PEO1: Vận dụng kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, văn học, ngôn ngữ, văn hóa, lý luận và phương pháp nghiên cứu để tham gia hoạt động phân tích, phê bình, tiếp nhận, sáng tạo, giảng dạy, biên tập hoặc truyền thông nội dung ở mức phù hợp với vị trí việc làm.

- PEO2: Tham gia công việc chuyên môn tại cơ sở giáo dục, cơ quan nghiên cứu, đơn vị văn hóa, báo chí, truyền thông, xuất bản, hành chính văn phòng, doanh nghiệp hoặc tổ chức xã hội có sử dụng năng lực văn học, ngôn ngữ, biên tập, truyền thông và xử lý nội dung.

- PEO3. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, nền tảng truyền thông và công cụ hỗ trợ phù hợp để xử lý thông tin, biên tập, quản trị nội dung, sản xuất nội dung số, truyền thông, lưu trữ và tổ chức công việc trong môi trường nghề nghiệp hiện đại.

- PEO4: Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, liêm chính học thuật, pháp luật, bản quyền, chuẩn mực sử dụng ngôn ngữ và trách nhiệm truyền thông; tham gia bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam, lan tỏa giá trị nhân văn và phục vụ cộng đồng ở mức phù hợp.

- PEO5: Chủ động tự học, tự nghiên cứu, cập nhật tri thức, ngoại ngữ, công nghệ số và xu hướng nghề nghiệp; tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn hoặc mở rộng năng lực trong các lĩnh vực văn học, văn hóa, giáo dục, truyền thông, xuất bản và sáng tạo nội dung.

2. Chuẩn đầu ra:

Người học ngành Văn học sau khi hoàn thành chương trình, tại thời điểm tốt nghiệp, có thể:

2.1. Kiến thức

Mã PLO	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Mức độ
PLO1	Apply the system of political theory, ideology, and social sciences - humanities knowledge to solve practical issues in life and the working environment.	Áp dụng được kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, pháp luật, văn hóa, môi trường, công nghệ số và phương pháp học tập đại học nhận diện, lý giải và xử lý các vấn đề cơ bản trong học tập, đời sống, hoạt động nghề nghiệp và môi trường văn hóa – xã hội.	Level 3 (Apply)
PLO2	Analyze foundational and in-depth knowledge of literature and linguistics to shape professional mindset, conduct research, criticism, and creative writing activities meeting academic standards.	Phân tích được tri thức nền tảng và chuyên sâu về văn học Việt Nam, văn học nước ngoài, lý luận văn học, ngôn ngữ, văn hóa và phương pháp nghiên cứu trong tiếp nhận, lý giải và đánh giá các hiện tượng văn học – văn hóa.	Level 4 (Analyze)
PLO3	Implement literary knowledge and methodology to organize Vietnamese language teaching, perform communication - journalism tasks, and manage	Vận dụng kiến thức và phương pháp luận văn học vào các hoạt động nghề nghiệp trong giáo dục, nghiên cứu, biên tập – xuất bản, truyền thông, hành chính văn	Level 3 (Apply)

Mã PLO	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Mức độ
	administrative office operations.	phòng và hoạt động văn hóa – xã hội.	

2.2. Kỹ năng

Mã PLO	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Mức độ
PLO4	Coordinate specialized occupational skills in Literature (editing, appraisal, scriptwriting, and composing).	Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản trong lĩnh vực Văn học (đọc hiểu, phân tích văn bản, biên tập, thẩm định văn bản, viết nội dung, xây dựng kịch bản, sáng tác và xử lý sản phẩm ngôn từ theo yêu cầu học tập và nghề nghiệp).	Level 3: Chuẩn hóa (Precision)
PLO5	Communicate persuasively in oral and written forms; work effectively in multicultural environments using English.	Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản; trình bày, thuyết phục, phân biên, phối hợp làm việc trong môi trường đa văn hóa; sử dụng được ngoại ngữ (Bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) để khai thác tài liệu, trao đổi chuyên môn và hỗ trợ hoạt động nghề nghiệp.	Level 4: Phối hợp (Articulation)
PLO6	Utilize modern technologies and digital platforms to optimize work performance.	Sử dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số, phần mềm chuyên dụng và nền tảng truyền thông để tìm kiếm, đánh giá, xử lý, biên tập, sản xuất, quản trị, lưu trữ và truyền thông nội dung phục vụ học tập, nghiên cứu, truyền thông, xuất bản và công việc văn phòng.	Level 4: Chuẩn hóa (Precision)

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Mã PLO	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Mức độ
PLO7	Demonstrate independent work capacity, decisiveness, and the ability to lead and coordinate teams effectively.	Thể hiện khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, liêm chính học thuật, pháp luật, bản quyền, chuẩn mực sử dụng ngôn ngữ, trách nhiệm truyền thông và trách nhiệm xã hội trong hoạt động văn học, giáo dục, truyền thông, xuất bản và hành chính.	Level 4: Tổ chức (Organizing)
PLO8	Self-directed learning, research, and career development; proactively updating knowledge, foreign languages, digital technology, and cultural and media trends; fostering a spirit of innovation, entrepreneurship, and lifelong learning.	Tự định hướng học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp; chủ động cập nhật tri thức, ngoại ngữ, công nghệ số, xu hướng văn hóa – truyền thông; hình thành tinh thần đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và học tập suốt đời.	Level 5: Đặc trưng hóa (Characterizing)

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Văn học có thể làm việc trong nhiều tổ chức và các lĩnh vực khác nhau như

STT	Nhóm vị trí việc làm sau tốt nghiệp	PEO 1 (Chuyên gia)	PEO 2 (Quản lý/ Đảm nhận)	PEO 3 (Thích ứng số)	PEO 4 (Dẫn dắt/ Đạo đức)	PEO 5 (Thăng tiến/ Khởi nghiệp)
1	Giáo dục: Giáo viên Ngữ văn (THCS/THPT), Chuyên viên bộ môn tại cơ sở GD&ĐT.	X	X		X	X
2	Truyền thông: Phóng viên, Biên tập viên tại	X	X	X		X

STT	Nhóm vị trí việc làm sau tốt nghiệp	PEO 1 (Chuyên gia)	PEO 2 (Quản lý/ Đảm nhận)	PEO 3 (Thích ứng số)	PEO 4 (Dẫn dắt/ Đạo đức)	PEO 5 (Thăng tiến/ Khởi nghiệp)
	các cơ quan báo chí, nhà xuất bản.					
3	Hành chính - Nhân sự: Chuyên viên hành chính, tuyển dụng, đánh giá thành tích tại các doanh nghiệp/ đoàn thể.		X	X	X	X
4	Nghiên cứu: Chuyên viên tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu KHXH&NV.	X			X	X
5	Nghệ thuật & Sáng tạo: Nhà thơ, nhà văn, nghệ sĩ, người dẫn chương trình (MC).	X		X	X	X
6	Phát triển cộng đồng: Điều phối viên, chuyên viên tại các quỹ tài trợ, tổ chức từ thiện, tổ chức phi chính phủ.		X	X	X	X

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp cử nhân Văn học, sinh viên có thể học lên thạc sĩ, tiến sĩ Văn học Việt Nam hoặc các ngành gần thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

- Công văn số 2196/BGD-ĐT ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra

- Thông tư 04/2025/TT-BGDDT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học.

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của các trường đại học uy tín trong nước và ngoài nước:

+ Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

+ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

+ Trường Đại học Văn Lang, Việt Nam;

+ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam;

+ College of Arts & Sciences, American University, US;

+ Missouri State University, USA;

+ University of Santo Tomas, Philippines.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: Tổng số tín chỉ cho toàn khóa học là 136 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (không bao gồm các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh, các điều kiện tốt nghiệp: kỹ năng mềm, năng lực ngoại ngữ, năng lực công nghệ thông tin).

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tự chủ tuyển sinh hàng năm của Trường

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Văn Hiến.

6. Phương pháp giảng dạy – học tập, cách thức đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

6.1. Các phương pháp giảng dạy:

- **Thuyết giảng (Lecture):** Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Sinh viên được cung cấp tập bài giảng, tập trung nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú và giải thích thêm theo kiến thức đã lĩnh hội. Phương pháp này phù hợp với

việc giới thiệu các khái niệm, mô hình, phương pháp hay kỹ thuật mới. Giảng viên cung cấp kiến thức nền tảng nhưng đan xen các câu hỏi gợi mở, thảo luận ngắn để sinh viên không bị thụ động.

- **Thuyết giảng kiểu tích cực (Lecture in a positive way):** Giảng viên trình bày nội dung bài học theo lối tương tác, đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ và lôi cuốn sinh viên cùng giải quyết vấn đề với giảng viên. Phương pháp này sẽ mang lại hiệu quả cao trong việc phát triển khả năng tư duy độc lập và gia tăng mức độ tiếp thu bài của sinh viên.

- **Sơ đồ tư duy (Mind Mapping)** Sử dụng để hệ thống hóa kiến thức văn học, lịch sử hoặc lý luận phức tạp thành cấu trúc trực quan.

- **Dạy học theo dự án (Project-Based Learning):** Sinh viên thực hiện một khối lượng công việc lớn trong thời gian dài để tạo ra sản phẩm (ví dụ: dựng một bộ phim ngắn quảng bá ngành/tác phẩm văn học, viết một đề án truyền thông).

- **Nghiên cứu trường hợp (Case study):** Sử dụng các sự kiện thực tế (tranh chấp bản quyền, khủng hoảng truyền thông văn hóa) làm ngữ liệu giúp sinh viên hình thành năng lực vận dụng lý thuyết văn học vào thực tiễn nghề nghiệp. Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

- **Phát vấn (Socratic Questioning):** Sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở để dẫn dắt sinh viên tự khám phá văn bản, kích thích khả năng tự khám phá tri thức, rèn luyện kỹ năng diễn đạt ngôn ngữ và tư duy chiều sâu về tác phẩm.

- **Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân):** Huy động tối đa ý tưởng sáng tạo trong thời gian ngắn về một chủ đề văn học; kích thích tư duy, cảm hứng sáng tạo và tìm ra các góc nhìn mới lạ trong phê bình hoặc sáng tác.

6.2. Các phương pháp học tập:

- **Tự học và học tập suốt đời (Self-directed Learning):** Sinh viên tự xác định nhu cầu học tập, lập kế hoạch và tìm kiếm nguồn lực để bổ sung kiến thức ngoài giáo trình. Phương pháp này hình thành thói quen cập nhật tri thức liên tục, đặc biệt là các kỹ năng số và xu hướng văn hóa mới.

- **Thực hành (Experiment):** Là phương pháp dạy học trong đó giáo viên sử dụng các thao tác, các bài thực hành mẫu, sinh viên quan sát và thực hành các thực hành với các tình huống đa dạng theo sự hướng dẫn của giáo viên. Từ đó sinh viên học được cách vận dụng kiến thức vào giải quyết bài toán thực tế ở mức độ nhỏ.

- **Thuyết trình (Presentation).** Sinh viên tự nghiên cứu một chủ đề văn học/văn hóa và trình bày trước lớp bằng công cụ hỗ trợ (Slide, Video). Sinh viên có thể phát triển kỹ năng diễn thuyết, sự tự tin trước đám đông và khả năng hệ thống hóa kiến thức chuyên môn một cách logic.

- **Làm việc nhóm (Team-based Learning)** Đây là hình thức học tập phối hợp giữa các thành viên để hoàn thành một nhiệm vụ chung. Thông qua đó, sinh viên hình thành kỹ năng cộng tác, năng lực lãnh đạo, giải quyết xung đột và trách nhiệm cá nhân trong một tập thể đa dạng.

- **Bài luận (Essay Writing):** Sinh viên thực hiện viết chuyên sâu về một vấn đề lý luận hoặc phê bình tác phẩm để thể hiện quan điểm cá nhân nhằm nâng cao tư duy phê bình, khả năng sử dụng ngôn ngữ sắc bén và kỹ năng lập luận logic, khoa học

- **Thực tập, thực tế (Field Trip):** Sinh viên tham gia các hoạt động tham quan bảo tàng, di tích lịch sử hoặc tham gia lễ hội văn hóa để kết nối lý thuyết văn chương với đời sống, bồi đắp vốn sống thực tế và cảm quan văn hóa sâu sắc; tham quan doanh nghiệp, trường học, tòa soạn để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- **Khóa luận, nghiên cứu ứng dụng (Thesis/Applied Research):** Đây là hình thức nghiên cứu độc lập cao nhất ở bậc đại học về một đề tài khoa học hoặc ứng dụng thực tiễn. Thực hiện phương pháp này cho thấy năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học/thực tiễn trọn vẹn của sinh viên.

Ma trận tương thích giữa PLOs với phương pháp dạy và phương pháp học tập

PLO/ Phương pháp	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
Phương pháp giảng dạy								
Thuyết giảng	X				X	X		
Thuyết giảng tích cực	X	X						
Sơ đồ tư duy		X			X	X		
Dạy học theo dự án			X	X			X	X
Nghiên cứu trường hợp			X				X	
Phát vấn	X	X						
Động não nhanh				X	X	X		
Phương pháp học tập								
Tự học & Học suốt đời						X		X
Thực hành				X		X		

PLO/ Phương pháp	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
Thuyết trình					X		X	
Làm việc nhóm							X	
Bài luận		X						
Thực tập, thực tế			X					X
Khóa luận, nghiên cứu ứng dụng		X						X

Việc thiết kế và triển khai hệ thống phương pháp dạy và học trong chương trình đào tạo ngành Văn học thể hiện một sự tương thích logic và chặt chẽ với hệ thống 8 Chuẩn đầu ra (PLO) đã thiết lập. Sự thích ứng này không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ tri thức mà còn tập trung vào việc kiến tạo năng lực chuyên môn và phẩm chất nghề nghiệp thực tế cho người học thông qua hai trụ cột chính:

Hệ thống phương pháp giảng dạy được thiết kế nhằm dịch chuyển trọng tâm từ việc truyền thụ kiến thức đơn thuần sang phát triển năng lực chủ động. Sự kết hợp giữa Thuyết giảng tích cực, Phát vấn và Sơ đồ tư duy giúp sinh viên chiếm lĩnh vững chắc khối kiến thức lý luận, lịch sử văn học và ngôn ngữ, đáp ứng trực tiếp mức độ vận dụng và phân tích của PLO 1 và PLO 2. Bên cạnh đó, các phương pháp hiện đại như Dạy học theo dự án và Nghiên cứu trường hợp tạo môi trường giả lập để người học thực thi các nghiệp vụ chuyên môn từ giảng dạy, truyền thông - báo chí đến quản trị văn phòng (PLO 3). Đặc biệt, phương pháp Động não nhanh (Brainstorming) đóng vai trò kích thích tư duy sáng tạo trong phê bình và sáng tác văn chương (PLO 4). Sự đa dạng này đảm bảo tính phân cấp theo thang đo Bloom, giúp sinh viên hình thành tư duy phê bình sắc bén và khả năng giải quyết vấn đề thực tiễn hiệu quả.

Song song với hoạt động giảng dạy, các phương pháp học tập được triển khai nhằm tối ưu hóa quyền tự chủ và kỹ năng hội nhập của sinh viên. Thông qua Làm việc nhóm và Thuyết trình, sinh viên hình thành năng lực điều phối, kỹ năng giao tiếp thuyết phục và sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong môi trường đa văn hóa (PLO 5, 7). Các hình thức học tập chuyên sâu như Bài luận, Thực tập, thực tế và Khóa luận tốt nghiệp đóng vai trò là những “mắt xích” quan trọng để hiện thực hóa kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên biệt, năng lực nghiên cứu độc lập và đạo đức nghề nghiệp (PLO 2, 5, 8). Phương pháp Tự học giúp sinh viên rèn luyện tinh thần học tập suốt đời trong thời đại số, sẵn sàng thích ứng với sự biến động của thị trường lao động kỹ nguyên 4.0 (PLO 6, 8).

Tổng thể hệ thống phương pháp dạy và học tạo nên một lộ trình đào tạo khép kín và nhất quán. Đây là minh chứng khoa học cho sự cam kết của Nhà trường trong việc đạt được các Chuẩn đầu ra đã công bố, hướng tới việc đào tạo đội ngũ cử nhân Văn khoa có năng lực thực hành chuyên sâu và trách nhiệm xã hội cao.

6.3. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá:

TT	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp
1	Đánh giá chuyên cần	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên vào các hoạt động trên lớp trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.
2	Đánh giá bài tập trên lớp	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến hoạt động trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.
3	Bài tập trên Microsoft Teams	Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập bổ trợ trên nền tảng Microsoft Teams của học phần với các mốc thời gian cụ thể theo tuần.
4	Đánh giá bài tiểu luận	Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.
5	Đánh giá thuyết trình	Sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
6	Kiểm tra trắc nghiệm	Sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
7	Kiểm tra tự luận	Sinh viên được yêu cầu thực hiện các câu hỏi liên quan theo nội dung lý thuyết/ thực hành đã được học. Tự chủ trình bày câu trả lời đúng với đáp án đề thi.
8	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên được yêu cầu thực hiện một ứng dụng, vận dụng các ngôn ngữ lập trình, quản trị hệ thống để vận hành trong thực tế.

Ma trận tương thích giữa PLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

PLOs/ Hình thức đánh giá	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
Đánh giá chuyên cần	X							X
Bài tập trên lớp	X	X						
Bài tập trên Microsoft Teams						X		
Đánh giá tiểu luận		X		X				
Đánh giá thuyết trình					X		X	
Kiểm tra trắc nghiệm	X							
Kiểm tra tự luận	X	X						
Khóa luận tốt nghiệp		X	X	X				X

- **Nhóm Kiến thức (PLO 1, 2):** Được kiểm chứng chủ yếu qua các hình thức Trắc nghiệm và Tự luận. Đây là phương thức trực tiếp nhất để xác nhận sinh viên nắm vững hệ thống lý luận chính trị, xã hội cũng như năng lực hệ thống hóa tri thức văn học và ngôn ngữ chuyên sâu.

- **Nhóm Kỹ năng nghề nghiệp (PLO 3, 4):** Các hình thức đánh giá mang tính sản phẩm như Tiểu luận, Khóa luận và Bài tập trên lớp (mô phỏng tình huống) sẽ đo lường năng lực vận dụng phương pháp luận văn học vào thực tiễn giảng dạy, truyền thông, quản trị văn phòng và sáng tác văn chương.

- **Nhóm Kỹ năng bổ trợ (PLO 5, 6):** Đánh giá thuyết trình và Bài tập trên Microsoft Teams là các hình thức trọng tâm vì chúng tích hợp đồng thời kỹ năng giao tiếp đa văn hóa, khả năng sử dụng ngoại ngữ và năng lực khai thác công nghệ hiện đại vào quy trình làm việc.

- **Nhóm Thái độ và Trách nhiệm (PLO 7, 8):** Được đo lường xuyên suốt từ mức độ Chuyên cần (ý thức nghề nghiệp) đến các hoạt động phối hợp trong bài tập nhóm (năng lực dẫn dắt) và cao nhất là Khóa luận tốt nghiệp (minh chứng cho tính tự chủ nghiên cứu và cam kết học tập suốt đời).

7. Nội dung chương trình

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. KIẾN THỨC GIAO DỤC ĐẠI CƯƠNG			50	50	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			14	14	0	0	0	0	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
1	POL105	Triết học Mac - Lênin	3	3					
2	POL106	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	2					POL105
3	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2					POL106
4	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL107
5	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2					POL109
6	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			9	9	0	0	0	0	
1	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3	3					
2	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3					
3	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	3					ENG201
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			3	3	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			3	3	0	0	0	0	
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			9	9	0	0	0	0	
1	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	3					
2	SOS206	Mỹ học đại cương	3	3					
3	PSY201	Tâm lý học đại cương	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			12	12	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
2	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3	3					
3	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	3					
4	BUS102	Quản trị sự thay đổi	3	3					
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			86	55	11	8	0	12	
II.1. Kiến thức cơ sở ngành			33	27	3	3	0	0	
1	LIT307	Nhập môn ngành Văn học	2	2					
2	LIT312	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	DA MH	KL TN	
3	LIT325	Hán Nôm cơ bản	3	2	1				
4	LIT326	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3	2	1				
5	PUR421	Pháp luật về truyền thông	2	2					
6	MMC407	Kỹ thuật Audio Video	3	3					
7	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3	2	1				
8	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3	3					
9	LIT435	Nghịệp vụ biên tập và xuất bản	3	3					
10	MMC401	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3	3					
11	MMC307	Truyền thông số	3	3					
12	LIT442	Thực tập cơ sở Văn học	2			2			LIT312 LIT330
Chọn 1 trong 4 học phần			2	2					
1	LIT311	Tiếp nhận văn học	2	2					
2	LIT309	Phong cách học tiếng Việt	2	2					
3	LIT301	Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học	2	2					
4	LIT431	Kỹ năng tổ chức sự kiện	2	2					
II.2. Kiến thức chuyên ngành			30	24	6	0	0	0	
1	LIT424	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	1					
2	LIT324	Văn học dân gian Việt Nam	2	1	1				
3	LIT327	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII	2	2					LIT324 LIT325
4	LIT328	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	2	1	1				LIT327
5	LIT318	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930	2	2					LIT328
6	LIT330	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	2	1	1				LIT318
7	LIT332	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	2	1	1				LIT330
8	LIT321	Văn học Việt Nam từ sau 1975	2	2					LIT332

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Lồng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
9	LIT315	Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	2	2					
10	LIT331	Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay)	2	2					LIT315
11	Mới	Văn học phương Đông (Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc)	2	1	1				
12	LIT304	Nguyên lý lý luận văn học	2	2					
13	LIT310	Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	3	3					LIT304
14	LIT406	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	2	1	1				
Chọn 1 trong 2 học phần			2	2					
1	LIT314	Văn học Nga	2	2					
2	LIT317	Văn học Trung Quốc	2	2					
II.3. Phần chọn theo chuyên ngành			6	4	2				
Chuyên ngành 1: Văn - Quản trị văn phòng			6	4	2				
1	LIT401	Nghiệp vụ thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ	2	1	1				
2	LIT402	Nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản	2	1	1				
3	LIT444	Văn phòng điện tử	2	2					
Chuyên ngành 2: Giảng dạy văn học			6	4	2				
1	LIT403	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	2	1	1				
2	LIT404	Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và công tác chủ nhiệm lớp	2	1	1				LIT403
3	LIT405	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	2					LIT403
Chuyên ngành 3: Văn - Truyền thông			6	6					
1	PUR445	PR nội bộ và PR cộng đồng	2	2					
2	MMC405	Biên kịch phim ngắn	2	2					
3	PUR433	Các thể loại báo chí	2	2					
II.4. Kiến thức tốt nghiệp			17	0	0	5	0	12	
1	LIT546	TTTN Văn học	5			5			LIT442

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
2	LIT547	KLTN Văn học	12					12	LIT321
<i>Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>			12	12	0	0	0	0	
1	LIT440	Tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam	3	3					LIT321
2	LIT450	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam	3	3					LIT321
3	LIT433	Một số tác gia văn học Việt Nam hiện đại	3	3					LIT321
4	LIT449	Phê bình văn học	3	3					LIT321
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY			3		3				
1		Giáo dục thể chất 1	1		1				
2		Giáo dục thể chất 2	1		1				
3		Giáo dục thể chất 3	1		1				
4		Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Theo quy định hiện hành						
5		Kỹ năng mềm	Theo quy định hiện hành						
6		Năng lực ngoại ngữ	Theo quy định hiện hành						
7		Năng lực tin học	Theo quy định hiện hành						

Ghi chú:

- *Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh* Sinh viên học tập theo kế hoạch của Nhà trường

- *Các học phần kỹ năng mềm* Sinh viên liên hệ với Viện Doanh trí để đăng ký học và thi

- *Năng lực tin học, Năng lực ngoại ngữ.* Sinh viên liên hệ với Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ để đăng ký học và thi

8. Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt):**8.1. Triết học Mác – Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism), 3 tín chỉ**

Tóm tắt học phần: Học phần Triết học Mác – Lênin gồm 3 chương, cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về triết học, triết học Mác – Lênin, thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, đối tượng, vai trò của triết học và triết học Mác – Lênin; các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng như vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử như hình thái kinh tế – xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã

hội, ý thức xã hội và vấn đề con người. Học phần góp phần hình thành cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học và định hướng nhận thức cho người học trong học tập, đời sống xã hội và hoạt động nghề nghiệp.

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về triết học Mác – Lênin, bao gồm thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; giúp người học hiểu được các khái niệm, phạm trù, nguyên lý và quy luật cơ bản của triết học Mác – Lênin trong nhận thức, đời sống xã hội và thực tiễn Việt Nam. Thông qua các nội dung học tập, thảo luận và liên hệ thực tiễn, người học bước đầu biết vận dụng phương pháp luận triết học để nhận diện, lý giải và trao đổi về một số vấn đề trong học tập, đời sống và nghề nghiệp. Học phần góp phần hình thành lập trường tư tưởng đúng đắn, tinh thần trách nhiệm, thái độ học tập nghiêm túc, ý thức tự chủ và định hướng rèn luyện theo các giá trị khoa học, nhân văn của triết học Mác – Lênin.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản của triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.	Thể hiện trong 50 câu trắc nghiệm
CLO2	Giải thích được các khái niệm, phạm trù, nguyên lý và quy luật cơ bản của triết học Mác – Lênin; bước đầu vận dụng để nhận diện và lý giải một số vấn đề thực tiễn.	Thể hiện trong 50 câu trắc nghiệm
CLO3	Thực hiện được kỹ năng thuyết trình, trao đổi, tranh biện và làm việc nhóm thông qua các chủ đề lý luận gắn với thực tiễn Việt Nam hiện nay.	Đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm
CLO4	Thể hiện được lập trường tư tưởng đúng đắn, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật và năng lực học tập độc lập trong học tập và công việc.	Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3	X							
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – Phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Phát vấn	X	X	X	
Giai quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X		X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm	CLO1: Mức độ hiểu các kiến thức nền tảng của triết học Mác – Lênin. CLO2: Mức độ hiểu và giải thích các phạm trù, nguyên lý, quy luật cơ bản.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 4 – 9	Thuyết trình, bài tập nhóm và Rubric thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Vận dụng kiến thức triết học, trao đổi, tranh biện và làm việc nhóm.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, trách nhiệm, ý thức học tập và tự học.	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin gồm 6 chương, nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về các phạm trù, quy luật và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Nội dung học phần bao gồm: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể kinh tế; giá trị thặng dư và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Học phần góp phần hình thành cơ sở nhận thức kinh tế – chính trị, năng lực liên hệ lý luận với thực tiễn và trách nhiệm xã hội của người học.

Mục tiêu học phần

Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Thông qua các nội dung học tập, thảo luận và liên hệ thực tiễn, người học bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị Mác – Lênin để nhận diện, giải thích và trao đổi về một số hiện tượng, quan hệ và vấn đề kinh tế – xã hội trong thực tiễn Việt Nam hiện nay. Học phần góp phần xây dựng lập trường tư tưởng, ý thức chính trị và trách nhiệm xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển của cá nhân và xã hội trong giai đoạn mới.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Vận dụng được các phạm trù và quy luật cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin để nhận diện một số hiện tượng kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường.	Thể hiện trong 40 câu trắc nghiệm
CLO2	Phân tích được bản chất, đặc điểm và quy luật vận động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, liên hệ với một số vấn đề kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.	
CLO3	Thực hiện được hoạt động thuyết trình, trao đổi và tranh biện nhóm về các chủ đề kinh tế - chính trị gắn với thực tiễn Việt Nam hiện nay.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện lập trường tư tưởng, ý thức trách nhiệm xã hội, tinh thần học tập nghiêm túc và ý thức tự rèn luyện theo các giá trị khoa học, nhân văn của kinh tế chính trị Mác - Lênin.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3	X							
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm.

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Phát vấn	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề	X	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Bài thi trắc nghiệm	CLO1: Mức độ vận dụng các phạm trù, quy luật kinh tế chính trị để nhận diện hiện tượng kinh tế - xã hội. CLO2: Mức độ phân tích bản chất, đặc điểm và quy luật vận động của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miễn	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 6	Thuyết trình, bài tập nhóm; rubric thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo và khả năng phân tích vấn đề kinh tế - xã hội. CLO3: Kỹ năng phối hợp, trình bày, trao đổi và tranh biện nhóm.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Mức độ chuyên cần, chuẩn bị bài, tham gia học tập, tinh thần trách nhiệm và ý thức tự rèn luyện.	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism of Marxism and Leninism), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương, cung cấp những tri thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung tập trung làm rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng và quy luật phát triển của chủ nghĩa xã hội; đồng thời phân tích các vấn đề dân chủ, nhà nước, giai cấp và dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thông qua học phần, sinh viên được hình thành thế giới quan khoa học, tư duy lý luận, bản lĩnh chính trị và ý thức trách nhiệm công dân, góp phần đáp ứng yêu cầu học tập, lao động và xây dựng đất nước trong bối cảnh hiện nay.

Mục tiêu học phần:

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời giúp hiểu các vấn đề dân chủ, nhà nước, dân tộc, tôn giáo và gia đình trong xã hội hiện nay. Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, nhận diện và luận giải các vấn đề chính trị – xã hội trên cơ sở khoa học; biết vận dụng kiến thức đã học để phân biệt bản chất và hiện tượng của các vấn đề trong đời sống thực tiễn. Sinh viên có thái độ học tập tích cực, phải nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của môn học, từ đó nhận thức đúng hướng đi đúng đắn của nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được các tiên đề tư tưởng, lịch sử và quy luật hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Thể hiện trong 40 câu trắc nghiệm
CLO2	Phân tích được bản chất các thực thể xã hội và các chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam.	
CLO3	Thực hiện được kỹ năng thuyết trình, tranh biện các vấn đề chính trị – xã hội gắn với thực tiễn Việt Nam.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện được bản lĩnh chính trị, ý thức kỷ luật và trách nhiệm công dân trong học tập và hoạt động xã hội.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3							X	
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	X
Phát vấn	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề		X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X		X
Thuyết trình – phản biện nhóm	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X	X	

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Theo lịch thi	Trắc nghiệm	CLO1: Phân tích tiền đề tư tưởng, lịch sử và quy luật phát triển CLO2: Phân tích các thực thể xã hội và chính sách xây dựng CNXH.	Do CLO1, CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miễn	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình Chuyên cần	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3-6	Thuyết trình, bài tập nhóm	CLO2: Nội dung phân tích. CLO3. Kỹ năng phối hợp, tranh biện, trình bày.	Đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Tuần 1-6	Bảng kiểm chuyên cần	Ý thức trách nhiệm, tham gia học tập và thảo luận.	Đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm.

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Thoughts of Ho Chi Minh), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển, nội dung cốt lõi và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; cơ sở và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và xây

dựng con người. Học phần góp phần hình thành nhận thức chính trị, đạo đức, trách nhiệm công dân và định hướng rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong học tập, nghề nghiệp và đời sống xã hội.

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển và nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người. Thông qua các nội dung học tập, thảo luận và liên hệ thực tiễn, người học bước đầu biết giải thích, trao đổi và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận diện, liên hệ một số vấn đề trong học tập, nghề nghiệp, đời sống xã hội và công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hiện nay. Học phần góp phần hình thành thái độ học tập tích cực, ý thức đạo đức, trách nhiệm xã hội, lập trường chính trị phù hợp và định hướng rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được các tiền đề tư tưởng, lịch sử và quá trình hình thành, phát triển của Tư tưởng Hồ Chí Minh.	Thể hiện trong 40 câu trắc nghiệm
CLO2	Phân tích được các nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, Đảng, Nhà nước, văn hóa, đạo đức và con người.	
CLO3	Thực hiện được kỹ năng thuyết trình, tranh biện các vấn đề lý luận gắn với thực tiễn Việt Nam hiện nay trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện được lập trường chính trị, ý thức đạo đức, trách nhiệm xã hội và tự định hướng rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong học tập và nghề nghiệp.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3							X	

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO4							X	X

Phương pháp dạy – học Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	X
Phát vấn	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề		X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X		X
Thuyết trình – phản biện nhóm	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá. Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X	X	

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm	CLO1: Phân tích các tiền đề tư tưởng, lịch sử và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. CLO2: Phân tích các nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh.	Đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức	Tuần 3–6	Thuyết trình,	CLO2. Nội dung phân tích và liên hệ thực tiễn. CLO3:	Đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Chuyên cần			va kỹ năng		bài tập nhóm	Kỹ năng phối hợp nhóm, tranh biện và trình bày.	
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1-6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Ý thức học tập, trách nhiệm xã hội, đạo đức và định hướng rèn luyện theo tư tưởng Hồ Chí Minh.	Đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần:

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm chương nhập môn và 03 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử Đảng từ năm 1930 đến nay. Nội dung học phần làm rõ quá trình ra đời của Đảng, vai trò lãnh đạo trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đồng thời,

học phần trình bày đường lối đổi mới, chủ trương hội nhập quốc tế và những thành tựu của đất nước trong thời kỳ hiện đại.

Qua đó, người học hiểu được bản chất, vai trò và sứ mệnh lịch sử của Đảng; có khả năng vận dụng kiến thức vào nhận thức và thực tiễn, góp phần nâng cao tư duy chính trị, ý thức trách nhiệm công dân và tinh thần tham gia xây dựng, phát triển đất nước hiện nay.

Mục tiêu học phần.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, quá trình phát triển và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời làm rõ đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tư duy lịch sử, phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức lịch sử Đảng vào thực tiễn; nâng cao năng lực nhận diện và phân biệt các quan điểm sai trái, xuyên tạc lịch sử.

Học phần góp phần bồi dưỡng cho sinh viên thái độ học tập nghiêm túc, ý thức tôn trọng sự thật lịch sử, củng cố niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng, tinh thần yêu nước và trách nhiệm công dân trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được quá trình ra đời, phát triển và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới từ năm 1930 đến nay.	Thể hiện trong 40 câu trắc nghiệm
CLO2	Phân tích được cơ sở lịch sử, lý luận và thực tiễn của một số chủ trương, đường lối lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.	
CLO3	Vận dụng được kiến thức lịch sử Đảng để phân tích, trao đổi và liên hệ một số sự kiện, chủ trương, bài học kinh nghiệm với thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện được trách nhiệm công dân, ý thức tôn trọng sự thật lịch sử, chủ động học tập và tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3							X	
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học. Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Phát vấn	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề	X	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X		X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá. Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm	CLO1: Phân tích quá trình phát triển và vai trò lãnh đạo của Đảng. CLO2: Phân tích cơ sở lịch sử, lý luận và thực tiễn của các chủ trương, đường lối.	Đo CLO1, CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình Chuyên cần	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3-6	Thuyết trình, bài tập nhóm	CLO2: Nội dung phân tích. CLO3: Khả năng vận dụng, liên hệ thực tiễn, tranh biện.	Đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Tuần 1-6	Bảng kiểm soát chuyên cần	Ý thức trách nhiệm, tôn trọng sự thật lịch sử và tham gia học tập.	Đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – tranh biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.6. Pháp luật đại cương (Introduction to Law), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần Môn học gồm 08 chương, cung cấp cho người học kiến thức đại cương về nhà nước và pháp luật, bao gồm:

- Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của nhà nước, kiểu nhà nước, hình thức nhà nước và khái quát về cấu trúc của bộ máy nhà nước; chức năng của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam.

- Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của pháp luật, kiểu pháp luật, hình thức pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, ý thức và thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý.

- Giới thiệu các nội dung cơ bản về hệ thống pháp luật và các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hành chính, Luật tổ tụng hành chính, Luật Hình sự, Luật Tổ tụng hình sự, Luật Dân sự, Luật Tổ tụng dân sự, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình.

Mục tiêu học phần. Học phần nhằm giúp người học hình thành nhận thức cơ bản về nhà nước, pháp luật, bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Thông qua các khái niệm, quy định pháp luật cơ bản và tình huống minh họa, người học bước đầu biết vận dụng kiến thức pháp luật để nhận diện, trao đổi và lựa chọn cách ứng xử phù hợp đối với một số vấn đề pháp lý phổ biến trong học tập, lao động, sinh hoạt và đời sống xã hội. Học phần góp phần hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật và trách nhiệm công dân

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được các khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật: nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, kiểu loại, hình thức nhà nước và pháp luật.	Thể hiện trong 50 câu trắc nghiệm
CLO2	Trình bày được khái quát cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam và các ngành luật cơ bản.	
CLO3	Vận dụng được kiến thức pháp luật cơ bản để nhận diện và trao đổi về một số tình huống pháp lý phổ biến trong đời sống xã hội.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật và tinh thần trách nhiệm công dân trong học tập và hoạt động xã hội.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO3							X	
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học Thuyết giảng, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X			
Giải quyết vấn đề	X			
Tự học có hướng dẫn		X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm	CLO1: hiểu khái niệm nhà nước và pháp luật. CLO2: trình bày bộ máy nhà nước và các ngành luật cơ bản	Đo CLO1, CLO2
Quá trình Chuyên cần	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3-6	Thuyết trình, bài tập nhóm	CLO2: nội dung báo cáo. CLO3: vận dụng pháp luật vào tình huống và biện luận.	Đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
	CLO4	10%	Thái độ	Tuần 1-6	Bảng kiểm soát chuyên cần	Ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm công dân.	Do CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.7. Đại cương công nghệ thông tin và truyền thông (Fundamental information and communicat technology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về hệ thống thông tin, từ cấu trúc phần cứng, phần mềm, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu đến các ứng dụng văn phòng cơ bản (Word, Excel, PowerPoint) và các vấn đề an toàn thông tin, đạo đức công nghệ trong thời đại mới

Mục tiêu học phần. Học phần Đại cương Công nghệ thông tin và Truyền thông hướng tới mục tiêu trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng vững chắc về thông tin, cấu trúc phần cứng máy tính, hệ điều hành, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu và các quy tắc an toàn bảo mật dữ liệu cá nhân trong kỷ nguyên số. Song song với lý thuyết, môn học chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành tin học văn phòng ứng dụng, giúp sinh viên làm chủ các thao tác định dạng văn bản báo cáo nghiên cứu khoa học, xử lý số liệu tính toán trên bảng tính,

và thiết kế các bài thuyết trình đa phương tiện phục vụ đắc lực cho công việc. Qua đó, học phần hình thành thói quen kỷ luật, tinh thần chủ động tự học và ý thức tôn trọng luật pháp, đạo đức trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào đời sống và học tập.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ thống máy tính, phần cứng, hệ điều hành, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu và an toàn bảo mật thông tin.	Thể hiện trong 50 câu trắc nghiệm
CLO2	Vận dụng được các kỹ năng xử lý số liệu bảng tính, định dạng văn bản và thiết kế bài trình chiếu phục vụ học tập và công việc.	
CLO3	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cá nhân, tinh tự học và tuân thủ đạo đức, pháp luật trong ứng dụng công nghệ thông tin.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2						X		
CLO3							X	X

Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, Phát vấn, Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Thảo luận nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng (Thuyết trình)	X		X
Phát vấn	X	X	X
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X
Thảo luận nhóm		X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá. Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X
CLO2		X	X

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO3	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Chi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức và kỹ năng	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm + bài thực hành	CLO1: kiến thức hệ thống CNTT. CLO2: kỹ năng Word, Excel, PowerPoint.	Đo CLO1, CLO2
Quá trình Chuyên cần	CLO2	30%	Kỹ năng	Tuần 3-6	Thuyết trình, bài tập thực hành	Đánh giá kỹ năng xử lý dữ liệu, soạn thảo văn bản và thiết kế trình chiếu.	Đo CLO2
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần	Tinh thần trách nhiệm, tự học và tuân thủ đạo đức, pháp luật trong sử dụng CNTT.	Đo CLO3

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi, có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			thường xuyên.	đổi tích cực.	vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biệt nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn..

8.8. Tiếng Anh giao tiếp 1 (General English 1), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần gồm 06 chương, giúp người học phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh ở cấp độ A1 thông qua việc củng cố kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, phát âm) và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết). Nội dung học phần được triển khai qua các chủ đề giao tiếp quen thuộc trong đời sống hằng ngày, bao gồm: con người, đồ vật và sở hữu, nơi chốn, thời gian rảnh, ẩm thực và tiền tệ.

Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên:

- Được trang bị kiến thức ngôn ngữ cơ bản để giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống hằng ngày và công việc đơn giản,
- Vận dụng kiến thức ngôn ngữ cơ bản để có thể sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở mức độ sơ cấp;
- Có ý thức học tập chủ động, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong hoạt động cá nhân, cặp/nhóm.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Nhận diện được các cấu trúc ngữ pháp, từ vựng và đặc điểm phát âm cơ bản trong các chủ đề giao tiếp quen thuộc ở cấp độ A1.	Thể hiện trong 30 câu trắc nghiệm và 10 câu tự luận của bài thi tổng hợp
CLO2	Giải thích được ý chính và thông tin chi tiết trong các bài nghe, bài đọc, hội thoại và văn bản ngắn thuộc các chủ đề giao tiếp quen thuộc ở cấp độ A1.	
CLO3	Thực hiện được các nhiệm vụ giao tiếp nói và viết ở cấp độ A1.	
CLO4	Thể hiện được thái độ học tập chủ động, khả năng tự học, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong hoạt động học tập.	Không đánh giá qua đề thi tổng hợp (đánh giá qua

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
		Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1					X			
CLO2					X			
CLO3					X			
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Đường hướng giao tiếp, Dạy học theo nhiệm vụ, Trình bày - luyện tập – vận dụng, Dạy học tích hợp kỹ năng, Dạy học theo ngữ cảnh, Làm việc cá nhân, cặp và nhóm, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy-học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Đường hướng giao tiếp	X		X	X
Dạy học theo nhiệm vụ	X	X	X	X
Trình bày – luyện tập – vận dụng	X		X	
Dạy học tích hợp kỹ năng	X	X	X	
Dạy học theo ngữ cảnh	X	X	X	
Làm việc cá nhân, cặp và nhóm			X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, Hoạt động nhóm, thi tổng hợp

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Hoạt động nhóm	Thi tổng hợp
CLO1		X	X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi kết thúc học phần	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Nhận thức	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi tổng hợp gồm 40 câu; ma trận đề thi; đáp án/hướng dẫn chấm	CLO1: mức độ vận dụng kiến thức ngôn ngữ cơ bản. CLO2: mức độ xác định ý chính và thông tin chi tiết trong ngữ liệu phù hợp cấp độ A1. CLO3: mức độ viết câu hoàn chỉnh theo từ gợi ý	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Kiểm tra giữa khoá	CLO2; CLO3	15%	Nhận thức và kỹ năng	Tuần 3-6	Đề/câu hỏi vấn đáp theo chủ đề học phần; rubric đánh giá vấn đáp; hướng dẫn chấm	CLO2: hiểu câu hỏi và xác định được thông tin cần phản hồi. CLO3: thực hiện hỏi – đáp, hội thoại ngắn hoặc trình bày ngắn theo chủ đề học phần.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
Tham gia hoạt động trên lớp và ngoài lớp	CLO1; CLO3; CLO4	15%	Nhận thức, kỹ năng, và thái độ	Suốt học kỳ	Bảng theo dõi hoạt động học tập	CLO1: sử dụng kiến thức ngôn ngữ trong hoạt động học tập. CLO3: thực hiện hoạt động nói/viết, cá nhân/cặp/nhóm. CLO4: tham gia, hợp tác và hoàn thành nhiệm vụ học tập.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO3, CLO4
Chuyên cần	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng theo dõi	CLO4: ý thức tham dự lớp, đúng giờ và trách nhiệm học tập.	Lấy dữ liệu

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					chuyên cần		liều đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.9. Tiếng Anh giao tiếp 2 (General English 2), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần gồm 06 bài, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về tiếng Anh giao tiếp ở mức độ cơ bản. Người học được phát triển các kỹ năng tiếng Anh như Nghe, Nói, Đọc, Viết liên quan các chủ đề như du lịch, giải trí, lễ hội, phim ảnh, đôi nét về các địa danh nổi tiếng trên thế giới, bảo vệ môi trường và động vật, công nghệ và kết nối mạng, và đôi điều về nét văn hóa đặc sắc giới thiệu trong mỗi bài. Người học cũng được hệ thống kiến thức về từ vựng và văn phạm sử dụng trong các chủ đề nói trên.

Mục tiêu học phần. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên:

- Được trang bị kiến thức ngôn ngữ cơ bản để giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống hằng ngày và công việc đơn giản;

- Vận dụng kiến thức ngôn ngữ cơ bản để có thể sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở mức độ sơ cấp;

- Có ý thức học tập chủ động, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong hoạt động cá nhân, cặp/nhóm.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Vận dụng được kiến thức ngôn ngữ gồm ngữ pháp, từ vựng và phát âm trong các chủ đề giao tiếp quen thuộc ở trình độ A1–A2 như du lịch, giải trí, lễ hội, môi trường, công nghệ và văn hóa.	Thể hiện trong 30 câu trắc nghiệm và 10 câu tự luận của bài thi tổng hợp
CLO2	Phân tích được ý chính và thông tin chi tiết trong các bài nghe, bài đọc và văn bản ngắn thuộc các chủ đề giao tiếp quen thuộc ở trình độ A1–A2.	
CLO3	Thực hiện được các nhiệm vụ giao tiếp nói và viết ở trình độ A1–A2, bao gồm hội thoại, trình bày ý kiến cá nhân và viết văn bản ngắn theo chủ đề.	
CLO4	Thể hiện được khả năng tự học, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong các hoạt động học tập cá nhân, cặp/nhóm và cộng đồng lớp học.	Không đánh giá qua đề thi tổng hợp (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1					X			
CLO2					X			
CLO3					X			
CLO4								X

Phương pháp dạy – học Đường hướng giao tiếp, Dạy học theo nhiệm vụ, Trình bày – luyện tập – vận dụng, Dạy học tích hợp kỹ năng, Dạy học theo ngữ cảnh, Làm việc cá nhân, cặp và nhóm, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy-học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Đường hướng giao tiếp	X		X	X
Dạy học theo nhiệm vụ	X	X	X	X
Trình bày – luyện tập – vận dụng	X		X	
Dạy học tích hợp kỹ năng	X	X	X	
Dạy học theo ngữ cảnh	X	X	X	

Phương pháp giảng dạy-học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Làm việc cá nhân, cặp và nhóm			X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá Chuyên cần, Hoạt động nhóm, thi tổng hợp

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Hoạt động nhóm	Thi tổng hợp
CLO1		X	X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miễn	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi kết thúc học phần	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Nhận thức	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi tổng hợp	CLO1: vận dụng kiến thức ngôn ngữ. CLO2: phân tích thông tin trong ngữ liệu CLO3: thực hiện nhiệm vụ viết và giao tiếp.	Đo CLO1, CLO2, CLO3
Kiểm tra giữa khóa	CLO2; CLO3	15%	Nhận thức và kỹ năng	Tuần 3-6	Vấn đáp theo chủ đề	CLO2: hiểu và phân hồi thông tin. CLO3: hội thoại và trình bày ngắn.	Đo CLO2, CLO3
Tham gia hoạt động học tập	CLO1; CLO3; CLO4	15%	Nhận thức, kỹ năng và thái độ	Suốt học kỳ	Bảng theo dõi hoạt động học tập	Sử dụng tiếng Anh và hợp tác học tập.	Đo CLO1, CLO3, CLO4
Chuyên cần	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng theo dõi chuyên cần	Trách nhiệm học tập và tự học.	Đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biên nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.10. Môi trường và con người (Environment and Humans), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần.

Học phần gồm 06 chương, cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về môi trường, tài nguyên và mối quan hệ giữa con người với môi trường.

Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm về môi trường và quản lý môi trường; một số nguyên lý sinh thái áp dụng trong quản lý môi trường và tài nguyên; mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường; tài nguyên thiên nhiên; ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Học phần cũng giới thiệu một số công ước, quy định pháp luật, chính sách và công cụ quản lý môi trường ở Việt Nam và trên thế giới, qua đó giúp người học bước đầu nhận diện các vấn đề môi trường phổ biến và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

Mục tiêu học phần.

Học phần nhằm giúp người học hình thành nhận thức cơ bản về môi trường, tài nguyên, các nguyên lý sinh thái và mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên, môi trường với hoạt động phát triển của con người.

Thông qua các khái niệm, dữ liệu, tình huống và ví dụ thực tiễn, người học bước đầu giải thích được một số vấn đề môi trường phổ biến; nhận diện nguyên nhân, biểu hiện và tác động của ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên; đồng thời vận dụng kiến thức đã học để phân tích ở mức cơ bản một số tình huống môi trường và đề xuất hướng ứng xử hoặc giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp.

Học phần góp phần hình thành ý thức trách nhiệm xã hội, đạo đức môi trường và lối sống xanh, hướng đến phát triển bền vững.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được các khái niệm cơ bản về môi trường, tài nguyên, nguyên lý sinh thái và mối quan hệ dân số – tài nguyên – môi trường.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO2	Phân tích được thực trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên, phát triển bền vững và các chính sách, công cụ quản lý môi trường ở Việt Nam	
CLO3	Vận dụng được kiến thức môi trường để nhận diện vấn đề môi trường phổ biến và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường ở mức cơ bản.	- Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận - Đánh giá qua Thuyết trình, bài tập nhóm
CLO4	Thể hiện được ý thức trách nhiệm xã hội, đạo đức môi trường và sự sẵn sàng tham gia các hành động bảo vệ môi trường.	Không đánh giá qua bài tiểu luận (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3	X							
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học Thuyết trình, Hỏi lại hoặc vấn đáp, Đọc và tóm lược tài liệu, Động não nhanh

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Hỏi lại hoặc vấn đáp	X	X	X	X
Đọc và tóm lược tài liệu		X		
Động não nhanh			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận...

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình/Bài tập nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Nhận thức	Nộp tiểu luận theo lịch thi của Nhà trường	Bài tiểu luận	CLO1: Mức độ Hiểu.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
						CLO2: Mức độ Vận dụng kiến thức môi trường.	
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 6-9/ hoặc 8-11 theo lịch học offline hay online	Thuyết trình, bài tập nhóm.	CLO2: Nội dung báo cáo/ thuyết trình	Lấy dữ liệu đo CLO 3
					-Rubric đánh giá bài viết -Rubric thuyết trình.	CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (T1 - 9/ hoặc 1-11)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.11. Tinh thần khởi nghiệp (Entrepreneurship), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần gồm 08 chương, cung cấp cho người học kiến thức nhập môn về tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và đổi mới sáng tạo. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, vai trò của khởi nghiệp; tổ chức, kỹ năng và thái độ cần thiết của người có tinh thần khởi nghiệp; môi trường và hệ sinh thái khởi nghiệp; nhận diện vấn đề, nhu cầu thực tiễn, cơ hội và nhóm khách hàng/người dùng mục tiêu; hình thành ý tưởng khởi nghiệp hoặc đổi mới sáng tạo ở mức sơ bộ; các yếu tố cơ bản về sản phẩm/dịch vụ, khách hàng, thị trường, nguồn lực, tài chính, pháp luật, đạo đức kinh doanh và rủi ro khi xem xét một ý tưởng khởi nghiệp. Học phần góp phần hình thành tinh thần chủ động, trách nhiệm và giá trị nhân văn Văn Hiến theo định hướng “Thành nhân trước khi thành danh”.

Mục tiêu học phần Học phần nhằm giúp người học hình thành nhận thức ban đầu về tinh thần khởi nghiệp, vai trò của tư duy chủ động, sáng tạo và trách nhiệm trong học tập, nghề nghiệp và đời sống. Thông qua việc tiếp cận các khái niệm, tình huống và ví dụ thực tiễn về khởi nghiệp, người học bước đầu biết liên hệ tổ chức, năng lực cá nhân với cơ hội, nhu cầu xã hội và định hướng nghề nghiệp; từ đó có khả năng phác thảo ý tưởng khởi nghiệp hoặc đổi mới sáng tạo ở mức sơ bộ, phù hợp với bối cảnh ngành học và có xem xét ban đầu các yếu tố về sản phẩm/dịch vụ, khách hàng, nguồn lực, tài chính, pháp luật, đạo đức và rủi ro

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi	

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	mới sáng tạo và vai trò của khởi nghiệp đối với cá nhân, tổ chức và xã hội.	Thể hiện trong bài tiểu luận
CLO2	Mô tả được các tố chất, kỹ năng và thái độ cần thiết của người có tinh thần khởi nghiệp; bước đầu liên hệ với định hướng học tập và nghề nghiệp của bản thân.	
CLO3	Nêu được một số vấn đề, nhu cầu thực tiễn hoặc nhóm khách hàng/người dùng mục tiêu làm cơ sở hình thành ý tưởng khởi nghiệp hoặc đổi mới sáng tạo.	
CLO4	Trình bày được ý tưởng khởi nghiệp hoặc đổi mới sáng tạo ở mức sơ bộ, có xem xét bước đầu các yếu tố về sản phẩm/dịch vụ, khách hàng, nguồn lực, tài chính, pháp luật, đạo đức và rủi ro.	- Thể hiện trong bài tiểu luận - Đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2								X
CLO3	X							
CLO4							X	X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng tích cực, Giải thích cụ thể, Phát vấn và gợi mở vấn đề, Giải quyết vấn đề, Học theo tình huống, Thuyết trình – phản biện nhóm, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy - học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X			X
Giải thích cụ thể	X		X	
Phát vấn và gợi mở vấn đề	X	X		X
Giải quyết vấn đề	X	X	X	X
Học theo tình huống	X	X		X
Thuyết trình – phản biện nhóm	X	X		X
Tự học có hướng dẫn		X	X	

Phương pháp kiểm tra, đánh giá Chuyên cần, thuyết trình – phản biện nhóm, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Chuyên cần, tham gia học tập	CLO4	10%	Thái độ/Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần, phiếu quan sát	Theo dõi trách nhiệm, tham gia học tập và hợp tác nhóm.	Đo CLO4
Thuyết trình – phản biện nhóm	CLO2, CLO3, CLO4	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 8–14	Rubric thuyết trình	Đánh giá hiểu biết về tổ chức khởi nghiệp, nhu cầu thị trường và ý tưởng sơ bộ.	Đo CLO2, CLO3, CLO4
Tiểu luận/Đề án khởi nghiệp cuối kỳ	CLO1, CLO3, CLO4	60%	Kiến thức	Tuần 15–16	Rubric tiểu luận/đề án	Đánh giá kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và trình bày ý tưởng đổi mới sáng tạo ở mức sơ bộ.	Đo CLO1, CLO3, CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trong số 30% Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.12. Văn hiến Việt Nam (Vietnamese Culture), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Văn hiến Việt Nam gồm 7 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa, văn hiến, văn vật, văn minh và các nền tảng hình thành bản sắc văn hóa Việt Nam. Nội dung học phần bao gồm: tiến trình lịch sử văn hiến Việt Nam; văn hóa nhận thức; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; tín ngưỡng, phong tục, lễ hội của người Việt; văn hóa tổ chức đời sống tập thể; giao lưu, tiếp biến văn hóa nước ngoài; danh nhân văn hóa dân tộc và các giá trị cốt lõi của truyền thống văn hóa Việt Nam. Học phần góp phần hình thành nhận thức về bản sắc văn hóa dân tộc, thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống và trách nhiệm giữ gìn, phát huy văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập hiện nay

Mục tiêu học phần. Học phần nhằm giúp người học hình thành hiểu biết cơ bản về văn hóa, văn hiến Việt Nam, các giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, tín ngưỡng, phong tục, lễ hội, danh nhân văn hóa và quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa trong lịch sử Việt Nam. Thông qua các nội dung học tập, thảo luận và liên hệ thực tiễn, người học bước đầu biết nhận diện, giải thích và trao đổi về một số hiện tượng, giá trị, phong tục, tập quán và vấn đề văn hóa Việt Nam trong đời sống hiện nay. Học phần góp phần phát triển thái độ tôn trọng sự đa dạng văn hóa, ý thức giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tinh thần trách nhiệm công dân và năng lực hợp tác trong học tập.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được các đặc trưng, giá trị lịch sử và biểu hiện của bản sắc văn hóa Việt	Thể hiện trong đề thi trắc nghiệm 50 câu và thuyết

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	Nam thông qua các khái niệm văn hóa, văn hiến, văn vật và văn minh.	trình – phân biện nhóm giữa kỳ
CLO2	Vận dụng được kiến thức về văn hiến Việt Nam để nhận diện, trao đổi và liên hệ một số hiện tượng văn hóa, phong tục, tín ngưỡng, lễ hội hoặc vấn đề ứng xử văn hóa trong đời sống hiện nay.	
CLO3	Tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, thảo luận và trải nghiệm văn hóa; thể hiện trách nhiệm trong việc giữ gìn, tôn trọng và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2		X						
CLO3							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Thuyết trình - phân biện nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng	X		
Phát vấn	X	X	X
Thuyết trình - phân biện nhóm	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá. Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phân biện nhóm	Thi trắc nghiệm
CLO1		X	X
CLO2		X	X
CLO3	X	X	

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm 50 câu	CLO1: Phân tích đặc trưng, giá trị và bản sắc văn hóa Việt Nam. CLO2: Vận dụng kiến thức văn hiến Việt Nam để liên hệ hiện tượng văn hóa.	Đo CLO1, CLO2
Quá trình Chuyên cần	CLO1, CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 3-6	Thuyết trình – phản biện nhóm	CLO1: Phân tích giá trị văn hóa. CLO2: Vận dụng kiến thức văn hóa. CLO3: Trách nhiệm bảo tồn văn hóa.	Đo CLO1, CLO2, CLO3
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần	Đánh giá trách nhiệm, ý thức giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.	Đo CLO3

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			thường xuyên.			

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.13. Mỹ học đại cương (General Aesthetics), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại và tương đối toàn diện về mỹ học, trọng tâm là những kiến thức về quan hệ thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ: cái đẹp, cái bi, cái hài, cái cao cả, nghệ thuật và những vấn đề về giáo dục thẩm mỹ.

Mục tiêu học phần.

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khái quát nhất về mỹ học.
- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quan hệ thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ: cái đẹp, cái bi, cái hài, cái cao cả, nghệ thuật và những vấn đề về giáo dục thẩm mỹ.
- Góp phần rèn luyện kỹ năng vận dụng tri thức mỹ học vào một số lĩnh vực khác

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được những kiến thức cơ bản và các vấn đề cốt lõi của mỹ học	Thể hiện trong 2 câu đề thi tự luận
CLO2	Vận dụng được các phạm trù mỹ học như quan hệ thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ và nghệ thuật trong việc nhận diện hiện tượng thẩm mỹ.	- Thể hiện trong 2 câu đề thi tự luận - Đánh giá thuyết trình, phản biện, kiểm tra giữa kỳ
CLO3	Vận dụng được kiến thức mỹ học để phân tích các hiện tượng thẩm mỹ cụ thể trong đời sống và nghệ thuật.	Không đánh giá qua đề thi tự luận (đánh giá thuyết trình, phản biện, kiểm tra giữa kỳ)
CLO4	Nhận biết được trách nhiệm của cá nhân trong việc xây dựng, giữ gìn và phát huy các giá trị thẩm mỹ trong học tập và cuộc sống.	Không đánh giá qua đề thi tự luận (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2		X						
CLO3				X				
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X			
Phát vấn	X	X		
Tự học có hướng dẫn	X	X		X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi tự luận...

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tự luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Chi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 9	Thi tự luận	CLO1: Phân tích các vấn đề cốt lõi của mỹ học CLO2: Vận dụng các phạm trù mỹ học để nhận diện hiện tượng thẩm mỹ.	Đo CLO1, CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3–8	Thuyết trình, phản biện, kiểm tra giữa kỳ	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Phân tích hiện tượng thẩm mỹ và kỹ năng biện luận.	Đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1–9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Đánh giá ý thức học tập và nhận biết trách nhiệm đối với các giá trị thẩm mỹ.	Đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi, chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.14. Tâm lý học đại cương (Introduction to Psychology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần tâm lý học đại cương cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về: hoạt động và giao tiếp; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; những hiểu biết về quá trình nhận thức, cảm xúc, tình cảm và ý chí và hiểu được nhân cách

của con người nhằm giúp người học nắm bắt tri thức cơ bản, hệ thống về các hiện tượng tâm lý.

Mục tiêu học phần: Học phần có những mục tiêu:

Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về tâm lý học, bao gồm bản chất của tâm lý, vai trò của hoạt động và giao tiếp trong sự hình thành và phát triển tâm lý, cùng các hiện tượng tâm lý cơ bản như nhận thức, tình cảm, ý chí và nhân cách. Hình thành cho sinh viên kỹ năng nhận diện, phân tích và vận dụng kiến thức tâm lý để thích ứng với môi trường học tập, làm việc và cuộc sống. Sinh viên có thái độ học tập tích cực, tôn trọng con người và sự khác biệt về tâm lý, có trách nhiệm trong giao tiếp, ứng xử và hợp tác.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được bản chất tâm lý người, đối tượng, nhiệm vụ, chức năng của tâm lý học và vai trò của hoạt động, giao tiếp trong sự hình thành và phát triển tâm lý con người.	Thể hiện trong 2 câu đề thi tự luận
CLO2	Giải thích được bản chất của các hiện tượng tâm lý và quá trình hình thành, phát triển tâm lý, ý thức của con người.	- Thể hiện trong 2 câu đề thi tự luận - Đánh giá qua thuyết trình và bài tập nhóm
CLO3	Vận dụng được kiến thức về các hiện tượng tâm lý cơ bản (nhận thức, tình cảm, ý chí, nhân cách) để thích ứng với môi trường học tập, làm việc và cuộc sống.	Không đánh giá qua đề thi tự luận (đánh giá qua thuyết trình và bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện được sự tôn trọng con người, tôn trọng sự khác biệt về tâm lý và trách nhiệm trong giao tiếp, ứng xử và hợp tác.	Không đánh giá qua đề thi tự luận (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2			X					
CLO3					X			
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phân biện nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề	X	X	X	X
Tự học có hướng dẫn		X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm	X	X		

Phương pháp kiểm tra, đánh giá Chuyên cần, thuyết trình, bài tập nhóm, thi tự luận

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Thi tự luận	Bài tập nhóm
CLO1			X	
CLO2		X	X	
CLO3		X		
CLO4	X	X		X

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá		Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 9	Thi tự luận	CLO1: Phân tích bản chất tâm lý người. CLO2: Giải thích các hiện tượng tâm lý và sự hình thành ý thức.	Đo CLO1, CLO2
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3–8	Thuyết trình, bài tập nhóm	CLO2: Giải thích hiện tượng tâm lý. CLO3: Vận dụng kiến thức tâm lý vào thực tiễn.	Đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Đánh giá tinh thần hợp tác, tôn trọng sự khác biệt và trách	Đo CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá		Điểm lấy dữ liệu
						nhiệm trong giao tiếp.	

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.15. Phương pháp học đại học (Methods of Learning at University), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần bao gồm 6 chương, xoay quanh các nội dung chính, tìm hiểu sự thay đổi, thách thức ở môi trường đại học, rèn luyện kỹ năng học tập cho sinh viên, cung cấp những phương pháp nâng cao hiệu quả học tập; hướng dẫn sinh viên cách thực hiện một đề cương nghiên cứu khoa học, trình bày tiểu luận môn học. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kỹ năng xử lý tình huống khi gặp phải trong thực tế (nơi thực tập hay kiến tập, nơi làm thêm...) hay trải nghiệm bản thân trong cuộc sống (tham gia các phong trào Đoàn, Hội, công tác xã hội, làm thêm ..).

Mục tiêu học phần Học phần nhằm giúp người học nhận biết những đặc điểm, yêu cầu, cơ hội và thách thức của môi trường học tập ở bậc đại học; hiểu và bước đầu vận dụng các phương pháp, kỹ năng học tập phù hợp như tự học, đọc tài liệu, ghi chú, làm việc nhóm, thuyết trình, sử dụng công nghệ thông tin và quản lý hoạt động học tập. Học phần đồng thời trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, tìm kiếm và sử dụng tài liệu, trích dẫn học thuật, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và trình bày

tiểu luận môn học. Qua đó, học phần góp phần hình thành thái độ chủ động, kỷ luật, hợp tác, có trách nhiệm và tự định hướng trong quá trình học tập đại học.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Nhận biết được những đặc điểm của môi trường học tập đại học và các phương pháp học tập cơ bản ở bậc đại học.	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Mô tả được cách sử dụng một số phương pháp, kỹ năng học tập và công cụ công nghệ thông tin phục vụ học tập đại học.	
CLO3	Nhận biết được quy trình thực hiện một số kỹ năng học tập đại học như tự học, đọc tài liệu, ghi chú, tìm kiếm tài liệu, làm việc nhóm, thuyết trình và xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học theo hướng dẫn.	Không đánh giá qua bài tiểu luận (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Ý thức được tầm quan trọng của tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, thái độ hợp tác và chủ động trong học tập đại học.	Không đánh giá qua đề thi tiểu luận (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3							X	
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Giải quyết vấn đề		X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá. Chuyên cần, thuyết trình, thi tự luận...

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Thi tự luận	Bài tập nhóm
CLO1			X	
CLO2		X	X	X
CLO3		X		X
CLO4	X			

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Tiểu luận/Đề cương NCKH)	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Theo lịch thu bài	Tiểu luận	Đánh giá nhận biết môi trường học tập đại học và mô tả phương pháp học tập, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học cơ bản.	Đo CLO1, CLO2
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 1–9	Thuyết trình, bài tập nhóm	Đánh giá khả năng mô tả và nhận biết các kỹ năng học tập đại học theo hướng dẫn.	Đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần	Đánh giá ý thức kỷ luật, trách nhiệm và hợp tác trong học tập.	Đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi, có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi, chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.16. Kỹ năng sử dụng tiếng Việt (Vietnamese Language Skills), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 5 chương giới thiệu khái quát về âm tiết, chữ viết và văn bản của người Việt; hướng dẫn rèn luyện kỹ năng kiểm tra, phát hiện và chỉnh sửa lỗi sử dụng tiếng Việt trên văn bản và trong giao tiếp lời nói; hướng dẫn cập nhật quy định và yêu cầu cơ bản về chữ viết, ngôn ngữ, thể thức soạn thảo hiện hành của văn bản khoa học, văn bản hành chính và văn bản báo chí. Rèn luyện kỹ năng soạn thảo hoàn thiện một số mẫu văn bản thông thường ứng dụng trong học tập, làm việc

Mục tiêu học phần.

- Cung cấp cho người học những kiến thức đại cương về tiếng Việt trong nói và viết nhằm nâng cao khả năng nắm bắt và sử dụng chuẩn xác tiếng Việt. Hình thành và rèn luyện kỹ năng sử dụng đúng chuẩn ngôn ngữ và phong cách tiếng Việt cũng như các kỹ năng, thao tác thiết yếu về văn bản.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khả năng phân tích, phán đoán và cách thức trình bày văn bản ở các dạng thức nâng cao.

- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Xác định được khái niệm, cấu tạo âm tiết, chữ viết tiếng Việt, các loại văn bản và các quy định hiện hành về chuẩn chính tả tiếng Việt.	Thể hiện qua bài tiểu luận

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Mô tả được các đặc trưng ngôn ngữ và thể thức trình bày của các loại hình văn bản phổ biến (khoa học, hành chính, báo chí).	
CLO3	Nhận biết được các yêu cầu cơ bản của văn bản hành chính, báo chí và báo cáo khoa học theo quy định hiện hành.	Không đánh giá qua bài tiểu luận (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Ý thức được trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; tinh thần trách nhiệm, kỷ luật và chuẩn mực sử dụng ngôn ngữ trong học tập và giao tiếp.	Không đánh giá qua bài tiểu luận (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2					X			
CLO3						X		
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận...

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Theo lịch thu bài tiểu luận	Tiểu luận	CLO1: mức độ nhận biết; CLO2. mức độ mô tả đặc trưng và thể thức văn bản.	Đo CLO1, CLO2
Quá trình Chuyên cần	CLO3	30%	Kiến thức	Tuần 1-9	Thuyết trình, bài tập nhóm	Đánh giá khả năng nhận biết yêu cầu cơ bản của các loại văn bản.	Đo CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Tuần 1-9	Bảng kiểm chuyên cần	Đánh giá ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và trách nhiệm học tập.	Đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi, có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.17. Kỹ năng hành chính văn phòng (Office administrative skills), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần

Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về công tác nghiệp vụ văn phòng và quản trị hoạt động hành chính văn phòng, nhằm giúp người học lập được kế hoạch hội nghị, hội họp, đi công tác, tiếp khách, soạn thảo văn bản hành chính thông dụng ... một cách khoa học và hiệu quả khi đi làm thực tế ở doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm bao gồm: giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình.

Mục tiêu học phần.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác văn phòng và các nghiệp vụ hành chính văn phòng như xử lý công văn, tổ chức hội họp, soạn thảo văn bản, kỹ thuật viết email, lưu trữ tài liệu và giao tiếp hành chính.

Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hành nghiệp vụ văn phòng, kỹ năng phân tích, xử lý thông tin, giao tiếp, thuyết trình và tổ chức công việc văn phòng hiệu quả.

Học phần góp phần hình thành cho sinh viên tác phong làm việc chuyên nghiệp, cẩn thận, trách nhiệm, trung thực và ý thức tuân thủ quy định trong môi trường hành chính – văn phòng.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được những kiến thức cơ bản về công tác văn phòng và quản trị hành chính văn phòng.	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Phân tích được các hoạt động trong văn phòng phục vụ quản trị doanh nghiệp.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Thể hiện qua bài thuyết trình, bài tập nhóm
CLO3	Thực hiện được các công việc nghiệp vụ văn phòng như soạn thảo văn bản, lập kế hoạch hội họp, tổ chức công tác, giao tiếp hành chính và viết email theo yêu cầu công việc.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Thể hiện qua bài thuyết trình, bài tập nhóm
CLO4	Thể hiện được thái độ học tập nghiêm túc, tinh thần tự học, tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động học tập.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Thể hiện qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X	X			

CLO3						X		
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học. Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình			X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá. Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		X

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Tiểu luận)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Theo lịch thu bài tiểu luận	Tiểu luận	Lập kế hoạch tổ chức chuyên tham quan/nghiêm túc; đánh giá kiến thức quản trị văn phòng, kỹ năng nghiệp vụ và thái độ nghề nghiệp.	Đo CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3–8	Thuyết trình, bài tập nhóm	Đánh giá nội dung báo cáo, kỹ năng phối hợp, giao tiếp và xử lý công việc văn phòng.	Đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát	Đánh giá tinh thần tự học, trách nhiệm và tác phong làm việc.	Đo CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					chuyên cần		

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.18. Quản trị sự thay đổi (Change Management), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần gồm 05 chương, cung cấp cho người học kiến thức nhập môn về quản trị sự thay đổi trong tổ chức và môi trường nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, vai trò và ý nghĩa của quản trị sự thay đổi; bối cảnh, nguyên nhân, động lực và các hình thức thay đổi; mức độ sẵn sàng thay đổi của cá nhân và tổ chức; một số mô hình quản trị sự thay đổi; truyền thông, huy động sự tham gia của các bên liên quan; phản ứng tâm lý, sự chống đối thay đổi và cách hỗ trợ cá nhân, nhóm thích nghi với thay đổi. Học phần cũng giới thiệu định hướng xây dựng tổ chức học hỏi, đổi mới liên tục và thích ứng với chuyển đổi số trong bối cảnh hiện nay

Mục tiêu học phần. Học phần nhằm giúp người học hình thành nhận thức cơ bản về bản chất, nguyên nhân, động lực và quá trình thay đổi trong tổ chức, doanh nghiệp và môi trường nghề nghiệp. Thông qua các khái niệm, mô hình, tình huống và ví dụ thực tiễn, người học bước đầu nhận diện được các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng thay đổi, phản ứng của cá nhân và nhóm trước thay đổi, vai trò của truyền thông, lãnh đạo và các bên liên quan trong quá trình thay đổi. Học phần góp phần hình thành thái độ chủ động, linh hoạt,

hợp tác, có trách nhiệm và sẵn sàng học hỏi để thích ứng với thay đổi trong học tập, nghề nghiệp và đời sống

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được các khái niệm cơ bản, vai trò, nguyên nhân, động lực và quá trình thay đổi trong tổ chức, doanh nghiệp và môi trường nghề nghiệp.	Thể hiện trong bài tiểu luận
CLO2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về quản trị sự thay đổi để nhận diện tình huống thay đổi, phân tích định hướng kế hoạch thay đổi và đề xuất cách thích ứng phù hợp ở mức cơ bản.	
CLO3	Thể hiện được thái độ chủ động, linh hoạt, hợp tác, có trách nhiệm và sẵn sàng học hỏi trong học tập và hoạt động nghề nghiệp khi đối diện với sự thay đổi.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Thể hiện qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2								X
CLO3						X	X	

Phương pháp dạy – học Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Giao bài đọc về nhà

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X		X	X
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X			X
Giao bài đọc về nhà			X	
Thảo luận nhóm		X	X	

Phương pháp kiểm tra, đánh giá Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phân biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO2		X	X
CLO3	X	X	

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Theo lịch thi	Tiểu luận	CLO1: giải thích kiến thức nền tảng. CLO2: vận dụng kiến thức quản trị sự thay đổi.	Đo CLO1, CLO2
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3–8	Thuyết trình – phản biện nhóm	CLO2: phân tích tình huống và giải pháp CLO3: phối hợp, thích nghi và phản biện.	Đo CLO2, CLO3
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chủ động, tích cực, trách nhiệm và hợp tác trong học tập.	Đo CLO3

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			thường xuyên.	đôi tích cực.	nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.19. Pháp luật truyền thông (Law of Communication), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần

Môn học gồm 06 chương, trình bày các khái niệm cơ bản về pháp luật; quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí-xuất bản (những nguyên tắc cơ bản, bộ máy nhà nước và hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí-xuất bản); pháp luật về báo chí (cơ quan báo chí- các loại hình, nhiệm vụ và quyền hạn; nhà báo, cộng tác viên – nhiệm vụ và quyền hạn); pháp luật về xuất bản (hệ thống pháp luật điều chỉnh về xuất bản, quyền và nghĩa vụ công dân đối với hoạt động xuất bản, quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản)

Môn học cũng đề cập đến vấn đề quyền tác giả, sở hữu trí tuệ (qui chế bảo hộ quyền tác giả, chuyển giao quyền sở hữu tác phẩm ..), trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực báo chí-xuất bản, các hoạt động quản lý cũng như cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

Mục tiêu học phần: Sinh viên nhận thức chung được các vấn đề cơ bản về pháp luật và quản lý nhà nước đối với lĩnh vực truyền thông. Đồng thời nắm được những quy định pháp luật cơ bản liên quan đến ngành luật sở hữu trí tuệ như bảo hộ quyền tác giả, chuyển giao quyền sở hữu tác phẩm... các quy định về hoạt động mạng xã hội và trang thông tin điện tử để từ đó có thể vận dụng kiến thức pháp luật giải quyết những vấn đề pháp lý về truyền thông xảy ra trong thực tiễn.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được các quy định cơ bản của pháp luật báo chí, pháp luật xuất bản, pháp luật quyền tác giả và pháp luật về hoạt động mạng xã hội.	Thể hiện qua bài thi tự luận 2 câu
CLO2	Phân tích được trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, quyền tác giả và hoạt động mạng xã hội.	- Thể hiện qua bài thi tự luận 2 câu

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
		- Thể hiện qua thuyết trình, bài tập nhóm
CLO3	Vận dụng được các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản phát sinh trong thực tiễn truyền thông.	Không đánh giá qua bài tự luận (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện được ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật và trách nhiệm công dân trong hoạt động truyền thông.	Không đánh giá qua bài tự luận (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2			X					
CLO3			X					
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học Thuyết giảng, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Giải quyết vấn đề			X	
Tự học có hướng dẫn			X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá Chuyên cần, thuyết trình, thi tự luận

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Theo lịch thi Nhà trường	Tự luận	CLO1: Phân tích quy định pháp luật truyền thông. CLO2: Phân tích trách nhiệm pháp lý trong các tình huống truyền thông.	Đo CLO1, CLO2
Quá trình Chuyên cần	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3-6	Thuyết trình, bài tập nhóm, rubric đánh giá	CLO2: Nội dung phân tích. CLO3: Vận dụng pháp luật để giải quyết tình huống thực tiễn.	Đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm công dân và đạo đức truyền thông.	Đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			chưa thường xuyên.	đôi tích cực.	nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm. trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn

8.20. Kỹ thuật quay Audio Video (Audio Video Recording Techniques), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần Kỹ thuật quay Audio-Video cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành cơ bản về hệ thống thiết bị, nguyên lý kỹ thuật và quy trình sản xuất audio-video trong hoạt động truyền thông hiện đại. Nội dung học phần bao gồm: tổng quan về audio-video; nguyên lý video; nguyên lý audio; phân loại thiết bị video và audio; ánh sáng cho phim; kết nối tín hiệu audio-video; và hệ thống dựng hình trực tiếp. Thông qua các hoạt động lý thuyết, thảo luận, bài tập cá nhân và bài tập nhóm, sinh viên được rèn luyện khả năng nhận diện, lựa chọn, lắp ráp, vận hành thiết bị quay – thu âm – ánh sáng và thực hiện sản phẩm audio-video cơ bản phục vụ các bối cảnh truyền thông, quan hệ công chúng và truyền thông đa phương tiện. Học phần đồng thời góp phần hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác, ý thức bảo quản thiết bị và trách nhiệm nghề nghiệp trong sản xuất truyền thông.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp kiến thức cơ bản về máy quay, thiết bị audio-video, ánh sáng, tín hiệu hình ảnh – âm thanh và thiết bị phụ trợ;
- Giúp sinh viên bước đầu nhận diện, lựa chọn và sử dụng một số thiết bị audio-video thông dụng phục vụ các nhiệm vụ học tập như quay bối cảnh, ghi âm, video ngắn hoặc phóng sự truyền thông cơ bản;
- Rèn luyện kỹ năng thực hành có hướng dẫn trong chuẩn bị thiết bị, thao tác quay – thu âm, điều chỉnh ánh sáng và kết nối thiết bị ở mức cơ bản;
- Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tinh thần làm việc nhóm, trách nhiệm trong sử dụng – bảo quản thiết bị và tuân thủ quy trình thực hành nghề nghiệp truyền thông.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày chức năng cơ bản của máy quay, thiết bị audio-video, ánh sáng và thiết bị phụ trợ	- Đánh giá qua sản phẩm thực hành (Audio Video) - Đánh giá qua bài tập cá nhân

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Triển khai các nguyên lý hình ảnh, âm thanh, ánh sáng và kết nối tín hiệu audio-video	- Đánh giá qua sản phẩm thực hành (Audio Video) - Đánh giá qua bài tập nhóm, thuyết trình
CLO3	Làm chủ các bước chuẩn bị thiết bị, quay hình, thu âm và vận hành quy trình sản xuất	- Đánh giá qua sản phẩm thực hành (Audio Video) - Đánh giá qua bài tập cá nhân - Đánh giá qua bài tập nhóm, thuyết trình
CLO4	Đóng góp quy trình thực hành, làm việc nhóm và trách nhiệm nghề nghiệp	- Đánh giá qua bài tập nhóm, thuyết trình - Đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2			X	X				
CLO3						X		
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng tích cực, Phát vấn/Câu hỏi gợi mở, Hướng dẫn thực hành và mô phỏng thao tác thiết bị, Giải quyết vấn đề kỹ thuật trong quay – thu âm, Phân tích tình huống/nhận xét sản phẩm audio-video, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phân biện nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X	X		
Phát vấn/Câu hỏi gợi mở	X	X		
Hướng dẫn thực hành và mô phỏng thao tác thiết bị	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề kỹ thuật trong quay – thu âm		X	X	X

Phương pháp giảng dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Phân tích tình huống/nhận xét sản phẩm audio-video		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá. Chuyên cần, Thuyết trình, Bài tập cá nhân/nhóm, Sản phẩm thực hành

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Bài tập cá nhân/nhóm	Sản phẩm thực hành
CLO1			X	X
CLO2		X	X	X
CLO3		X	X	X
CLO4	X	X	X	

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi/đánh giá cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 9	Rubric đánh giá sản phẩm Audio – Video cuối kỳ và báo cáo thuyết minh	CLO1: Trình bày được chức năng thiết bị. CLO2: Triển khai được nguyên lý hình ảnh, âm thanh, ánh sáng, thông số và kết nối tín hiệu. CLO3: Làm chủ được các bước trong chuẩn bị thiết bị, để thực hiện quay hình, thu âm, điều chỉnh ánh sáng và kết nối thiết bị	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3 từ điểm sản phẩm cuối kỳ và báo cáo thuyết minh.

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						audio-video theo hướng dẫn.	
Quá trình/Giữa kỳ	CLO1; CLO3	10%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3-5	Bài tập cá nhân	Sinh viên thực hành nhận diện thiết bị, chuẩn bị thiết bị, thao tác quay – thu âm, quay bối cảnh nội – ngày và ngoại – ngày.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO3 từ điểm bài tập cá nhân.
Giữa kỳ	CLO2; CLO3, CLO4	20%	Kiến thức, kỹ năng và thái độ	Tuần 6-8	Bài tập nhóm/ Thuyết trình – phản biện sản phẩm thực hành	Nhóm sinh viên xây dựng phương án thiết bị, thực hiện video/phóng sự truyền thông ngắn, trình bày quy trình thực hiện, phản biện và rút kinh nghiệm sản phẩm.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3, CLO4 từ điểm bài tập nhóm, thuyết trình – phản biện và sản phẩm thực hành.
Quá trình	CLO4	10%	Thái độ/Tư chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ, tuần 1-9	Bảng kiểm soát chuyên cần, quan sát tham gia lớp học và thực hành	Đánh giá mức độ chuyên cần, tinh thần hợp tác, tuân thủ quy trình thực hành, sử dụng – bảo quản thiết bị và trách nhiệm trong hoạt động nhóm.	Lấy dữ liệu đo CLO4 từ điểm chuyên cần và quan sát quá trình tham gia học tập, thực hành.

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Tổng	CLO1 – CLO4	100%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Tuần 1-9	Tổng hợp các công cụ đánh giá	Bảo đảm đo đủ 04 CLOs của học phần.	Dữ liệu tổng hợp phục vụ đánh giá mức độ đạt CLOs.

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.21. Nghệ thuật nhiếp ảnh (Art of Photography), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần.

Học phần *Nghệ thuật nhiếp ảnh* cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành về máy ảnh, thiết bị chụp hình, kỹ thuật chụp ảnh, bố cục tạo hình, ống kính, ánh sáng, các thể loại ảnh, ảnh đơn và phóng sự ảnh. Học phần giúp sinh viên vận dụng các thông số kỹ thuật như khẩu độ, tốc độ, ISO, đo sáng, lấy nét, cân bằng trắng, tiêu cự và độ sâu trường ảnh để thực hiện các sản phẩm ảnh có bố cục, ánh sáng, nội dung và thông điệp phù hợp. Thông qua bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và trình bày sản phẩm, sinh viên phát triển tư duy thị giác, khả năng đọc ảnh, lựa chọn chủ đề và thực hiện sản

phẩm nhiếp ảnh ứng dụng trong bối cảnh quan hệ công chúng và truyền thông đa phương tiện.

Mục tiêu học phần

- Trang bị kiến thức cơ bản về máy ảnh, thiết bị chụp hình, ống kính, ánh sáng, bố cục và các thể loại nhiếp ảnh.

- Rèn luyện kỹ năng sử dụng các thông số kỹ thuật cơ bản như khẩu độ, tốc độ, ISO, đo sáng, lấy nét, cân bằng trắng và tiêu cự trong quá trình chụp ảnh.

- Phát triển khả năng vận dụng bố cục, ánh sáng, góc chụp và ngôn ngữ hình ảnh để tạo sản phẩm ảnh có nội dung và thông điệp rõ ràng.

- Hình thành năng lực thực hiện ảnh đơn, ảnh theo chủ đề hoặc phóng sự ảnh phục vụ hoạt động truyền thông, PR và truyền thông đa phương tiện.

- Góp phần hình thành ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm trong sử dụng thiết bị, làm việc nhóm, đạo đức hình ảnh, bản quyền và tính trung thực trong nhiếp ảnh truyền thông.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được chức năng của máy ảnh, ống kính, thông số kỹ thuật và thiết bị liên quan trong quá trình chụp ảnh.	- Đánh giá sản phẩm thực hành nhiếp ảnh - Đánh giá bài tập cá nhân
CLO2	Triển khai được tác phẩm có bố cục, ánh sáng, màu sắc, góc chụp và ngôn ngữ hình ảnh trong tác phẩm nhiếp ảnh.	- Đánh giá sản phẩm thực hành nhiếp ảnh - Đánh giá thuyết trình – phản biện
CLO3	Hoàn thành được sản phẩm ảnh đơn, ảnh theo chủ đề hoặc phóng sự ảnh bằng việc vận dụng kỹ thuật chụp, bố cục, ánh sáng và xử lý hình ảnh cơ bản.	- Đánh giá sản phẩm thực hành nhiếp ảnh - Đánh giá bài tập cá nhân - Đánh giá thuyết trình – phản biện
CLO4	Tuân thủ quy định sử dụng thiết bị, làm việc nhóm, đạo đức hình ảnh, bản quyền và tính trung thực trong nhiếp ảnh truyền thông.	- Đánh giá thuyết trình – phản biện - Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X			X		
CLO2			X	X				
CLO3				X		X		

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng tích cực, Phát vấn/Câu hỏi gợi mở, Hướng dẫn thực hành kỹ thuật nhiếp ảnh, Phân tích tình huống/sản phẩm nhiếp ảnh, Giải quyết vấn đề thực hành, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm, Thực hành sản phẩm nhiếp ảnh theo chủ đề

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X	X		X
Phát vấn/Câu hỏi gợi mở	X	X		X
Hướng dẫn thực hành kỹ thuật nhiếp ảnh	X	X	X	X
Phân tích tình huống/sản phẩm nhiếp ảnh		X	X	X
Giải quyết vấn đề thực hành	X	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X
Thực hành sản phẩm nhiếp ảnh theo chủ đề	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, Thuyết trình, Bài tập cá nhân/nhóm, Sản phẩm thực hành

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Bài tập cá nhân/nhóm	Sản phẩm thực hành
CLO1			X	X
CLO2		X		X
CLO3		X	X	X
CLO4	X	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi/ đánh giá cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 9	Rubric đánh giá sản phẩm	CLO1: Mức độ trình bày được chức năng thiết bị, ống kính và thông	Lấy dữ liệu do CLO1, CLO2,

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					nhiếp ảnh/ảnh đơn/bộ ảnh/phóng sự ảnh kèm thuyết minh	số kỹ thuật CLO2: Mức độ triển khai được tác phẩm có bố cục, ánh sáng, góc chụp và ngôn ngữ hình ảnh. CLO3: Mức độ hoàn thành được sản phẩm nhiếp ảnh ứng dụng.	CLO3 từ điểm sản phẩm nhiếp ảnh cuối kỳ và phần thuyết minh.
Quá trình/ Giữa kỳ	CLO1; CLO3	10%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3-5	Rubric đánh giá bài tập cá nhân thực hành chụp ảnh theo chủ đề	Sinh viên thực hành sử dụng thiết bị, điều chỉnh thông số kỹ thuật, bố cục, ánh sáng, góc chụp và thực hiện ảnh theo chủ đề.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO3 từ điểm bài tập cá nhân.
	CLO2; CLO3; CLO4	20%	Kiến thức, kỹ năng và thái độ	Tuần 6-8	Rubric đánh giá thuyết trình – phản biện nhóm về sản phẩm nhiếp ảnh	Nhóm sinh viên trình bày, phân tích và phản biện sản phẩm nhiếp ảnh; giải thích lựa chọn kỹ thuật, bố cục, ánh sáng, nội dung, thông điệp và trách nhiệm hình ảnh.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3, CLO4 từ điểm thuyết trình – phản biện nhóm
	CLO4	10%	Thái độ/Tự chủ và	Suốt học kỳ, tuần 1-9	Bảng kiểm soát chuyên cần,	Đánh giá mức độ chuyên cần, tham gia thực hành, tinh thần hợp tác, trách nhiệm sử dụng	Lấy dữ liệu đo CLO4 từ điểm chuyên

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miễn	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
			trách nhiệm		tham gia thực hành, thảo luận và làm việc nhóm	thiết bị, đạo đức hình ảnh, bản quyền và tính trung thực trong nhiếp ảnh.	cân và quan sát quá trình tham gia học tập.
Tổng	CLO1–CLO4	100%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Tuần 1–9	Tổng hợp các công cụ đánh giá	Bảo đảm đo đủ 04 CLOs của học phần.	Dữ liệu tổng hợp phục vụ đánh giá mức độ đạt CLOs.

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi, có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.22. Kỹ năng tác nghiệp báo chí (Journalistic skills), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần Kỹ năng tác nghiệp báo chí cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghề báo, nghề phóng viên và quy trình tác nghiệp báo chí trong môi trường truyền thông đa nền tảng. Nội dung học phần tập trung vào các khâu phát hiện và lựa chọn đề tài, xác định nguồn tin, lập kế hoạch tác nghiệp, quan sát, ghi chép, phỏng vấn, ghi âm, ghi hình, chụp ảnh, thu thập – kiểm chứng – xử lý thông tin, tổ chức nội dung và xây dựng tin, bài hoặc sản phẩm báo chí cơ bản. Học phần đồng thời chú trọng yêu cầu về đạo đức nghề báo, pháp luật truyền thông, bản quyền, quyền riêng tư, bảo mật nguồn tin, phòng tránh tin giả và trách nhiệm xã hội trong hoạt động tác nghiệp báo chí.

Mục tiêu học phần

Học phần nhằm giúp người học phân tích được vai trò, nhiệm vụ và quy trình tác nghiệp của phóng viên trong môi trường báo chí đa nền tảng; đánh giá được đặc trưng của một số thể loại báo chí, phương pháp thu thập, kiểm chứng và xử lý thông tin phù hợp với từng tình huống tác nghiệp; thực hiện được các kỹ năng cơ bản như lựa chọn đề tài, lập kế hoạch tác nghiệp, quan sát, ghi chép, phỏng vấn, ghi âm, ghi hình, chụp ảnh, xử lý thông tin và xây dựng tin, bài hoặc sản phẩm báo chí cơ bản. Học phần góp phần hình thành ý thức trung thực, khách quan, cẩn trọng, tuân thủ đạo đức nghề báo, pháp luật truyền thông, bản quyền, quyền riêng tư, bảo mật nguồn tin và trách nhiệm xã hội trong hoạt động tác nghiệp báo chí.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được vai trò, nhiệm vụ, quy trình tác nghiệp của phóng viên và đặc điểm hoạt động báo chí trong các bối cảnh truyền thông khác nhau.	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Đánh giá được đặc trưng của các thể loại báo chí, phương pháp thu thập thông tin và cách thức xử lý thông tin phù hợp với từng tình huống tác nghiệp.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm
CLO3	Vận dụng được các kỹ năng quan sát, phỏng vấn, ghi âm, ghi hình, phân tích và tổ chức thông tin để triển khai quy trình tác nghiệp báo chí.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm
CLO4	Thể hiện được năng lực sản xuất tác phẩm báo chí hoàn chỉnh gắn với ý thức tuân thủ đạo đức nghề báo, pháp luật và trách nhiệm xã hội trong hoạt động tác nghiệp.	Đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2			X	X				
CLO3					X	X		
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học Thuyết giảng tích cực, Phát vấn, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phân biện nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X	X		X
Phát vấn	X	X		X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	
Thuyết trình – phân biện nhóm		X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, Thuyết trình – Phân biện, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Báo cáo tiểu luận)	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 9	Tiểu luận cuối kỳ Rubrics đánh giá tiểu luận	Nội dung tiểu luận gồm các đề mục chính: 1. Giới thiệu vấn đề/chủ đề 2. Trình bày cơ sở lý thuyết/khái niệm liên	CLO1 CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						quan đến kỹ năng tác nghiệp báo chí 3. Phân tích quy trình, kỹ năng tác nghiệp của phóng viên, kỹ năng phỏng vấn và xử lý thông tin phỏng vấn 4. Vận dụng vào tình huống thực tiễn 5. Đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp báo chí 6. Kết luận và tài liệu tham khảo.	
Quá trình Giữa kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 2-8	Bài tập; Thảo luận; Thuyết trình, phản biện nhóm	Nội dung thuyết trình gồm các phần chính: - Trình bày được lý luận liên quan chủ đề - Phân tích được các vấn đề liên quan chủ đề - Có vận dụng vào thực tiễn/ Đề xuất phương án thực hiện - Kỹ năng trình bày, chất lượng slide trình chiếu - Sự phối hợp của thành viên nhóm, phản biện hiệu quả	CLO2; CLO3
Quá trình liên tục	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ Tuần 1-9	Bảng điểm chuyên cần	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học.	CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập. 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hoạt động trên lớp. 4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác. 5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân thủ quy định học tập.	

Điểm đánh giá quá trình, trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.23. Nghiệp vụ biên tập và xuất bản (Editing and Publishing), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần cung cấp kiến thức về các vấn đề: tầm quan trọng của công tác biên tập, đặc thù lao động biên tập trong hoạt động báo chí và xuất bản; các vị trí biên tập trong cơ quan báo chí, xuất bản, ấn loát...; các hoạt động nghiệp vụ trong công

tác biên tập, qui trình biên tập, xử lý tin bài trong tòa soạn, kỹ năng biên tập các thể loại văn bản báo chí, sách và các ấn phẩm khác; khía cạnh tâm lý trong công tác Biên tập-Xuất bản. Môn học cũng giới thiệu một số phần mềm xử lý văn bản giúp cho công việc biên tập nhanh và hiệu quả hơn. Phương pháp đánh giá cuối kỳ của học phần là hình thức tiểu luận.

Mục tiêu học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ sở lý luận và một số kỹ năng nghiệp vụ về báo chí, truyền thông và xuất bản; đồng thời phát triển khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giảng dạy, hoạt động báo chí và công tác văn phòng, đáp ứng yêu cầu vận dụng phương pháp và công nghệ hiện đại trong công việc. Học phần cũng góp phần hình thành ý thức đạo đức phù hợp với chuẩn mực xã hội, tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc đảm nhận và vai trò cá nhân trong đời sống xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Chỉ ra được quy trình và yêu cầu của hoạt động biên tập – xuất bản trong lĩnh vực báo chí, truyền thông.	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Phân tích được nội dung, hình thức và kỹ thuật xử lý sản phẩm báo chí – xuất bản.	- Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO3	Thực hiện được quy trình biên tập và ứng dụng công nghệ trong xử lý sản phẩm truyền thông.	- Đánh giá qua thuyết trình, phản biện nhóm
CLO4	Thể hiện được trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động biên tập – xuất bản.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua Bảng điểm chuyên cần

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X				
CLO3					X	X		
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Dạy học trực tiếp, Câu hỏi gợi mở, Phân tích tình huống, Học theo nhóm, Thuyết trình và phản biện, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Dạy học trực tiếp	X	X		

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Câu hỏi gợi mở		X	X	
Phân tích tình huống			X	X
Học theo nhóm	X		X	X
Thuyết trình và phản biện	X	X		
Tự học có hướng dẫn		X	X	

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, Thuyết trình nhóm, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Tiểu luận)	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức, Kỹ năng	Tuần 9	Tiểu luận + Rubric	Đánh giá quy trình biên tập, phân tích sản phẩm báo chí – xuất bản, đề xuất phương án xử lý và sản phẩm biên tập hoàn chỉnh.	CLO1, CLO2, CLO3
Giữa kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, Kỹ năng	Tuần 6	Thuyết trình – phản biện nhóm	Phân tích sản phẩm báo chí, đánh giá kỹ thuật biên tập, ứng dụng công nghệ và bảo vệ quan điểm học thuật.	CLO2, CLO3
Quá trình liên tục	CLO4	10%	Thái độ	Tuần 1-9	Bảng kiểm chuyên cần	Ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, hợp tác nhóm và tuân thủ quy định học tập	CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi, không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.24. Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội (Digital Marketing and social media), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần.

Học phần Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng ứng dụng về hoạt động marketing trên nền tảng số và mạng xã hội trong bối cảnh truyền thông hiện đại. Nội dung học phần tập trung vào tổng quan về marketing kỹ thuật số, phân loại phương tiện truyền thông số theo mô hình Paid – Owned – Earned Media, hành trình khách hàng, mô hình 5A, phân tích môi trường marketing số, phân tích website và các chỉ số đo lường, marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing trên mạng xã hội, email marketing, mobile marketing, quảng cáo và PR trực tuyến, cũng như xây dựng kế hoạch truyền thông kỹ thuật số.

Thông qua các hoạt động thảo luận, phân tích tình huống, bài tập cá nhân và bài tập nhóm, sinh viên được rèn luyện năng lực phân tích hoạt động truyền thông số của doanh nghiệp/thương hiệu, đánh giá hiệu quả thông qua các chỉ số cơ bản, lựa chọn công cụ truyền thông số phù hợp và xây dựng kế hoạch truyền thông kỹ thuật số – mạng xã hội cho một sản phẩm, dịch vụ hoặc thương hiệu cụ thể. Học phần góp phần phát triển năng lực sản xuất, quản trị nội dung số, vận dụng công cụ marketing kỹ thuật số, làm việc nhóm, trình bày – phản biện và tuân thủ đạo đức, pháp luật trong môi trường truyền thông số.

Mục tiêu học phần.

- Trang bị kiến thức về vai trò, mô hình, công cụ và nền tảng của marketing kỹ thuật số và mạng xã hội;

- Phát triển năng lực phân tích môi trường marketing số, hành trình khách hàng, website, công cụ tìm kiếm, mạng xã hội và các chỉ số đo lường,

- Rèn luyện năng lực vận dụng công cụ digital marketing và social media để xây dựng nội dung, lựa chọn kênh và đề xuất hoạt động truyền thông phù hợp;

- Hình thành năng lực xây dựng và trình bày kế hoạch truyền thông kỹ thuật số – mạng xã hội ở mức ứng dụng;

- Phát triển ý thức làm việc nhóm, tư duy phản biện, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trong môi trường truyền thông số....

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được môi trường marketing kỹ thuật số, hành trình khách hàng, các kênh truyền thông số và mạng xã hội trong bối cảnh truyền thông của doanh nghiệp/thương hiệu.	Thể hiện qua bài thi tiểu luận
CLO2	Đánh giá được hiệu quả hoạt động marketing kỹ thuật số và mạng xã hội thông qua các chỉ số đo lường cơ bản.	
CLO3	Xây dựng được kế hoạch truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội cho sản phẩm, dịch vụ hoặc thương hiệu cụ thể.	
CLO4	Tuân thủ được đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, chính sách nền tảng số và trách nhiệm truyền thông.	Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Mã trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X			X		
CLO2			X	X				
CLO3				X	X	X		
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng tích cực, Phát vấn/Câu hỏi gợi mở, Phân tích tình huống, Học theo dự án/kế hoạch truyền thông số, Thực hành ứng dụng công cụ digital marketing và social media, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X	X		X
Phát vấn/Câu hỏi gợi mở	X	X		X
Phân tích tình huống truyền thông số	X	X	X	X
Học theo dự án/kế hoạch truyền thông số	X	X	X	X
Thực hành ứng dụng công cụ digital marketing và social media	X	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận...

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi/đánh giá cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 9	Tiểu luận/kế hoạch truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội theo rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1: Mức độ phân tích môi trường marketing số, hành trình khách hàng, kênh truyền thông số và mạng xã hội. CLO2: Mức độ đánh giá hiệu quả hoạt động digital	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						marketing/social media thông qua chỉ số đo lường. CLO3: Mức độ thiết kế kế hoạch truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội.	
Quá trình/Giữa kỳ	CLO1; CLO2	10%	Kiến thức	Tuần 3–5	Bài tập cá nhân phân tích hoạt động digital marketing /social media của một thương hiệu/sản phẩm	CLO1: Phân tích website, mạng xã hội, kênh truyền thông số, hành trình khách hàng hoặc môi trường marketing số. CLO2: Nhận xét/đánh giá một số chỉ số cơ bản như traffic, engagement, CTR, CPC, CPM, conversion rate.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình/Giữa kỳ	CLO2; CLO3; CLO4	20%	Kiến thức, kỹ năng và thái độ	Tuần 6–8	Thuyết trình – phản biện nhóm về kế hoạch truyền thông kỹ thuật số	CLO2: Giải thích và đánh giá cơ sở lựa chọn kênh, nội dung, công cụ và chỉ số đo lường. CLO3: Thiết kế và	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3, CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					và mạng xã hội	tình bày kế hoạch truyền thông số. CLO4: Tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, đạo đức nghề nghiệp, pháp luật và chính sách nền tảng số.	
Quá trình	CLO4	10%	Thái độ/Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ, tuần 1-9	Bảng kiểm soát chuyên cần, tham gia học tập, thảo luận và làm việc nhóm	Đánh giá mức độ chuyên cần, tinh thần trách nhiệm, hợp tác nhóm, tuân thủ đạo đức học thuật, bản quyền nội dung, sử dụng dữ liệu và chính sách nền tảng số.	Lấy dữ liệu đo CLO4
Tổng	CLO1-CLO4	100%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Tuần 1-9	Tổng hợp các công cụ đánh giá	Bảo đảm đo đủ 04 CLOs của học phần.	Dữ liệu tổng hợp phục vụ đánh giá mức độ đạt CLOs.

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức Đ (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.25. Truyền thông số (Digital Communication), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần nhằm trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình truyền thông số hiện nay, tình hình phát triển chung trên thế giới và ở Việt Nam, các công nghệ và xu hướng phát triển mới của truyền thông thế giới. Qua đó, sinh viên có thể hình dung về vị trí và vai trò của truyền thông số hiện nay và những vấn đề xung quanh nó. Học phần này cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để tham gia vào lĩnh vực truyền thông số. Sinh viên sẽ có những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các sản phẩm truyền thông số.

Mục tiêu học phần

Học phần Truyền thông số nhằm giúp người học hình thành nền tảng kiến thức và năng lực ứng dụng về truyền thông số trong bối cảnh quan hệ công chúng, truyền thông tổ chức và truyền thông thương hiệu. Thông qua học phần, người học có khả năng phân tích khái niệm, đặc trưng, công nghệ, nền tảng và vai trò của truyền thông số; đánh giá hiệu quả, xu hướng, vấn đề và rủi ro của truyền thông số trong thực tiễn; sản xuất được sản phẩm truyền thông số cơ bản phù hợp với mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu, thông điệp, nền tảng và định dạng triển khai. Học phần đồng thời góp phần hình thành trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức truyền thông số, ý thức tuân thủ pháp luật, bản quyền, quyền riêng tư, bảo mật dữ liệu và trách nhiệm xã hội trong hoạt động truyền thông số.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Triển khai được khái niệm, công nghệ và nền tảng truyền thông số.	Thể hiện qua bài thi tiểu luận

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Phân tích được hiệu quả, xu hướng và các vấn đề của truyền thông số trong thực tiễn.	- Thể hiện qua bài thi tiểu luận - Đánh giá qua thuyết trình, phản biện nhóm
CLO3	Hoàn thành được sản phẩm và các kỹ thuật sản xuất nội dung truyền thông số cơ bản.	- Thể hiện qua bài thi tiểu luận - Đánh giá qua thuyết trình, phản biện nhóm
CLO4	Đóng góp được đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong hoạt động truyền thông số.	- Thể hiện qua bài thi tiểu luận - Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLO và PLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X			X		
CLO2			X	X				
CLO3				X		X		
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Dạy học trực tiếp, Câu hỏi gợi mở, Phân tích tình huống, Học theo nhóm, Thuyết trình và phản biện, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Dạy học trực tiếp	X			X
Câu hỏi gợi mở	X	X		
Phân tích tình huống		X	X	X
Học theo nhóm			X	X
Thuyết trình và phản biện	X		X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1			X

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Báo cáo tiểu luận)	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 9	Tiểu luận	Nội dung tiểu luận gồm các đề mục chính: 1. Giới thiệu sản phẩm truyền thông số được lựa chọn. 2. Trình bày cơ sở lý thuyết/khái niệm liên quan đến sản phẩm truyền thông số. 3. Phân tích đặc điểm, vai trò, nền tảng của sản phẩm truyền thông số. 4. Nhận xét, đánh giá mức độ phù hợp/hiệu quả của sản phẩm truyền thông số. 5. Đề xuất định hướng cải thiện hoặc ý tưởng ứng dụng trong bối cảnh thực tiễn. 6. Kết luận và tài liệu tham khảo.	CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Giữa kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 3-5	Thuyết trình – phản	Nội dung thuyết trình gồm các phần chính:	CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					biện nhóm	1. Giới thiệu sản phẩm truyền thông số được lựa chọn. 2. Trình bày khái niệm, đặc điểm hoặc nền tảng truyền thông số có liên quan. 3. Phân tích một sản phẩm truyền thông số cụ thể. 4. Nhận xét điểm mạnh, hạn chế và tính phù hợp với đối tượng công chúng. 5. Trả lời câu hỏi phân biện và bảo vệ quan điểm của nhóm.	
Quá trình liên tục	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ Tuần 1–9	Bảng kiểm chuyên cần và tham gia	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học. 2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập. 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hoạt động trên lớp. 4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác. 5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân thủ quy định học tập.	CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn

8.26. Nhập môn ngành Văn học (Introductory course to Literature), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 05 chương, cung cấp kiến thức tổng quát về khoa học nghiên cứu về văn chương là một ngành khoa học xã hội - nhân văn; Giúp người học hiểu về tổ chức ngành học để từ đó phát huy năng lực. Học phần thông tin chung về nội dung chương trình và hoạt động đào tạo ngành và chuyên ngành với những định hướng nghề nghiệp cụ thể. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu khái quát và yêu cầu rèn luyện một số kỹ năng cơ bản liên quan phương pháp tiếp cận kiến thức chuyên sâu của ngành học.

Mục tiêu học phần:

- Thông tin chi tiết về mục tiêu, chương trình và kế hoạch đào tạo ngành.
- Giới thiệu hệ thống môn học và tài liệu về nền tảng khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn: văn học Việt Nam, một số nền văn học tiêu biểu thế giới, kiến thức lý luận văn học, ngôn ngữ, văn tự tiếng Việt.
- Định hướng người học đối diện và tìm giải pháp phù hợp cho năng lực học tập cá nhân hướng tới đáp ứng yêu cầu tuyển dụng đối với các vị trí việc làm mong muốn.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả

Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Mô tả được các định hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm và yêu cầu năng lực cơ bản của ngành	Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức đề thi

CLO	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	Văn học trong bối cảnh xã hội và thị trường lao động hiện nay.	
CLO2	Giải thích được các khái niệm nền tảng, đặc điểm ngành học và những tố chất cần thiết đối với người học ngành Văn học.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức đề thi
CLO3	Trình bày được các yêu cầu cơ bản về kỹ năng học tập, làm việc nhóm và định hướng phát triển năng lực trong quá trình học tập ngành Văn học	Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức đề thi
CLO4	Xác định được kế hoạch học tập và rèn luyện cá nhân phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp và định hướng phát triển bản thân.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức đề thi

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2		X						
CLO3							X	
CLO4								X

Phương pháp dạy – học Thuyết trình, Vấn đáp, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm

Ma trận Bảng tương thích giữa CLOs và phương pháp dạy – học

CLOs \ PP	Thuyết trình	Vấn đáp	Hướng dẫn tự học	Thảo luận nhóm
CLO1	X	X		
CLO2	X	X	X	
CLO3		X	X	X
CLO4			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Dự lớp, kiểm tra thường xuyên, Vấn đáp

Ma trận Bảng tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs \ KTDG	Dự lớp	Kiểm tra	Vấn đáp
CLO1		X	X
CLO2		X	X
CLO3	X	X	

CLOs \ KTDG	Dự lớp	Kiểm tra	Vấn đáp
CLO4	X	X	

Kế hoạch đo CLOs:

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Bài thi vấn đáp	CLO1: Mô tả các định hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm và yêu cầu năng lực của ngành Văn học. CLO2: Giải thích các khái niệm nền tảng, đặc điểm ngành học và tổ chức cần thiết của người học ngành Văn học. CLO3: Trình bày các yêu cầu cơ bản về kỹ năng học tập, làm việc nhóm và định hướng phát triển năng lực trong quá trình học tập ngành Văn học	Lấy dữ liệu do CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm; Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2: Mức độ hiểu và trình bày các nội dung liên quan đến ngành học. CLO3: Mức độ tham gia hoạt động nhóm, trình bày ý kiến và chia sẻ định hướng học tập cá nhân.	Lấy dữ liệu do CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần và theo dõi hoạt động học tập	Mức độ tham gia học tập, ý thức tự học, thực hiện kế hoạch học tập và rèn luyện cá nhân.	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn

8.27. Thực tập cơ sở văn học (Basic Internship in Literature), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần Thực tập cơ sở Văn học giúp người học quan sát, trải nghiệm và thực hiện một số nhiệm vụ nghề nghiệp cơ bản trong các môi trường liên quan đến ngành Văn học như giáo dục, truyền thông – báo chí, xuất bản, hành chính – văn phòng hoặc tổ chức văn hóa – xã hội. Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng vận dụng kiến thức nền tảng về văn học, ngôn ngữ và phương pháp luận văn học vào nhiệm vụ thực tế; nhận diện yêu cầu năng lực của vị trí nghề nghiệp; thực hiện sản phẩm hoặc nhiệm

vụ thực tập phù hợp với bối cảnh cơ sở; thể hiện tác phong chuyên nghiệp, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và xây dựng định hướng phát triển năng lực cá nhân.

Mục tiêu học phần:

Học phần có những mục tiêu:

- Giúp người học làm quen với môi trường thực tế.
- Bước đầu vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học vào các công việc cụ thể, đó là: giảng dạy, truyền thông và quản trị văn phòng.
- Người học tích lũy, phát huy được các kỹ năng hỗ trợ cho hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp của mình.
- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tự lập, sáng tạo, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với vị trí và môi trường làm việc.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi/Đánh giá
CLO1	Vận dụng được kiến thức nền tảng và chuyên ngành về văn học, ngôn ngữ và văn hóa để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại đơn vị thực tập.	Báo cáo thực tập
CLO2	Phân tích được yêu cầu năng lực, đặc điểm công việc và môi trường nghề nghiệp thuộc các lĩnh vực giáo dục, truyền thông hoặc quản trị văn phòng liên quan đến ngành Văn học.	Báo cáo thực tập
CLO3	Thực hiện được sản phẩm hoặc nhiệm vụ nghề nghiệp cơ bản phù hợp với vị trí thực tập và yêu cầu của đơn vị tiếp nhận.	Báo cáo thực tập
CLO4	Phối hợp hiệu quả với cá nhân và nhóm trong môi trường làm việc; tiếp nhận phản hồi và điều chỉnh cách thức thực hiện nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu công việc.	Báo cáo thực tập; Đánh giá của cơ sở
CLO5	Thể hiện tác phong chuyên nghiệp, ý thức kỷ luật, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và định hướng phát triển năng lực cá nhân trong quá trình thực tập.	Đánh giá của cơ sở

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO 1		X	X					
CLO 2		X	X					
CLO 3				X		X		

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO 4					X		X	
CLO 5							X	X

- PP dạy và học: Hướng dẫn và quan sát thực tế, Học tập theo dự án/nhiệm vụ, Viết báo cáo, nhật ký thực tập

Ma trận Bảng tương thích giữa CLOs và Phương pháp dạy – học

CLO	Hướng dẫn và quan sát thực tế	Học tập theo dự án/nhiệm vụ	Viết báo cáo, nhật ký thực tập
CLO1	X	X	X
CLO2	X		X
CLO3	X	X	X
CLO4	X	X	X
CLO5	X	X	X

- PP kiểm tra, đánh giá: đánh giá thái độ chuyên cần, báo cáo thực tập

Ma trận tương thích CLOs và Phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs / PPKTĐG	Ý thức, thái độ	Đánh giá của cơ sở	Báo cáo thực tập
CLO 1	X	X	X
CLO 2	X		X
CLO 3	X	X	X
CLO 4	X	X	X
CLO 5	X		X

Kế hoạch đo CLO

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Báo cáo thực tập	CLO1; CLO2	40%	Kiến thức	Suốt học kỳ	Báo cáo thực tập	CLO1: Khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành vào hoạt động thực tế tại đơn vị thực tập. CLO2: Khả năng phân tích yêu cầu năng lực, đặc điểm công việc và môi	Báo cáo thực tập

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						trường nghề nghiệp tại cơ sở thực tập.	
Cơ sở thực tập Ý thức, thái độ	CLO3; CLO4	50%	Kỹ năng nghề nghiệp	Suốt học kỳ	Phiếu nhận xét, đánh giá của cơ sở thực tập	CLO3: Mức độ hoàn thành nhiệm vụ hoặc sản phẩm nghề nghiệp được giao. CLO4: Kỹ năng phối hợp làm việc, tiếp nhận phản hồi và điều chỉnh cách thức thực hiện nhiệm vụ.	Cơ sở thực tập
	CLO5	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm và nhận xét của cơ sở thực tập	Tác phong chuyên nghiệp, ý thức kỷ luật, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và định hướng phát triển nghề nghiệp cá nhân.	Ý thức, thái độ

Điểm đánh giá quá trình, trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO5)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			chưa thường xuyên.	đôi tích cực.	nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn

8.28. Trải nghiệm ngành nghề (Work Experience), 1 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần trải nghiệm ngành nghề được tổ chức để người học bước đầu làm quen, tìm hiểu về công việc liên quan đến ngành học của mình. Thông qua học phần này, người học nắm bắt được các yêu cầu chung mang tính đặc thù của từng ngành nghề, các cơ hội việc làm, cũng như học hỏi được một số kỹ năng, thái độ cần thiết cho việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai theo các định hướng chuyên ngành: văn - giảng dạy, văn – truyền thông và văn – quản trị văn phòng.

Mục tiêu học phần.

- Giúp người học làm quen, tìm hiểu về công việc từ thực tế liên quan đến ngành văn học; trên cơ sở đó, người học sẽ lựa chọn cho mình một chuyên ngành phù hợp để học tập.
- Hiểu rõ được các yêu cầu chung, mang tính đặc thù của từng ngành nghề.
- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng thu được trong quá trình trải nghiệm ngành nghề để phục vụ cho việc học của mình.
- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tự lập, sáng tạo, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với từng chuyên ngành.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Trương ứng với đề thi
CLO 1	Mô tả được đặc điểm nghề nghiệp, yêu cầu năng lực và cơ hội việc làm của ngành Văn học trong các lĩnh vực giáo dục, truyền thông và quản trị văn phòng.	Báo cáo trải nghiệm
CLO 2	Trình bày được những yêu cầu cơ bản của môi trường làm việc thực tế và các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp đã tham gia.	Báo cáo trải nghiệm

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 3	Xác định được định hướng học tập, rèn luyện và phát triển nghề nghiệp phù hợp với ngành học từ kết quả trải nghiệm thực tế.	Báo cáo trải nghiệm

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2			X				X	
CLO3							X	X

Phương pháp dạy - học: Hướng dẫn và quan sát thực tế, Học tập theo dự án/nhiệm vụ, Viết báo cáo, nhật ký thực tập.

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp dạy học

CLOs / Phương pháp	Hướng dẫn và quan sát thực tế	Học tập theo dự án/nhiệm vụ	Viết báo cáo, nhật ký thực tập
CLO1	X	X	X
CLO2	X	X	X
CLO3	X		X

PP kiểm tra, đánh giá: sinh viên được đánh giá thông qua chuyên cần, ý thức, thái độ làm việc, báo cáo trải nghiệm thực tế.

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs / PPKTDG	Chuyên cần	Ý thức, thái độ	Báo cáo
CLO1			X
CLO2	X	X	X
CLO3	X	X	X

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Tham gia trải nghiệm ngành nghề	CLO2, CLO3	40%	Tự chủ và trách nhiệm	Xuyên suốt học phần	Phiếu quan sát, bảng kiểm,	Đánh giá mức độ tham gia hoạt động trải nghiệm; ý thức học tập, tinh thần trách	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					nhận xét của giảng viên	nhiệm và sự chủ động trong quá trình trải nghiệm.	
Báo cáo kết thúc học phần	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức; Tự chủ và trách nhiệm	Cuối học phần	Rubric đánh giá báo cáo trải nghiệm	Đánh giá khả năng mô tả nghề nghiệp, trình bày nội dung trải nghiệm và xác định định hướng học tập, nghề nghiệp phù hợp.	Lấy dữ liệu do CLO1, CLO2, CLO3

- Học phần không có điểm quá trình. Điểm cuối kì được tạo ra từ hai cột điểm: Điểm tham gia trải nghiệm thực tế (trọng số 40%) và điểm bài báo cáo thực tế (trọng số 60%):

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia trải nghiệm thực tế	Đánh giá quá trình thông qua mức độ tham gia, ý thức học tập, tác phong, thái độ và tính thần trách nhiệm trong các hoạt động trải nghiệm ngành nghề	40%
2	Bài báo cáo thực tế cuối kì	Viết bài báo cáo trải nghiệm ngành nghề.	60%

8.29. Hán Nôm cơ bản (Basic Sino-Nom), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần gồm hai nội dung chính: Hán văn và chữ Nôm. Ở phần Hán văn, học phần cung cấp kiến thức khái quát về chữ Hán, bao gồm nguồn gốc chữ Hán, diễn biến chữ Hán qua các thời kỳ phát triển, phương thức cấu tạo chữ Hán. Đồng thời, học phần hướng dẫn cách viết chữ Hán, nhận diện bộ thủ, phương pháp tra cứu tự/từ điển Hán -Việt. Trên cơ sở đó, người học được giới thiệu hệ thống từ vựng, thực từ và hư từ, đặc điểm ngữ pháp Hán văn thông qua việc đọc và phân tích một số văn bản tiêu biểu như *Thăng Long thành, Hưng Đạo Đại vương, Thủ châu đầu thổ, Khắc chu cầu kiếm, Mãi lý*.

Ở phần chữ Nôm, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của chữ Nôm, cùng với đặc điểm cấu tạo và phương thức đọc chữ Nôm. Bên cạnh đó, người học được hướng dẫn thực hành nhận diện chữ Nôm vay mượn với chữ Nôm sáng tạo, phân tích cấu trúc chữ Nôm và phiên âm Nôm trích đoạn *Kim Vân Kiều tân truyện*.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về lịch sử hình thành và phát triển của chữ Hán, chữ Nôm,
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ nghĩa Hán tự,
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về cấu trúc của chữ Hán và chữ Nôm, cách đọc chữ Nôm,
- Trang bị kiến thức về hư từ, ngữ pháp Hán văn,
- Phát triển kỹ năng dịch, hiểu câu/đoạn Hán văn, phiên âm Nôm ở mức độ cơ bản.

Chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Mô tả được lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đặc điểm cấu tạo cơ bản của chữ Hán và chữ Nôm.	30 câu hỏi trắc nghiệm
CLO 2	Giải thích được các khái niệm cơ bản liên quan đến âm Hán Việt, từ vựng Hán Việt, chữ Nôm và một số hiện tượng ngôn ngữ trong Hán văn và văn bản Nôm.	10 câu hỏi trắc nghiệm
CLO 3	Trình bày được quy trình nhận diện, phiên âm và dịch nghĩa cơ bản các câu, đoạn Hán văn và văn bản Nôm.	2 câu hỏi tự luận (Dịch nghĩa, phân tích cú pháp/hư từ)
CLO 4	Thể hiện ý thức bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị di sản Hán Nôm trong học tập và nghiên cứu.	Đánh giá thái độ và quá trình học tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X						
CLO 2		X						
CLO 3				X				
CLO 4							X	

PP dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy và học

CLOs \ Phương pháp	Thuyết giảng	Phát vấn	Tự học có hướng dẫn	Thuyết trình – phản biện nhóm
CLO 1	X		X	
CLO 2	X	X	X	X
CLO 3	X	X	X	
CLO 4	X	X	X	X

PP kiểm tra, đánh giá: Sinh viên được đánh giá kết quả học tập thông qua chuyên cần, thuyết trình và thi tổng hợp cuối kỳ.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs \ Hình thức đánh giá	Đánh giá chuyên cần	Thuyết trình	Bài thi tổng hợp (90 phút)
CLO 1		X	X
CLO 2		X	X
CLO 3			X
CLO 4	X	X	

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức	Tuần 9	Trắc nghiệm và tự luận	CLO1: Mô tả lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đặc điểm cấu tạo cơ bản của chữ Hán và chữ Nôm. CLO2: Giải thích các khái niệm cơ bản liên quan đến âm Hán Việt, từ vựng Hán Việt và chữ Nôm. CLO3: Trình bày quy trình nhận diện, phiên âm và dịch nghĩa cơ bản các	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						câu, đoạn Hán văn và văn bản Nôm.	
Quá trình Chuyên cần	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức	Tuần 3 - 8	Thuyết trình, phản biện	CLO2: Mức độ hiểu và trình bày các vấn đề liên quan đến Hán Nôm. CLO3: Khả năng mô tả quy trình nhận diện, phiên âm và dịch nghĩa văn bản cơ bản.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Ý thức học tập, tinh thần tự học và trách nhiệm bảo tồn di sản Hán Nôm.	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.30. Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt (Vietnamese phonetics, lexicology and Vietnamese Grammar), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt. Người học được giới thiệu các vấn đề cơ bản vị trí, vai trò của Ngữ âm học trong khoa học về ngôn ngữ; Ngữ âm học và Âm vị học; các khái niệm cơ bản của Ngữ âm học: âm vị, âm tố, âm tiết,... Bên cạnh đó, người học nắm được vị trí, vai trò của Từ vựng học trong khoa học về ngôn ngữ; các khái niệm của Từ vựng học; Từ và từ trong tiếng Việt; Cấu tạo từ tiếng Việt; Nghĩa của từ... cũng như về ngữ Pháp tiếng Việt.

Mục tiêu học phần:

- Ngữ âm học. Giới thiệu vị trí, vai trò của Ngữ âm học trong khoa học về ngôn ngữ; Ngữ âm học và Âm vị học; các khái niệm cơ bản của Ngữ âm học: âm vị, âm tố, âm tiết,...; Ngữ âm học tiếng Việt; vai trò của âm tiết tiếng Việt, mô tả hệ thống ngữ âm tiếng Việt theo cấu trúc âm tiết: Âm đầu; âm đệm, âm chính; âm cuối; thanh điệu.

- Từ vựng học: Giới thiệu vị trí, vai trò của Từ vựng học trong khoa học về ngôn ngữ; các khái niệm của Từ vựng học; Từ và từ trong tiếng Việt; Cấu tạo từ tiếng Việt; Nghĩa của từ; phân chia các lớp từ tiếng Việt theo nguồn gốc và phạm vi sử dụng

- Ngữ pháp tiếng Việt: hiểu về quy tắc ngữ pháp, phân tích ngữ pháp và ứng dụng vào văn bản nói và viết.

Chuẩn đầu ra học phần:

STT	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Giải thích được các khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc cơ bản của ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt.	Câu hỏi Tự luận (Lý thuyết ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp)
CLO 2	Phân tích được các hiện tượng ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt dựa trên những tri thức ngôn ngữ học đã học.	Câu hỏi Tự luận (Phân tích ngữ âm, từ vựng)
CLO 3	Vận dụng được kiến thức về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt để phân tích, lý giải và sử dụng ngôn ngữ trong học tập và nghiên cứu.	Câu hỏi Tự luận (Phân tích và biện luận cú pháp)
CLO 4	Thể hiện tinh thần chủ động, trách nhiệm và thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và vận dụng tiếng Việt.	Đánh giá chuyên cần & Quá trình học tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X						
CLO 2		X		X				
CLO 3				X	X			
CLO 4							X	

Phương pháp dạy – học. Thuyết giảng, Phát vấn, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy và học

CLOs \ Phương pháp	Thuyết giảng	Phát vấn	Tự học có hướng dẫn	Thuyết trình – phản biện nhóm
CLO 1	X	X	X	
CLO 2		X		X
CLO 3			X	
CLO 4		X		

PP kiểm tra, đánh giá: Sinh viên được đánh giá kết quả học tập thông qua chuyên cần, thuyết trình tại lớp và thi tự luận cuối kỳ.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs \ Hình thức đánh giá	Đánh giá chuyên cần	Thuyết trình	Thi Tự luận
CLO 1			X
CLO 2		X	X
CLO 3		X	X
CLO 4	X		

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 9	Thi tự luận	CLO1: Khả năng giải thích các khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc cơ bản của	Lấy dữ liệu do CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt. CLO2: Khả năng phân tích các hiện tượng ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ học vào phân tích và sử dụng tiếng Việt trong học tập, nghiên cứu.	
Quá trình Thi cuối kỳ	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 8	Thuyết trình, phản biện, kiểm tra giữa kỳ	CLO2: Nội dung báo cáo và khả năng phân tích các hiện tượng ngôn ngữ. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức để giải thích, xử lý và trình bày các vấn đề ngôn ngữ học.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình. trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biên nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.31. Tiếng Anh chuyên ngành Văn học (English for Literature), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Văn học cung cấp cho sinh viên hệ thống từ vựng, thuật ngữ và cấu trúc tiếng Anh cơ bản dùng trong lĩnh vực văn học và khoa học nhân văn. Nội dung học phần tập trung vào kỹ năng đọc hiểu văn bản tiếng Anh chuyên ngành, nhận diện các khái niệm nền tảng như văn học, đọc – viết như một hành vi xã hội, hư cấu, truyện ngắn, bối cảnh, xung đột, nhân vật, điểm nhìn, chủ đề, tiểu sử và tự truyện. Các bài học được thiết kế theo hướng phát triển vốn từ vựng, đọc hiểu, thảo luận và viết ngắn về các chủ đề thuộc văn học và nhân văn.

Thông qua học phần, sinh viên được rèn luyện khả năng sử dụng tiếng Anh ở mức phù hợp để đọc, trình bày, trao đổi và viết ngắn về các vấn đề văn học; đồng thời phát triển năng lực giao tiếp học thuật, tư duy phản hồi và khả năng tự học tiếng Anh chuyên ngành. Học phần góp phần hỗ trợ sinh viên ngành Văn học hình thành năng lực sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu, phê bình, giảng dạy và các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến văn học, ngôn ngữ, truyền thông và văn hóa.

Mục tiêu học phần

- Phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên trong học tập, đọc hiểu, trao đổi và thực hành học thuật liên quan đến lĩnh vực Văn học.

- Giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành, hiểu và sử dụng các thuật ngữ, cụm từ, mẫu câu thông dụng trong lĩnh vực văn học, đồng thời thực hiện được một số nhiệm vụ học tập và giao tiếp chuyên ngành ở mức độ phù hợp với năng lực ngoại ngữ của người học.

- Hiểu và sử dụng thuật ngữ văn học thông dụng; đọc hiểu thông tin chính từ các văn bản tiếng Anh ngắn về văn học; trao đổi, trình bày ý kiến và nhận xét cơ bản về nhân vật, bối cảnh, xung đột, điểm nhìn, chủ đề hoặc thông điệp văn học; viết đoạn văn ngắn bằng tiếng Anh về một nội dung văn học; đồng thời phát triển kỹ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp học thuật phù hợp với bối cảnh chuyên ngành Văn học

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Trình bày được các thuật ngữ, cụm từ và mẫu câu tiếng Anh thông dụng liên quan đến văn học, thể loại văn học và các yếu tố cơ bản của văn bản văn học.	Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận ngắn (Phần thi tổng hợp)
CLO 2	Giải thích được nội dung chính, thông tin chi tiết và ý nghĩa cơ bản của các văn bản tiếng Anh ngắn về văn học, nhân vật, bối cảnh, xung đột, điểm nhìn, chủ đề, tiểu sử và tự truyện.	Câu hỏi đọc hiểu và phân tích văn bản (Phần thi tổng hợp)
CLO 3	Sử dụng được từ vựng, mẫu câu và cấu trúc tiếng Anh chuyên ngành để đọc hiểu, trao đổi, trình bày và viết đoạn văn ngắn về một chủ đề hoặc văn bản văn học ở mức độ có hướng dẫn.	Bài tập nhóm, thuyết trình, diễn kịch, thực hành ngôn ngữ
CLO 4	Đóng góp tích cực vào hoạt động học tập, trao đổi trên lớp; thể hiện tinh thần hợp tác, ý thức tự học và phong cách giao tiếp phù hợp trong môi trường học thuật chuyên ngành Văn học.	Đánh giá chuyên cần và hồ sơ học tập (Portfolio)

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOS \ PLOS	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X						
CLO 2		X			X			
CLO 3				X	X			
CLO 4							X	

Phương pháp dạy – học. Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – Phân biên, Thảo luận nhóm, Thực hành đọc hiểu, Thực hành viết, Đọc diễn cảm/nhập vai

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy - học

CLOs \ PP	Thuyết giảng	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Tự học có hướng dẫn	Thuyết trình	Thảo luận nhóm	Thực hành đọc hiểu	Thực hành viết	Đọc diễn cảm/nhập vai
CLO1	X	X		X		X	X		
CLO2	X	X	X	X	X	X	X	X	X
CLO3		X	X	X	X	X	X	X	X
CLO4		X	X	X	X	X			X

PP kiểm tra, đánh giá: Sinh viên được đánh giá kết quả học tập thông qua chuyên cần, bài tập thực hành nói/đóng kịch trên lớp, thuyết trình và thi cuối kỳ hình thức tổng hợp

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs \ Hình thức đánh giá	Đánh giá chuyên cần	Bài tập nhóm	Bài tập cá nhân	Thuyết trình	Thi Tổng hợp (Cuối kỳ)
CLO 1			X		X
CLO 2			X		X
CLO 3		X		X	X
CLO 4	X	X		X	

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 9	Bài thi tổng hợp	CLO1: Thuật ngữ, cụm từ và mẫu câu chuyên ngành. CLO2: Đọc hiểu và giải thích nội dung văn bản. CLO3: Viết ngắn, diễn đạt ý kiến và vận	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						dụng tiếng Anh chuyên ngành.	
Giữa kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 6-8	Thuyết trình – phản biện nhóm	CLO2. Nội dung báo cáo và khả năng đọc hiểu. CLO3: Kỹ năng trình bày, trao đổi và phản hồi bằng tiếng Anh chuyên ngành.	Lấy dữ liệu do CLO2, CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Tuần 1-9	Bảng kiểm soát chuyên cần và hồ sơ học tập (Portfolio)	Chuyên cần, chuẩn bị bài, tự học, hợp tác và tham gia hoạt động học tập.	Lấy dữ liệu do CLO4

Điểm đánh giá quá trình. trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.32. Tiếp nhận văn học (Literary Reception), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần.

Học phần gồm 03 chương, cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về tiếp nhận văn học, người đọc, mối quan hệ giữa người đọc và tác phẩm. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu một số khuynh hướng tiếp nhận tiêu biểu cũng như những quan niệm lý thuyết của các nhà lý luận về lĩnh vực này.

Mục tiêu học phần

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung mang tính chất lý luận về mỹ học tiếp nhận.

- Hệ thống hóa về mặt lý thuyết mối quan hệ: nhà văn – tác phẩm – người đọc

- Người học biết vận dụng lý thuyết tiếp nhận vào nghiên cứu tác phẩm văn học cụ thể.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và trình bày đúng, hay, hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần:

STT	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được các khái niệm, nguyên lý cơ bản của mỹ học tiếp nhận, các khuynh hướng tiếp nhận văn học tiêu biểu và mối quan hệ giữa nhà văn, tác phẩm và người đọc.	Phần 1: Cơ sở lý luận (Tiểu luận)
CLO 2	Đánh giá được sự vận động của lý thuyết tiếp nhận văn học để phân tích, lý giải và đánh giá sự tiếp nhận của độc giả đối với một tác phẩm hoặc hiện tượng văn học cụ thể.	Phần 2: Vận dụng phân tích (Tiểu luận)
CLO 3	Trình bày được các luận điểm nghiên cứu một cách logic, thuyết phục; đáp ứng các yêu cầu về cấu trúc, văn phong và chuẩn mực của văn bản học thuật.	Hình thức trình bày và Cấu trúc (Tiểu luận)
CLO 4	Thể hiện tinh thần tự học, chủ động nghiên cứu và vận dụng tri thức tiếp nhận văn học vào định hướng phát triển năng lực chuyên môn.	Đánh giá chuyên cần & Quá trình làm bài

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X						
CLO 2		X	X	X				
CLO 3				X				
CLO 4								X

PP dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy và học

CLOs \ Phương pháp	Thuyết giảng	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Tự học có hướng dẫn
CLO 1	X	X		X
CLO 2	X	X	X	X
CLO 3		X	X	X
CLO 4			X	X

PP kiểm tra, đánh giá: Sinh viên được đánh giá kết quả học tập thông qua chuyên cần, báo cáo tiến độ đề cương, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ (thực hiện tiểu luận).

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs \ Hình thức đánh giá	Đánh giá chuyên cần	Báo cáo tiến độ / Đề cương	Kiểm tra tự luận (Quá trình)	Thi Tiểu luận (Cuối kỳ)
CLO 1		X	X	X
CLO 2		X	X	X
CLO 3		X		X
CLO 4	X			

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú/ Notes
Phần I: Thi cuối kỳ	CLO1	15%	Kiến thức	Tuần cuối	Bài tiểu luận	Đánh giá khả năng phân tích các khái niệm, nguyên lý cơ bản của mỹ học tiếp nhận và các khuynh hướng tiếp nhận văn học
	CLO2	30%	Vận dụng	Tuần cuối	Bài tiểu luận	Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết tiếp nhận để phân tích, lý giải và đánh giá hiện tượng văn học cụ thể

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú/ Notes
	CLO3	15%	Kỹ năng học thuật	Tuần cuối	Bài tiểu luận	Đánh giá cấu trúc, lập luận, văn phong và chuẩn mực trình bày học thuật
Phần II: Qua trình	CLO1, CLO2	30%	Kiến thức và vận dụng	Giữa học kỳ	Kiểm tra viết; Báo cáo tiến độ; Đề cương tiểu luận	Đánh giá khả năng nắm vững cơ sở lý thuyết và xây dựng hướng nghiên cứu
	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng điểm chuyên cần; Theo dõi quá trình thực hiện tiểu luận	Đánh giá tinh thần tự học, chủ động nghiên cứu và phát triển năng lực chuyên môn

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.33. Phong cách học tiếng Việt (Vietnamese Language Studies), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần

Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về Phong cách học tiếng Việt, nhằm giúp người học có được các kiến thức cơ bản về phong cách học tiếng Việt từ cội nguồn đến thời kỳ đương đại và những kỹ năng cần thiết về phân tích và diễn giải văn bản (đặc biệt là văn bản văn chương) từ góc độ ngôn ngữ và phong cách. Người học được giới thiệu các vấn đề cơ bản về tu từ học, phong cách học hình thức, phong cách học chức năng. Ngoài ra, học phần giới thiệu thêm các vấn đề mới nhất của phong cách học đương đại.

Mục tiêu học phần

- Trang bị cho người học những kiến thức chung về phong cách học tiếng Việt.
- Trang bị kiến thức về phương pháp phân tích, diễn giải, thẩm bình văn bản từ góc độ ngôn ngữ và phong cách.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tu từ học, phong cách học hình thức, phong cách học chức năng, phong cách học đương đại.
- Cung cấp kiến thức chuyên sâu về hệ thống các phép tu từ, hệ thống các phong cách chức năng.

Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được các khái niệm, đối tượng, phạm vi nghiên cứu và những vấn đề cơ bản của phong cách học tiếng Việt.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức tự luận.
CLO2	Phân tích được đặc điểm của tu từ học, phong cách học hình thức, phong cách học chức năng và các hiện tượng phong cách trong văn bản tiếng Việt.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức tự luận.
CLO3	Vận dụng được kiến thức phong cách học để phân tích, lý giải và đánh giá giá trị biểu đạt của các phương tiện ngôn ngữ trong văn bản văn học và các loại văn bản khác.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức tự luận.
CLO4	Trình bày và bảo vệ được các nhận định về hiện tượng phong cách học bằng lập luận rõ ràng, sử dụng ngôn ngữ phù hợp trong học tập và nghiên cứu.	Đánh giá chuyên cần & Quá trình học tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs \ PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3			X	X				
CLO4				X	X			

Phương pháp dạy - học: Thuyết trình, Phát vấn, Động não nhanh, Giải quyết vấn đề

Ma trận tương thích CLOs và phương pháp dạy - học

CLOs\PP	Thuyết trình	Phát vấn	Động não nhanh	Giải quyết vấn đề
CLO1	X	X		
CLO2		X	X	X
CLO3	X		X	X
CLO4		X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình nhóm, thi tự luận

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá:

CLOs \ Phương pháp	Đánh giá chuyên cần	Bài thuyết trình nhóm	Thi tự luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X	X	

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi tự luận	CLO1: Khả năng giải thích các khái niệm và vấn đề cơ bản của phong cách học tiếng Việt. CLO2: Khả năng phân tích các	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						hiện tượng phong cách và đặc điểm của các loại phong cách học. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức phong cách học để phân tích và lý giải ngữ liệu cụ thể.	
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm; Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2: Nội dung phân tích và lập luận. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức phong cách học, trao đổi và phản biện học thuật.	Lấy dữ liệu do CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Kỹ năng giao tiếp học thuật	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần và tham gia học tập	Tinh thần tham gia học tập, khả năng trình bày, trao đổi và bảo vệ quan điểm trong các hoạt động học tập.	Lấy dữ liệu do CLO4

Điểm đánh giá quá trình. trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học	Vắng quá 30% số buổi;	Tham gia dưới 50% số buổi;	Tham gia khoảng 50%-70%	Tham gia khoảng 70%-90%	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
tập (CLO4)	không tham gia hoạt động học tập.	chuẩn bị bài rất hạn chế.	số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.34. Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học (Theories and Research Methods Literary), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần gồm 04 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu văn học, nhằm giúp người học hiểu được quá trình triển khai nghiên cứu văn học. Người học được giới thiệu cơ bản về các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu - phê bình văn học tiêu biểu. Ngoài ra, học phần giới thiệu một số xu hướng mới trong nghiên cứu - phê bình văn học đương đại. Thông qua đó, sinh viên có thể nắm vững những nguyên tắc phân tích, đánh giá tác phẩm theo thể loại văn học để ứng dụng vào trong việc học cũng như những công việc chuyên môn khác.

Mục tiêu học phần

- Cung cấp cho người học kiến thức chung về phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu văn học, các lý thuyết nghiên cứu văn học và vai trò của lý thuyết trong nghiên cứu văn học; kiến thức chuyên sâu về một số lý thuyết và phương pháp nghiên cứu - phê bình văn học tiêu biểu.

- Trang bị kỹ năng vận dụng lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học để lý giải, nhận định, đánh giá một hiện tượng văn học.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận và thuyết trình hiệu quả

Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được cơ sở hình thành, đặc điểm và giá trị của các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và phê bình văn học tiêu biểu.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức tự luận.

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Tương ứng với đề thi
CLO 2	Giải thích được các khái niệm, phạm trù và quy trình cơ bản của hoạt động nghiên cứu văn học.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức tự luận.
CLO 3	Vận dụng được các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, lý giải và đánh giá các hiện tượng văn học cụ thể.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức tự luận.
CLO 4	Thể hiện tinh thần tự học, chủ động tìm kiếm tài liệu, cập nhật tri thức và phát triển năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực văn học.	- Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức tự luận. - Đánh giá qua bảng chuyên cần

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs \ PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3		X	X					
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Vấn đáp, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn

CLO	Thuyết giảng	Vấn đáp	Giải quyết vấn đề	Tự học có hướng dẫn
CLO 1	X	X		X
CLO 2	X	X	X	X
CLO 3	X	X	X	X
CLO 4			X	X

PP kiểm tra, đánh giá: Dự lớp, bài tập nhóm, Thuyết trình; Hình thức thi: tự luận

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá:

CLOs \ Phương pháp	Dự lớp	Bài tập nhóm	Thuyết trình	Thi tiểu luận
CLO1			X	X
CLO2			X	X
CLO3		X	X	X
CLO4	X	X	X	

Kế hoạch đo lường CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Bài tiểu luận	CLO1: Phân tích cơ sở hình thành, đặc điểm và giá trị của các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu văn học. CLO2: Giải thích các khái niệm, phạm trù và quy trình nghiên cứu văn học. CLO3: Vận dụng lý thuyết và phương pháp nghiên cứu để phân tích, lý giải và đánh giá hiện tượng văn học.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Chuyên cần	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng nghiên cứu	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm, báo cáo học thuật. Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2: Nội dung trình bày và khả năng giải thích vấn đề nghiên cứu. CLO3: Khả năng vận dụng lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và xây dựng lập luận học thuật.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm	Tinh thần tự học, chủ động tìm kiếm tài liệu, cập	Lấy dữ liệu đo CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miễn	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					chuyên cần	nhật tri thức và phát triển năng lực nghiên cứu.	

Điểm đánh giá quá trình, trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm, trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.35. Báo cáo chuyên đề thực tiễn (Seminar on topical reports), 1 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm hai nội dung chính: một là hướng dẫn sinh viên thực hiện một báo cáo thực tiễn, hai là ứng dụng kiến thức đã học cũng như kỹ năng đã được rèn luyện, tích lũy vào một hoạt động cụ thể của ngành Văn học. Trong đó, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về công tác báo cáo chuyên đề, mục đích cũng như khâu tổ chức. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng và phương pháp làm việc nhóm và phối hợp giữa các đơn vị chức năng. Với các kiến thức học được, sinh viên có thể vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập cũng như làm các công việc cụ thể ngoài xã hội.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung báo cáo chuyên đề thực tiễn;
- Hệ thống hóa về mặt lý thuyết và thực hành;
- Biết vận dụng các kỹ năng và phương pháp vào một hoạt động ngành học;

- Phát triển kỹ năng xử lý văn bản, kịch bản, nội dung và những vấn đề phát sinh.

Chuẩn đầu ra học phần:

STT	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Vận dụng được kiến thức và phương pháp của ngành Văn học để xây dựng kế hoạch, thiết kế nội dung và triển khai hoạt động hoặc báo cáo chuyên đề thực tiễn.	Báo cáo tiến độ; Kế hoạch; Kịch bản
CLO 2	Phối hợp linh hoạt các kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề để hoàn thành sản phẩm hoặc nhiệm vụ thực tiễn trong môi trường thực tế.	Báo cáo sản phẩm; Đánh giá nhóm
CLO 3	Thể hiện tinh thần trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp, ý thức tự học và chủ động phát triển năng lực nghề nghiệp trong quá trình thực hiện chuyên đề.	Đánh giá quá trình; Chuyên cần

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X	X					
CLO 2			X	X	X			
CLO 3							X	X

PP dạy – học Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy và học

CLOs \ Phương pháp	Thuyết giảng	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Tự học có hướng dẫn
CLO 1	X	X		X
CLO 2	X	X	X	X
CLO 3		X	X	X

PP kiểm tra, đánh giá: Sinh viên được đánh giá kết quả học tập thông qua chuyên cần, báo cáo tiến độ (xây dựng kịch bản/kế hoạch) và thi cuối kỳ (thực hành chương trình/báo cáo sản phẩm)..

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs \ Hình thức đánh giá	Đánh giá chuyên cần	Báo cáo tiến độ (Kế hoạch/Kịch bản)	Thi Thực hành / Báo cáo sản phẩm (Cuối kỳ)
CLO 1		X	X

CLOs \ Hình thức đánh giá	Đánh giá chuyên cần	Báo cáo tiến độ (Kế hoạch/Kịch bản)	Thi Thực hành / Báo cáo sản phẩm (Cuối kỳ)
CLO 2			X
CLO 3	X	X	

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học/ Assessments	CLOs	Trọng số (%)	Miền/ Domain	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú/ Notes
Phần I: Thi cuối kỳ	CLO1	20%	Kiến thức và vận dụng	Tuần cuối	Chấm sản phẩm thực hành / Kế hoạch thực hiện	Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức ngành Văn học để xây dựng kế hoạch, nội dung và triển khai chuyên đề thực tiễn
	CLO2	40%	Kỹ năng nghề nghiệp	Tuần cuối	Chấm sản phẩm thực hành / Báo cáo sản phẩm	Đánh giá khả năng thực hiện sản phẩm, giải quyết vấn đề và phối hợp triển khai hoạt động thực tiễn
Phần II: Quá trình	CLO1	30%	Kiến thức và vận dụng	Giữa học kỳ	Chấm báo cáo tiến độ, kế hoạch, kịch bản	Đánh giá mức độ hoàn thiện kế hoạch, nội dung và công tác chuẩn bị
	CLO3	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng điểm chuyên cần và theo dõi quá trình thực hiện	Đánh giá tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc, ý thức tự học và khả năng phối hợp nhóm

Điểm đánh giá quá trình, trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, đánh giá tiến độ làm việc và chất lượng kịch bản sơ bộ...

8.36. Văn học dân gian Việt Nam (Vietnamese folk literature), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về văn học dân gian Việt Nam, nhằm giúp người học nhận thức được các đặc trưng của VHĐG Việt Nam. Đặc biệt, học phần giúp người học nắm vững những đặc trưng cơ bản của từng thể loại VHĐG, từ truyện kể, ca dao, tục ngữ đến các hình thức diễn xướng. Qua đó, người học có khả năng phân tích, so sánh, vận dụng và đánh giá các tác phẩm văn học dân gian trong bối cảnh văn hóa – lịch sử cụ thể

Mục tiêu học phần

Học phần trình bày và phân tích về đặc trưng, quá trình hình thành, hệ thống thể loại, giá trị nội dung – nghệ thuật cũng như vị trí của VHĐG trong đời sống văn hóa dân tộc. Học phần rèn luyện năng lực nhận diện, phân tích, so sánh, lý giải các tác phẩm/thể loại văn học dân gian trong bối cảnh văn hóa – lịch sử; đồng thời bước đầu vận dụng chất liệu, motif, thi pháp và tư duy nghệ thuật dân gian vào hoạt động giảng dạy Ngữ văn, biên tập, truyền thông văn hóa hoặc sáng tạo nội dung. Qua đó, học phần bồi dưỡng thái độ trân trọng di sản, ý thức bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao trách nhiệm học thuật và tinh thần tự học của sinh viên.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Trình bày được đặc trưng cơ bản, vai trò và giá trị của văn học dân gian Việt Nam trong đời sống văn hóa dân tộc.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận

Mã CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Tương ứng với đề thi
CLO 2	Giải thích được đặc điểm nội dung, nghệ thuật và thi pháp của một số thể loại, tác phẩm văn học dân gian tiêu biểu trong bối cảnh văn hóa – lịch sử	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 3	Mô tả được khả năng vận dụng chất liệu và tư duy nghệ thuật dân gian trong học tập và một số định hướng nghề nghiệp của ngành Văn học.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 4	Thể hiện ý thức trân trọng di sản văn học dân gian, tinh thần tự học và trách nhiệm bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc.	Đánh giá chuyên cần & Quá trình học tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs \ PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3			X					
CLO4							X	

Phương pháp dạy-học: Thuyết giảng, Phát vấn, Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Hướng dẫn tự học, Thuyết trình - thảo luận nhóm

Ma trận tương thích giữa CLO và Phương pháp dạy - học

CLO/PP	Thuyết giảng	Phát vấn	Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	Hướng dẫn tự học	Thuyết trình - thảo luận nhóm
CLO 1	X	X	X	X	
CLO 2	X	X	X	X	X
CLO 3	X	X	X	X	X
CLO 4			X	X	X

PP kiểm tra, đánh giá: Dự lớp, thuyết trình, hình thức thi tiểu luận.

Ma trận tương thích CLOs và Phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLO/Hình thức đánh giá	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO 1		X	X
CLO 2		X	X
CLO 3		X	X

CLO/Hình thức đánh giá	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO 4	X		

Kế hoạch đo lường CLO

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	60%	Kiến thức	Tuần 6	Rubric đánh giá tiểu luận	CLO1: Trình bày đặc trưng và vai trò VHDG. CLO2: Giải thích nội dung, nghệ thuật và thi pháp. CLO3: Mô tả khả năng vận dụng trong học tập và nghề nghiệp. CLO4: Thể hiện khả năng trân trọng di sản văn hóa dân tộc.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Quá trình	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3-5	Rubric thuyết trình nhóm	CLO2: Mức độ hiểu và trình bày tác phẩm, thể loại VHDG. CLO3: Liên hệ và mô tả khả năng ứng dụng kiến thức.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
Chuyên cần	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần	Ý thức học tập, tinh thần tự học và trách nhiệm bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc.	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình. trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30% Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.37. Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII (Vietnamese literature (10th – 18th century)), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nền tảng văn học viết gắn liền với chế độ phong kiến Việt Nam từ chặng đường hình thành đến phát triển cực thịnh và bắt đầu bước vào giai đoạn suy thoái. Học phần còn giới thiệu về hình thức thể loại, chữ viết, các khuynh hướng sáng tác; Giới thiệu và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu về tác giả và tác phẩm tiêu biểu; Khẳng định những thành tựu, đóng góp của văn học viết Việt Nam giai đoạn đầu với những đặc trưng tiếp biến từ văn hoá, văn học Trung Hoa.

Mục tiêu học phần

- Nắm được có hệ thống về tiến trình lịch sử văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII; quy luật sinh thành, phát triển qua từng giai đoạn văn học cụ thể; những nội dung, chủ đề, cảm hứng chính; những tác gia tác phẩm tiêu biểu của từng giai đoạn.

- Trang bị cho SV những phương pháp và kỹ năng phân tích, giảng bình, cảm thụ tác phẩm văn học; tự nghiên cứu từng giai đoạn văn học, một hiện tượng văn học, một tác gia văn học, một tác phẩm văn học cụ thể...

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra của học phần

STT	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được tiến trình phát triển, đặc điểm và những thành tựu cơ bản của văn học	Thể hiện trong toàn bộ nội dung bài tiểu luận

STT	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII.	
CLO2	Phân tích được đặc điểm nội dung, nghệ thuật và sự vận động thi pháp của một số tác giả, tác phẩm hoặc thể loại tiêu biểu thuộc giai đoạn văn học từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung bài tiểu luận
CLO3	Sử dụng được kiến thức và phương pháp nghiên cứu văn học để tìm hiểu, phân tích và trình bày một vấn đề thuộc văn học trung đại Việt Nam.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung bài tiểu luận
CLO4	Thể hiện tinh thần tự học, chủ động tìm kiếm tài liệu và phát triển năng lực nghiên cứu trong quá trình học tập học phần.	Đánh giá chuyên cần và quá trình học tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs \ PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3		X	X					
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, Vấn đáp, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy và học

CLOs \ PP	Thuyết trình	Vấn đáp	Hướng dẫn tự học	Thảo luận nhóm
CLO1	X	X	X	
CLO2	X	X	X	X
CLO3	X	X	X	X
CLO4			X	X

Phương pháp kiểm tra đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình nhóm, thi tiểu luận

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá:

CLOs \ PP	Đánh giá chuyên cần	Bài thuyết trình nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Rubric đánh giá bài tiểu luận (11.3.a)	CLO1: Khả năng giải thích tiến trình phát triển, đặc điểm và thành tựu của văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII. CLO2: Khả năng phân tích đặc điểm nội dung, nghệ thuật và sự vận động thi pháp của tác giả, tác phẩm hoặc thể loại tiêu biểu. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu văn học để tìm hiểu, phân tích và trình bày một vấn đề thuộc văn học trung đại Việt Nam.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm; Rubric đánh	CLO2: Nội dung phân tích và lập luận học thuật. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức, trình bày quan	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					giá bài thuyết trình (11.3.b)	điểm và trao đổi học thuật.	
	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần	Tinh thần tự học, chủ động tìm kiếm tài liệu và phát triển năng lực nghiên cứu trong quá trình học tập.	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.38. Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX (Vietnamese literature (18th – 19th century)), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về giai đoạn phát triển nhất của văn học trung đại Việt Nam (từ thế kỷ XVIII – XIX). Người học được giới thiệu về thành tựu thể loại tiêu biểu gồm truyện thơ Nôm, ngâm khúc, hát nói và một số thành tựu thơ văn chữ Hán khác; cung cấp kiến thức về các tác gia tiêu biểu như Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương; hướng dẫn nghiên cứu nội dung

văn chương qua những tác phẩm tiêu biểu như *Truyện Kiều*, *Chinh phu ngâm khúc*, *Cung oán ngâm khúc*, *Hoàng Lê nhất thống chí*,... Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu thêm một số nội dung văn học Trung Quốc để người học đối chiếu, so sánh quá trình tiếp biến để hình thành, phát triển nền văn học dân tộc Việt Nam.

Mục tiêu học phần.

Học phần có những mục tiêu:

- Trang bị cho người học những kiến thức chung về văn học sử giai đoạn thế kỷ XVIII – XIX nhằm giúp người học vận dụng hiểu biết về lịch sử - xã hội, văn hóa - tư tưởng để nghiên cứu các tác phẩm văn học cụ thể;
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về quy luật vận động, hình thức và đặc trưng thẩm mỹ của các thể loại văn học, giá trị nội dung, nghệ thuật và quá trình phát triển đến đỉnh cao của văn học viết Việt Nam thời trung đại;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và trình bày đúng, hay, hiệu quả đối với từng nội dung học tập, nghiên cứu.

Chuẩn đầu ra của học phần.

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được tiến trình phát triển, đặc điểm và những thành tựu tiêu biểu của văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX trong bối cảnh lịch sử, văn hóa và tư tưởng của thời đại.	Thể hiện qua câu 1 đề thi tự luận
CLO2	Phân tích được giá trị nội dung, nghệ thuật, đặc điểm phong cách và sự vận động thi pháp của các tác gia, tác phẩm hoặc thể loại tiêu biểu thuộc giai đoạn văn học từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX.	Thể hiện qua câu 1, câu 2 đề thi tự luận
CLO3	Sử dụng được kiến thức và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, so sánh, lý giải các hiện tượng văn học trung đại Việt Nam và bước đầu liên hệ với hoạt động học tập, nghiên cứu hoặc nghề nghiệp phù hợp.	Thể hiện qua câu 2 đề thi tự luận
CLO4	Thể hiện trách nhiệm học tập, tinh thần chủ động nghiên cứu, ý thức phát triển năng lực chuyên môn và thái độ nghiêm túc trong các hoạt động học thuật.	Đánh giá qua chuyên cần và quá trình học tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3			X					
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học Thuyết trình, Vấn đáp, Hướng dẫn tự học, Thảo luận nhóm

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy và học

CLOs \ PP	Thuyết trình	Vấn đáp	Hướng dẫn tự học	Thảo luận nhóm
CLO1	X		X	
CLO2	X	X	X	
CLO3		X		X
CLO4				X

Phương pháp kiểm tra đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình nhóm, thi tự luận

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá:

CLOs \ PP	Đánh giá chuyên cần	Bài thuyết trình nhóm	Thi tự luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Thi tự luận	CLO1: Khả năng giải thích tiến trình phát triển và thành tựu của văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						đến hết thế kỷ XIX CLO2: Khả năng phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật, phong cách và sự vận động thi pháp của các tác gia, tác phẩm tiêu biểu. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, so sánh và lý giải các hiện tượng văn học trung đại Việt Nam.	
Quá trình Thi cuối kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm, Rubric đánh giá bài thuyết trình	CLO2: Nội dung phân tích, lập luận và đánh giá tác phẩm, tác gia hoặc thể loại văn học. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức, trình bày quan điểm và trao đổi học thuật.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chuyên cần, chăm chỉ, năng nổ	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình, trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.39. Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930 (Vietnamese literature from 1900 to 1930), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần bao gồm 03 chương, cung cấp những kiến thức về văn học sử, về đặc điểm, tính chất giao thời của giai đoạn văn học 1900 – 1930, về những tác giả, tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn văn học này. Bên cạnh đó, người học cũng được rèn kỹ năng phân tích, cảm thụ, đánh giá tác phẩm văn học, sử dụng các kiến thức văn học để phục vụ cho những công việc khác nhau trong thực tế.

Mục tiêu học phần:

- Hệ thống hóa các đặc điểm, thành tựu, quá trình phát triển của văn học Việt Nam trong giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến hết thập niên 30;
- Giải thích được đặc điểm, tính chất giao thời của văn học giai đoạn 1900 – 1930;
- Vận dụng kiến thức văn học vào việc phân tích, nghiên cứu tác phẩm văn học cụ thể thuộc giai đoạn 1900 – 1930;
- Phát triển kỹ năng đọc, viết và trình bày các vấn đề văn học.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Giải thích được những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1900 – 1930, bao gồm bối cảnh lịch sử, đặc điểm giao thời và các khuynh hướng văn học tiêu biểu.	Câu 01 và Câu 02 trong bộ đề thi

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 2	Phân tích được giá trị nội dung, nghệ thuật và những đóng góp của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu thuộc văn học Việt Nam giai đoạn 1900 – 1930.	Câu 01 và Câu 02 trong bộ đề thi
CLO 3	Vận dụng được kiến thức và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, cảm thụ, đánh giá tác phẩm văn học và liên hệ với các hoạt động học tập, nghiên cứu hoặc nghề nghiệp phù hợp	Câu 03 trong bộ đề thi
CLO 4	Thể hiện trách nhiệm học tập, tinh thần chủ động nghiên cứu, ý thức phát triển năng lực chuyên môn và thái độ nghiêm túc trong các hoạt động học thuật	Đánh giá chuyên cần và quá trình học tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3			X					
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình - phản biện

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp dạy - học

CLOs / Phương pháp	Thuyết giảng	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Tự học có hướng dẫn	Thuyết trình - phản biện
CLO1	X	X		X	
CLO2	X	X		X	X
CLO3	X	X	X	X	X
CLO4			X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: chuyên cần, thuyết trình, thi tự luận

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs / Hình thức đánh giá	Chuyên cần	Thuyết trình	Tự luận
CLO1			X
CLO2		X	X

CLOs / Hình thức đánh giá	Chuyên cần	Thuyết trình	Tự luận
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi tự luận	CLO1: Khả năng giải thích đặc điểm giao thời, bối cảnh lịch sử và các khuynh hướng văn học tiêu biểu giai đoạn 1900–1930. CLO2: Khả năng phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật và những đóng góp của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, đánh giá tác phẩm và liên hệ thực tiễn.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Thi cuối kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình	CLO2: Nội dung phân tích, lập luận và đánh giá tác phẩm văn học. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức, trình bày quan điểm và trao đổi học thuật.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chuyên cần, chăm chỉ, năng nổ	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.40. Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945 (Vietnamese literature from 1930 to 1945), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần gồm 03 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945, cụ thể là những tiền đề chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng tác động đến văn học cũng như các chặng đường phát triển, những đặc điểm cơ bản và thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam giai đoạn này. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức chuyên sâu, có tính lý luận về các khuynh hướng văn học tiêu biểu ở Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945

Mục tiêu học phần

- Trình bày những tác động của chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng đến sự biến đổi, phát triển của văn học giai đoạn 1930 – 1945;

- Cung cấp những kiến thức khái quát về văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945, cụ thể là các giai đoạn phát triển và nội dung chính của từng giai đoạn, những đặc điểm cơ bản và thành tựu chủ yếu của giai đoạn văn học này;

- Cung cấp những kiến thức chuyên sâu, có tính lý luận về các khuynh hướng văn học tiêu biểu ở Việt Nam giai đoạn này, đó là khuynh hướng văn học lãng mạn, hiện thực phê phán và cách mạng;

- Giới thiệu về các tổ chức, phong trào và các tác gia văn học nổi bật như: Tự lực văn đoàn, phong trào Thơ mới, Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Hồ Chí Minh, Tố Hữu;

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Giải thích được đặc điểm bối cảnh lịch sử – văn hóa, các giai đoạn phát triển và những thành tựu tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn 1930–1945 trong tiến trình hiện đại hóa văn học dân tộc	Câu 01 và 02 trong bộ đề thi
CLO 2	Phân tích được đặc điểm tư duy nghệ thuật, quan niệm thẩm mỹ và những đóng góp của các khuynh hướng văn học lãng mạn, hiện thực phê phán và cách mạng trong văn học Việt Nam giai đoạn 1930–1945.	Câu 01 và 02 trong bộ đề thi
CLO 3	Phân tích và so sánh được phong cách nghệ thuật, giá trị nội dung và đóng góp của các tác gia, nhóm văn học và phong trào tiêu biểu trong văn học Việt Nam giai đoạn 1930–1945.	Câu 03 trong bộ đề thi
CLO 4	Vận dụng được kiến thức văn học sử và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, bình luận và đánh giá các tác phẩm hoặc hiện tượng văn học thuộc giai đoạn 1930–1945.	Câu 02 và 03 trong bộ đề thi

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3			X					
CLO4			X	X				

PP dạy-học. Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp dạy - học

CLOs / Phương pháp	Thuyết giảng	Giải quyết vấn đề	Phát vấn	Tự học có hướng dẫn
CLO1	X		X	X
CLO2	X	X	X	X
CLO3	X	X	X	X
CLO4		X	X	X

PP kiểm tra, đánh giá: qua các bài tập thực hành của SV (KT trắc nghiệm, thuyết trình, vấn đáp, viết/ BT cá nhân + BT nhóm).

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs / PPKTĐG	Chuyên cần	Thuyết trình	Tự luận / Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X	X	X

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi tự luận	CLO1: Khả năng giải thích bối cảnh lịch sử – văn hóa, các giai đoạn phát triển và thành tựu của văn học Việt Nam giai đoạn 1930–1945. CLO2: Khả năng phân tích đặc điểm tư duy nghệ thuật, quan niệm thẩm mỹ và các khuynh hướng văn học tiêu biểu. CLO3: Khả năng phân tích, so sánh phong cách nghệ	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						thuật và đóng góp của các tác gia, nhóm văn học, phong trào văn học tiêu biểu.	
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3, CLO4	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình	CLO2: Nội dung phân tích và lập luận học thuật. CLO3: Khả năng so sánh, đánh giá tác gia và hiện tượng văn học. CLO4: Khả năng vận dụng kiến thức văn học sử và phương pháp nghiên cứu để bình luận, đánh giá tác phẩm cụ thể.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3, CLO4
	Hỗ trợ toàn bộ CLO	10%	Tham gia học tập	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Theo dõi mức độ tham gia học tập, chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập.	Dữ liệu hỗ trợ đánh giá học phần

Điểm đánh giá quá trình. trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	hoạt động học tập.	bài rất hạn chế.	nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	bài và đóng góp tương đối tích cực.	luân, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.41. Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 (Vietnamese literature from 1945 to 1975), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần bao gồm 04 chương, cung cấp những kiến thức về văn học sử, về đặc điểm và thành tựu văn học qua thể loại chính từ 1945 đến 1975. Học phần này cũng giới thiệu, phân tích một số tác giả tiêu biểu như Tố Hữu, Quang Dũng, Nguyễn Tuân, Tô Hoài... để khẳng định những đóng góp của họ cho sự phát triển của văn học dân tộc. Bên cạnh đó, người học cũng được rèn kỹ năng phân tích, cảm thụ, đánh giá tác phẩm văn học, sử dụng các kiến thức văn học để phục vụ cho những công việc khác nhau trong thực tế (giảng dạy, biên tập, viết tin...).

Mục tiêu học phần.

- Hệ thống hóa các đặc điểm, thành tựu, quá trình phát triển của văn học Việt Nam trong giai đoạn từ 1945 đến 1975;
- Giải thích được đặc điểm lịch sử, hoàn cảnh chiến tranh/ đất nước bị chia cắt 2 miền đã ảnh hưởng đến văn học giai đoạn 1945 – 1975;
- Vận dụng được kiến thức văn học vào việc phân tích, đánh giá tác phẩm văn học cụ thể thuộc giai đoạn 1945 – 1975;
- Phát triển kỹ năng đọc, viết và trình bày các vấn đề văn học.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề ti
CLO 1	Giải thích được đặc điểm, quá trình phát triển và những thành tựu nổi bật của văn học Việt Nam giai đoạn 1945–1975 trong bối cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa của đất nước.	Câu 01 và 02 trong bộ đề thi gồm 03 câu
CLO 2	Phân tích được giá trị nội dung, nghệ thuật và những đóng góp của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu	Câu 01 và 02 trong bộ đề thi gồm 03 câu

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	thuộc văn học Việt Nam giai đoạn 1945–1975 đối với sự phát triển của nền văn học dân tộc.	
CLO 3	Vận dụng được kiến thức văn học sử và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, đánh giá, so sánh các tác phẩm văn học; bước đầu ứng dụng vào các hoạt động học tập, giảng dạy, biên tập hoặc truyền thông nội dung.	Câu 03 trong bộ đề thi gồm 03 câu
CLO 4	Thể hiện trách nhiệm học tập, thái độ trân trọng các giá trị tư tưởng, nhân văn của văn học Việt Nam giai đoạn 1945–1975 và ý thức nghiêm túc trong các hoạt động học thuật.	Đánh giá chuyên cần & Quá trình học tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3			X	X				
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện, Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp dạy học

CLOs / Phương pháp	Thuyết giảng	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Tự học có hướng dẫn	Thuyết trình – phản biện	Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu
CLO1	X	X		X		
CLO2	X	X	X	X	X	X
CLO3	X	X	X	X	X	X
CLO4			X	X	X	

PP kiểm tra, đánh giá: qua các bài tập thực hành của SV (KT trắc nghiệm, thuyết trình, vấn đáp, viết/ BT cá nhân + BT nhóm).

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs / PPKTDG	Chuyên cần	Thuyết trình	Vấn đáp
CLO1			X

CLOs / PPKTĐG	Chuyên cần	Thuyết trình	Vấn đáp
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X	X	

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi vấn đáp (Ngắn hàng câu hỏi vấn đáp)	CLO1: Khả năng giải thích đặc điểm, quá trình phát triển và thành tựu của văn học Việt Nam giai đoạn 1945–1975. CLO2: Khả năng phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật và đóng góp của các tác giả tiêu biểu CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức văn học sử để phân tích, so sánh, đánh giá tác phẩm văn học và liên hệ thực tiễn nghề nghiệp.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài	CLO2: Nội dung phân tích, lập luận và đánh giá tác giả, tác phẩm. CLO3: Kỹ năng vận dụng kiến thức, trình bày quan điểm, so	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					thuyết trình	sánh và phản biện học thuật.	
	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Tinh thần trách nhiệm học tập, thái độ tham gia học tập, ý thức chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập.	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình, trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.42. Văn học Việt Nam từ sau 1975 (Vietnamese literature after 1975), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 03 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về quá trình vận động, phát triển, các đặc điểm cơ bản và thành tựu của văn học Việt Nam từ sau 1975. Học phần cũng giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học giai đoạn này. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp thêm những kiến thức về lý luận, phê bình văn học Việt Nam giai đoạn sau 1975 nhằm giúp sinh viên nắm bắt được đặc điểm, vấn đề, sự kiện tiêu biểu của phê bình văn học Việt giai đoạn này.

Mục tiêu học phần

- Nắm được những kiến thức về lịch sử văn học Việt Nam hiện đại giai đoạn sau 1975, cụ thể các giai đoạn phát triển và nội dung chính của từng giai đoạn, những đặc điểm cơ bản và thành tựu chủ yếu của giai đoạn văn học này;

- Có kỹ năng nhận diện vấn đề, kỹ năng phân tích, kỹ năng tổng hợp và chọn lọc tư liệu khoa học, trình bày vấn đề, .. ;

- Rèn luyện tinh thần khoa học khách quan, cởi mở, chân thực để tiếp cận đối tượng từ nhiều quan điểm, nhiều góc nhìn khoa học.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được quá trình vận động, phát triển, đặc điểm và những thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ sau năm 1975 trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.	Câu 01 và 02 trong bộ đề thi gồm 03 câu
CLO 2	Đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật, những đổi mới tư duy nghệ thuật của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu và các khuynh hướng phát triển của văn học Việt Nam sau 1975, bao gồm cả lĩnh vực lý luận và phê bình văn học	Câu 01 và 02 trong bộ đề thi gồm 03 câu
CLO 3	Vận dụng được kiến thức văn học, phương pháp nghiên cứu và kỹ năng phân tích, đánh giá để giải quyết các vấn đề học thuật hoặc nghề nghiệp liên quan đến giảng dạy, nghiên cứu, biên tập và truyền thông văn hóa.	Câu 03 trong bộ đề thi gồm 03 câu
CLO 4	Thể hiện trách nhiệm học thuật, tinh thần tự học và chủ động cập nhật các vấn đề mới của văn học, lý luận và phê bình văn học Việt Nam đương đại trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.	Đánh giá chuyên cần và quá trình học tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3			X	X				
CLO4							X	X

Phương pháp dạy-học: Thuyết giảng, Vấn đáp, Giải quyết vấn đề, Thuyết trình – phân biện, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp dạy học

CLOs / Phương pháp	Thuyết giảng	Vấn đáp	Giải quyết vấn đề	Thuyết trình – phản biện	Tự học có hướng dẫn
CLO1	X	X		X	X
CLO2	X	X	X	X	X
CLO3	X	X	X	X	X
CLO4			X	X	X

PP kiểm tra, đánh giá: qua các bài tập thực hành của SV (KT trắc nghiệm, thuyết trình, vấn đáp, viết/ BT cá nhân + BT nhóm).

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs / PPKTĐG	Chuyên cần	Thuyết trình	Tự luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X	X	

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi tự luận (11.3 a)	CLO1: Khả năng phân tích quá trình vận động, phát triển, đặc điểm và thành tựu của văn học Việt Nam sau 1975. CLO2: Khả năng đánh giá giá trị nội dung, nghệ thuật, những đổi mới tư duy nghệ thuật và các khuynh hướng phát triển của văn học Việt Nam sau	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						1975. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức văn học, phương pháp nghiên cứu và kỹ năng phân tích để giải quyết các vấn đề học thuật hoặc nghề nghiệp liên quan.	
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình	CLO2: Nội dung phân tích, đánh giá và lập luận học thuật. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức, trình bày quan điểm, phản biện và giải quyết vấn đề.	Lấy dữ liệu do CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Trách nhiệm học thuật, tinh thần tự học, chủ động cập nhật tri thức mới và tham gia các hoạt động học tập.	Lấy dữ liệu do CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học	Vắng quá 30% số buổi;	Tham gia dưới 50% số buổi;	Tham gia khoảng 50%-70%	Tham gia khoảng 70%-90%	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
tập (CLO4)	không tham gia hoạt động học tập.	chuẩn bị bài rất hạn chế.	số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên	số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực	bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.43. Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII) (Western countries' Literature I), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần gồm 05 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về văn học cổ đại Hi-La (Thần thoại, Sử thi, Kịch...), văn học châu Âu qua các thời kì: Phục hưng, Cổ điển, Ánh sáng. Qua việc miêu tả, phân tích, lý giải các sự kiện, hiện tượng, thành tựu văn học gắn liền với các cơ sở văn hóa trong phạm vi khu vực, đất nước ở từng thời kỳ. Người học được giới thiệu, tiếp cận bức tranh sinh hoạt văn học đa dạng, nhiều màu sắc với sự đóng góp của các bản sắc văn học, văn hóa vừa thể hiện tính tương đồng, vừa được phân biệt qua những nét riêng. Học phần giới thiệu các thành tựu văn học phương Tây theo tiến trình văn học, đóng góp về giá trị văn học của các quốc gia lớn như Hi Lạp, La Mã, Italia, Tây Ban Nha, Pháp, Anh, Đức, Mỹ...

Mục tiêu học phần:

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về văn học phương Tây.
- Hệ thống hoá các đặc điểm, thành tựu, quá trình phát triển của văn học phương Tây từ cổ đại Hi-La qua Phục hưng, từ Cổ điển đến Ánh sáng.
- Phát triển kỹ năng đọc, phân tích, đánh giá, vận dụng kiến thức văn học phương Tây ở các giai đoạn này vào việc nghiên cứu các tác phẩm văn học phương Tây cụ thể.
- Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức văn học thế giới vào thuyết trình, nghiên cứu.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được tiến trình phát triển, đặc điểm và thành tựu tiêu biểu của văn học phương Tây từ cổ đại Hi-La đến Phục hưng, Cổ điển và Ánh sáng trong mối quan hệ với bối cảnh lịch sử, văn hóa và xã hội.	Câu 01 trong bộ đề thi
CLO 2	Lý giải được giá trị nội dung, tư tưởng, nghệ thuật của các tác phẩm, trào lưu và hiện tượng văn học phương Tây tiêu biểu trong tiến trình văn học thế giới.	Câu 01, 02 trong bộ đề thi
CLO 3	Vận dụng được kiến thức văn học phương Tây để phân tích, so sánh và trình bày một vấn đề văn học cụ thể theo hướng có căn cứ khoa học và tư duy liên văn hóa.	Câu 02 trong bộ đề thi

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X						
CLO 2		X						
CLO 3		X	X					

PP dạy – học: Thuyết giảng, Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu, Tự học có hướng dẫn, Giải thích cụ thể

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy và học

CLOs \ Phương pháp	Thuyết giảng	Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu	Tự học có hướng dẫn	Giải thích cụ thể
CLO 1	X	X	X	X
CLO 2	X	X	X	X
CLO 3		X	X	

PP kiểm tra, đánh giá: Sinh viên được đánh giá kết quả học tập thông qua chuyên cần, bài tập viết/phân tích trên lớp, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs \ Hình thức đánh giá	Đánh giá chuyên cần	Bài tập trên lớp	Kiểm tra tự luận	Thi Tự luận
CLO 1			X	X
CLO 2		X	X	X
CLO 3	X	X	X	X

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Phần I: Thi cuối kỳ	CLO1	30%	Nhận thức (L3)	Tuần cuối	Đề thi Tự luận (Ngân hàng đề)	Đánh giá kiến thức về tiến trình phát triển và thành tựu của văn học phương Tây từ Cổ đại Hi-La đến Ánh sáng	Lấy dữ liệu đo CLO1
	CLO2	30%	Vận dụng (L3)	Tuần cuối	Đề thi Tự luận (Ngân hàng đề)	Đánh giá năng lực lý giải giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật của các tác phẩm, hiện tượng văn học phương Tây tiêu biểu	Lấy dữ liệu đo CLO2
Phần II: Quá trình	CLO2	15%	Nhận thức và vận dụng (L3)	Giữa học kỳ	Kiểm tra viết tự luận	Đánh giá khả năng phân tích tác giả, tác phẩm và hiện tượng văn học	Lấy dữ liệu đo CLO2
	CLO3	15%	Kỹ năng (L3)	Giữa học kỳ	Chấm bài tập kỹ năng viết / thuyết trình	Đánh giá năng lực lập luận, trình bày và phân tích vấn đề văn học theo tư duy liên văn hóa	Lấy dữ liệu đo CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng điểm chuyên cần	Ý thức đọc tác phẩm, chuẩn bị bài, tham gia thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập	Lấy dữ liệu đo CLO3

Điểm đánh giá quá trình trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30% Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.44. Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay) (Western countries' Literature II), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 05 chương, trang bị cho sinh viên kiến thức về văn hóa – văn học phương Tây từ thế kỷ XIX, XX và hai thập niên đầu của thế kỷ XXI. Học phần sẽ cung cấp kiến thức về những trào lưu văn học lớn, quan trọng, có ý nghĩa quyết định diện mạo văn học của từng thời kỳ trên. Cụ thể, thế kỷ XIX với các trường phái lớn của chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa hình thức, thế kỷ XX với văn học hiện sinh, phi lý, văn học huyền ảo, hay Tiểu thuyết mới, nguyên lý tảng băng trôi...; các tác gia lớn như Victor Hugo, H. Balzac của thế kỷ XIX; thế kỷ XX với các tác gia F. Kafka, A. Camus, E. Hemingway, Ionesco, S. Beckett và một số nhà văn nổi tiếng khác trong thời gian gần đây.

Mục tiêu học phần:

- Hệ thống hóa các đặc điểm, thành tựu, quá trình phát triển của văn học văn học phương Tây từ thế kỷ XIX, XX và hai thập niên đầu của thế kỷ XXI;
- Giải thích được đặc điểm văn học cũng như đóng góp của các tiến trình VHPT2;
- Vận dụng kiến thức VHPT2 vào việc phân tích, nghiên cứu tác phẩm văn học cụ thể;
- Phát triển kỹ năng đọc, viết và trình bày các vấn đề văn học. *Chuẩn đầu ra học phần*

STT	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được đặc điểm, tiến trình phát triển và những thành tựu tiêu biểu của văn học phương Tây từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XXI; lý giải được đóng góp của các trào lưu, tác gia và hiện tượng văn học tiêu biểu trong tiến trình văn học thế giới.	Câu hỏi Tự luận (Lý thuyết lịch sử văn học/Lý giải hiện tượng)
CLO 2	Vận dụng được kiến thức về các trường phái văn học (lãng mạn, hiện thực, hiện sinh, phi lý, huyền ảo, Tiểu thuyết mới...) để phân tích, đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm văn học cụ thể.	Câu hỏi Tự luận (Phân tích tác phẩm cụ thể)
CLO 3	Trình bày và báo vệ được quan điểm học thuật về các vấn đề văn học phương Tây bằng hình thức nói và viết phù hợp; thể hiện kỹ năng đọc, viết, lập luận và trao đổi học thuật hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.	Bài tập quá trình / Kiểm tra kỹ năng viết / Thuyết trình

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X						
CLO 2		X	X					
CLO 3					X			

PP dạy – học Thuyết giảng, Giải thích cụ thể, Tự học có hướng dẫn, Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu, Nêu vấn đề

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy và học

CLOs \ Phương pháp	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Nêu vấn đề	Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu	Tự học có hướng dẫn
CLO 1	X	X	X		X
CLO 2	X	X	X	X	X
CLO 3			X	X	X

PP kiểm tra, đánh giá: Sinh viên được đánh giá kết quả học tập thông qua chuyên cần, bài tập trên lớp, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs \ Hình thức đánh giá	Đánh giá chuyên cần	Bài tập trên lớp (Kỹ năng viết/đọc)	Kiểm tra tự luận (Quá trình)	Thi Tự luận (90 phút)
CLO 1			X	X
CLO 2		X	X	X
CLO 3	X	X	X	

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Phần I: Thi cuối kỳ	CLO1	30%	Nhận thức (L3)	Tuần cuối	Đề thi Tự luận	Đánh giá kiến thức về tiến trình văn học phương Tây từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XXI, các trào lưu và hiện tượng văn học tiêu biểu	Lấy dữ liệu đo CLO1
	CLO2	30%	Vận dụng (L3)	Tuần cuối	Đề thi Tự luận	Đánh giá năng lực phân tích, đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm, tác gia và trường phái văn học phương Tây	Lấy dữ liệu đo CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Phần II: Quá trình	CLO2	15%	Nhận thức và vận dụng (L3)	Giữa học kỳ	Kiểm tra viết tự luận	Đánh giá khả năng lý giải các trào lưu văn học và phân tích hiện tượng văn học	Lấy dữ liệu đo CLO2
	CLO3	15%	Kỹ năng (L3)	Giữa học kỳ	Chấm bài tập kỹ năng viết / thuyết trình	Đánh giá kỹ năng trình bày, lập luận, trao đổi và bảo vệ quan điểm học thuật	Lấy dữ liệu đo CLO3
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng điểm chuyên cần	Ý thức đọc tác phẩm, chuẩn bị bài, tham gia thảo luận và tinh thần hợp tác trong học tập	Lấy dữ liệu đo CLO3

Điểm đánh giá quá trình trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trong số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn

8.45. Văn học phương Đông (Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc) (Eastern countries' Literature (India, Japan, Korea)), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần gồm 4 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về văn học phương Đông, các khu vực văn học phương Đông, nhằm giúp người học nhận diện được các nền văn học tiêu biểu của văn học phương Đông trong mối quan hệ với văn học Việt Nam. Người học được giới thiệu cơ bản về những đặc trưng cơ bản của văn học phương Đông (dân tộc, ngôn ngữ, văn tự, tôn giáo, tiến trình, v.v.). Để tiếp cận di sản văn học phương Đông, học phần giới thiệu các đại diện tiêu biểu của các nền văn học quan trọng gồm Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Mục tiêu học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về văn học phương Đông
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các khu vực văn học Nam Á, Đông Á và các đặc trưng tư tưởng, văn tự, dân tộc
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về các nền văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc (các thể loại cổ điển, các di sản tiêu biểu).
- Trang bị kiến thức về lịch sử văn học phương Đông, tiến trình và di sản và mối quan hệ giao lưu với văn học Việt Nam.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần:

STT	Nội dung chuẩn đầu ra	Trương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được các đặc trưng cơ bản về tư tưởng, tôn giáo, ngôn ngữ, văn tự và tiến trình phát triển của các nền văn học thuộc khu vực Nam Á và Đông Á trong bối cảnh văn hóa – lịch sử đặc thù.	Câu hỏi Tự luận (Lý thuyết văn học sử/Đặc trưng tư tưởng)
CLO 2	Vận dụng được kiến thức về các nền văn học Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc để phân tích, so sánh và lý giải giá trị của các di sản văn học tiêu biểu trong mối quan hệ giao lưu, tiếp biến với văn học Việt Nam.	Câu hỏi Tự luận (Phân tích, so sánh tác phẩm)
CLO 3	Trình bày và bảo vệ được quan điểm học thuật về các vấn đề văn học phương Đông bằng hình thức nói và viết phù hợp; thể hiện năng lực đọc hiểu, phân tích và tư duy liên văn hóa trong học tập và nghiên cứu.	Bài tập quá trình / Kiểm tra kỹ năng phân tích / Thuyết trình

STT	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 4	Chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập, tự nghiên cứu và hợp tác hiệu quả trong hoạt động nhóm; thể hiện ý thức tôn trọng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa – văn học phương Đông trong học tập và đời sống.	Đánh giá chuyên cần & Quá trình học tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X						
CLO 2		X	X					
CLO 3					X			
CLO 4								X

PP dạy- học. Thuyết giảng, Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu, Học tập theo dự án, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy - học

CLOs \ Phương pháp	Thuyết giảng	Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu	Học tập theo dự án	Tự học có hướng dẫn	Thuyết trình – phản biện nhóm
CLO 1	X			X	
CLO 2	X	X	X	X	
CLO 3		X	X		X
CLO 4			X	X	X

PP kiểm tra, đánh giá: Sinh viên được đánh giá kết quả học tập thông qua chuyên cần, bài tập trên lớp, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs \ Hình thức đánh giá	Đánh giá chuyên cần	Bài tập trên lớp (Kỹ năng đọc/viết)	Kiểm tra tự luận (Quá trình)	Thi Tự luận (90 phút)
CLO 1			X	X
CLO 2		X	X	X
CLO 3		X	X	
CLO 4	X			

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Cuối học kỳ	Rubrics chấm thi tự luận	CLO1: Phân tích đặc trưng tư tưởng, tôn giáo, ngôn ngữ, văn tự và tiến trình văn học phương Đông. CLO2: Phân tích, so sánh giá trị các di sản văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc trong mối quan hệ với văn học Việt Nam.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình Chuyên cần	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và Kỹ năng	Tuần 2 - 7	Rubrics đánh giá thuyết trình, báo cáo thực hành, bài tập phân tích	CLO2: Chất lượng nội dung phân tích, đối sánh tác phẩm và hiện tượng văn học. CLO3: Kỹ năng trình bày, lập luận, tư duy liên văn hóa và phân biện học thuật.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập, tích cực tham gia hoạt động nhóm, có ý thức tự học và tôn trọng các giá trị văn hóa – văn học phương Đông.	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi, chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.46. Nguyên lý lý luận văn học (Principles for Literature Studies), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 07 chương, cung cấp cho sinh viên các quan điểm, khái niệm, phạm trù cơ bản, khái quát nhất của lý luận văn học Mác-xít, trọng tâm là những vấn đề như: Bản chất xã hội của văn học, bản chất thẩm mỹ của văn học, đặc điểm của hoạt động sáng tạo và tiếp nhận văn học. Học phần góp phần rèn luyện kỹ năng vận dụng các quan điểm, khái niệm, phạm trù lý luận văn học vào việc phân tích, đánh giá các hiện tượng văn học cụ thể cho người học.

Mục tiêu học phần

- Cung cấp cho sinh viên các quan điểm, khái niệm, phạm trù cơ bản, khái quát nhất của lý luận văn học Mác-xít, trọng tâm là những vấn đề như: Bản chất xã hội của văn học, bản chất thẩm mỹ của văn học, đặc điểm của hoạt động sáng tạo và tiếp nhận văn học;

- Giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức lý luận văn học vào việc phân tích, đánh giá các hiện tượng văn học cụ thể;

- Hình thành ý thức tự giác lựa chọn và vận dụng tri thức lý luận văn học vào thực tiễn học tập, nghiên cứu văn học;

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được các quan điểm, khái niệm và phạm trù cơ bản của lý luận văn học Mác-xít về bản chất xã	Câu 1 của đề thi

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	hội, bản chất thẩm mỹ của văn học, hoạt động sáng tạo và tiếp nhận văn học	
CLO2	Vận dụng được các khái niệm và nguyên lý lý luận văn học để phân tích, lý giải và đánh giá các hiện tượng, tác phẩm văn học cụ thể.	Câu 2 của đề thi
CLO3	Chủ động khai thác, cập nhật và vận dụng tri thức lý luận văn học trong học tập, nghiên cứu và các hoạt động nghề nghiệp liên quan; thể hiện năng lực tự học và phát triển chuyên môn.	Đánh giá quá trình và chuyên cần

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1.		X						
CLO2.			X					
CLO3								X

Phương pháp dạy – học Thuyết giảng, Vấn đáp, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – Phản biện nhóm

Ma trận tương thích giữa CDR và phương pháp dạy – học

CLOs / PP	Thuyết giảng	Vấn đáp	Tự học có hướng dẫn	Thuyết trình – phản biện nhóm
CLO1	X	X	X	
CLO2	X	X	X	X
CLO3			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Dự lớp chuyên cần, Thuyết trình, thi tự luận

Bảng tương thích giữa CDR và KTDG

CLOs \ KTDG	Dự lớp	Thuyết trình	Thi tự luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3	X	X	

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tự luận	CLO1. Mức độ phân tích các khái niệm, phạm trù và nguyên lý cơ bản của lý luận văn học Mác-xít. CLO2: Mức độ vận dụng lý luận văn học để phân tích, lý giải hiện tượng văn học.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình Chuyên cần	CLO2	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 6	Thuyết trình, phản biện, kiểm tra giữa kỳ	CLO2: Nội dung báo cáo, khả năng vận dụng lý luận văn học, kỹ năng lập luận và phản biện.	Lấy dữ liệu đo CLO2
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chủ động học tập, tích cực tham gia thảo luận, có ý thức tự học và phát triển năng lực nghiên cứu.	Lấy dữ liệu đo CLO3

Điểm đánh giá quá trình. trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	hoạt động học tập.		đóng góp chưa thường xuyên.	góp tương đối tích cực.	nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn

8.47. Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học (Literary works, genres and developments), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tác phẩm văn học, về các thể loại văn học cũng như sự vận động phát triển của văn học qua tiến trình của nó. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức chuyên sâu về tác phẩm văn học với tư cách là một chỉnh thể thẩm mỹ với các thành tố cấu thành cơ bản như chủ đề, đề tài, giọng điệu trong thơ trữ tình, vấn đề nhân vật, tính cách, kết cấu, cốt truyện trong tác phẩm tự sự; Ba phương thức biểu đạt chính của văn học (tự sự, trữ tình, kịch), nguồn gốc, qua trình hình thành của các thể loại văn học, những khái niệm về thể loại qua những thời đại lịch sử khác nhau; Cung cấp các kiến thức, khái niệm, phạm trù về tiến trình văn học làm cơ sở tìm hiểu sự vận động, giao lưu, biến đổi văn học trong quá trình lịch sử

Mục tiêu học phần

- Sinh viên vận dụng được kiến thức về tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học vào việc phân tích, đánh giá các hiện tượng văn học cụ thể;

- Có ý thức tự giác lựa chọn và vận dụng tri thức LLVH vào thực tiễn học tập, nghiên cứu văn học;

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần

STT	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được các khái niệm, phạm trù và tri thức lý luận cơ bản về tác phẩm văn học, phương thức biểu đạt, thể loại và tiến trình văn học.	Phần 1: Cơ sở lý luận (Tiểu luận)
CLO 2	Hệ thống hóa được các khái niệm và công cụ lý luận văn học để phân tích tác phẩm văn học như một chỉnh thể thẩm mỹ thông qua các thành tố cấu thành (chủ đề, nhân vật, kết cấu, giọng điệu, cốt truyện...).	Phần 2: Vận dụng phân tích (Tiểu luận)

STT	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 3	Vận dụng được tri thức về thể loại và tiến trình văn học để đánh giá các hiện tượng văn học, sự vận động, giao lưu và biến đổi của văn học trong tiến trình lịch sử	Phần 3: Đánh giá hiện tượng/Tiến trình (Tiểu luận)
CLO 4	Thực hiện được các nhiệm vụ nghiên cứu học thuật thông qua việc xây dựng luận điểm, trình bày lập luận logic, phân tích tài liệu và tuân thủ các yêu cầu về trung thực học thuật trong quá trình thực hiện tiểu luận.	Báo cáo tiến độ / Thuyết trình đề cương / Đánh giá quá trình

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X						
CLO 2		X	X					
CLO 3			X	X				
CLO 4				X				

Phương pháp dạy – học Giải thích cụ thể, Thuyết giảng, Nêu vấn đề, Hướng dẫn nghiên cứu, Tự học

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy và học

CLOs \ Phương pháp	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Nêu vấn đề	Thảo luận nhóm	Tự học có hướng dẫn
CLO 1	X	X	X		X
CLO 2	X	X	X	X	X
CLO 3			X	X	X
CLO 4				X	X

PP kiểm tra, đánh giá: Sinh viên được đánh giá kết quả học tập thông qua chuyên cần, báo cáo tiến độ/thuyết trình đề cương trên lớp và thi cuối kỳ (thực hiện tiểu luận).

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs \ Hình thức đánh giá	Đánh giá chuyên cần	Báo cáo tiến độ / Thuyết trình đề cương	Thi Tiểu luận (Cuối kỳ)
CLO 1		X	X
CLO 2		X	X

CLOs \ Hình thức đánh giá	Đánh giá chuyên cần	Báo cáo tiến độ / Thuyết trình đề cương	Thi Tiểu luận (Cuối kỳ)
CLO 3		X	X
CLO 4	X	X	X

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Phần I: Thi cuối kỳ	CLO1	15%	Nhận thức (L3)	Tuần cuối	Bài Tiểu luận	Đánh giá phần cơ sở lý luận về tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	Lấy dữ liệu đo CLO1
	CLO2	20%	Phân tích (L4)	Tuần cuối	Bài Tiểu luận	Đánh giá năng lực phân tích tác phẩm văn học như một chỉnh thể thẩm mỹ	Lấy dữ liệu đo CLO2
	CLO3	15%	Vận dụng (L4)	Tuần cuối	Bài Tiểu luận	Đánh giá khả năng vận dụng tri thức thể loại và tiến trình văn học để lý giải hiện tượng văn học	Lấy dữ liệu đo CLO3
	CLO4	10%	Kỹ năng (L4)	Tuần cuối	Bài Tiểu luận	Đánh giá năng lực xây dựng luận điểm, lập luận, trình bày học thuật và chuẩn trích dẫn	Lấy dữ liệu đo CLO4
Phần II: Quá trình	CLO2, CLO3, CLO4	30%	Kiến thức và kỹ năng	Giữa học kỳ	Chấm báo cáo tiến độ / Thuyết trình đề cương	Đánh giá hướng nghiên cứu, khả năng vận dụng lý thuyết, kỹ năng trình bày và phản biện	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3, CLO4
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng điểm	Ý thức tự học, tinh thần hợp tác, trách	Lấy dữ liệu đo CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					chuyên cần	nhiệm và tính trung thực học thuật	

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.48. Văn học Nga (Russian Literature), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 8 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về văn học Nga, nhằm giúp người học nhận diện được văn học Nga trong khu vực văn hóa Slav. Người học được giới thiệu cơ bản về những đặc trưng cơ bản của văn học Nga (dân tộc, ngôn ngữ, văn tự, tôn giáo, tiến trình, v.v.). Học phần giới thiệu các đại diện tiêu biểu đã đóng góp cho văn học Nga và thế giới di sản văn chương đồ sộ (Pushkin, Gogol, Dostoevsky, Tolstoy, Chekhov và Gorky).

Mục tiêu học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về văn học Nga văn hóa Slav
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bối cảnh văn hóa, tiến trình văn học Nga.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về các tác gia, tác phẩm tiêu biểu, thi pháp, thành tựu văn học.

- Trang bị kiến thức về lịch sử văn học Nga và mối quan hệ giữa văn học Nga và văn học thế giới, các ảnh hưởng của văn học Nga đến văn học Việt Nam.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được các đặc trưng cơ bản, tiến trình phát triển và những thành tựu tiêu biểu của văn học Nga thế kỷ XIX–XX trong mối quan hệ với bối cảnh lịch sử, văn hóa và không gian văn hóa Slav	Câu hỏi tự luận (Lý thuyết văn học sử)
CLO 2	Vận dụng được kiến thức văn hóa – văn học để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của các tác gia, tác phẩm tiêu biểu (Pushkin, Gogol, Dostoevsky, Tolstoy, Chekhov, Gorky...); đồng thời lý giải ảnh hưởng của văn học Nga đối với văn học thế giới và văn học Việt Nam.	Câu hỏi tự luận (Phân tích tác gia, tác phẩm)
CLO 3	Trình bày , thảo luận và bảo vệ được các quan điểm học thuật về văn học Nga bằng hình thức nói và viết phù hợp; thể hiện kỹ năng lập luận, thuyết trình và giao tiếp học thuật hiệu quả.	Bài tập nhóm, thuyết trình, bài viết học thuật
CLO 4	Thể hiện tinh thần tự học, chủ động nghiên cứu, ý thức tôn trọng sự thật khoa học và tuân thủ các nguyên tắc trung thực, liêm chính học thuật trong học tập và nghiên cứu văn học Nga.	Đánh giá chuyên cần và quá trình học tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X						
CLO 2		X	X					
CLO 3					X			
CLO 4					X			

PP dạy- học: Thuyết giảng, Vấn đáp, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy và học

CLOs \ Phương pháp	Thuyết giảng	Vấn đáp	Tự học có hướng dẫn	Thuyết trình – phản biện nhóm
CLO 1	X	X	X	
CLO 2	X	X	X	X
CLO 3		X	X	X
CLO 4			X	

PP kiểm tra, đánh giá: Sinh viên được đánh giá kết quả học tập thông qua chuyên cần, bài tập thực hành/thuyết trình, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ..

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs \ Hình thức đánh giá	Đánh giá chuyên cần	Bài tập / Thuyết trình	Kiểm tra tự luận (Quá trình)	Thi Tự luận (90 phút)
CLO 1			X	X
CLO 2		X	X	X
CLO 3		X		X
CLO 4	X			

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Cuối học kỳ (Theo lịch thi của nhà trường)	Rubrics chấm thi tự luận	CLO1: Mức độ hiểu và phân tích tiến trình văn học Nga. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức văn hóa – văn học để phân tích tác gia, tác phẩm. CLO3: Kỹ năng lập luận và trình bày học thuật bằng văn bản.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 2 – 5	Rubrics đánh giá thuyết trình,	CLO2: Chiều sâu nội dung phân tích tác phẩm/tác gia. CLO3: Kỹ năng thuyết trình, phản biện và trình	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					bài tập nhóm	bày quan điểm học thuật.	
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Mức độ tự giác, trách nhiệm học tập, ý thức tự học và trung thực học thuật.	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.49. Văn học Trung Quốc (Chinese Literature), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần gồm 4 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về nền văn học Trung Quốc, nhằm giúp người học biết được những thành tựu nổi bật có ảnh hưởng sâu rộng đối với đời sống văn học trong khu vực cũng như trên thế giới. Người học được giới thiệu cơ bản về các thể loại văn học và các tác gia tiêu biểu trong mỗi thời kỳ, giai đoạn phát triển văn học Trung Quốc.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về lịch sử văn học Trung Quốc.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thể loại trong nền văn học Trung Quốc.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về tác phẩm, tác giả tiêu biểu của mỗi thể loại, của mỗi thời kỳ văn học Trung Quốc.

- Được trang bị các kiến thức trên, SV không chỉ hiểu biết về một trong những nền văn học lớn trên thế giới mà còn có thêm cơ sở để hiểu hơn về văn học Việt Nam.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được đặc điểm nổi bật, tiến trình phát triển, hệ thống thể loại và những thành tựu tiêu biểu của văn học Trung Quốc từ Tiên Tần đến đương đại.	Câu hỏi tự luận (Lý thuyết văn học sử và đặc trưng thể loại)
CLO 2	Vận dụng được kiến thức văn hóa – văn học để phân tích, đánh giá các hiện tượng, tác gia, tác phẩm tiêu biểu của văn học Trung Quốc; đồng thời lý giải ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đối với văn học Việt Nam và văn học khu vực.	Câu hỏi tự luận (Phân tích hiện tượng, tác gia, tác phẩm)
CLO 3	Trình bày , thảo luận và bảo vệ được các quan điểm học thuật về văn học Trung Quốc bằng hình thức nói và viết phù hợp; thể hiện kỹ năng lập luận, thuyết trình và giao tiếp học thuật hiệu quả	Bài tập nhóm, thuyết trình trên lớp, bài viết học thuật

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X						
CLO 2		X	X					
CLO 3					X			

PP dạy – học: Thuyết giảng, Vấn đáp, Thảo luận nhóm, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy - học

CLOs \ Phương pháp	Thuyết giảng	Vấn đáp	Thảo luận nhóm	Tự học có hướng dẫn
CLO 1	X	X		X
CLO 2	X	X	X	X
CLO 3		X	X	X

PP kiểm tra, đánh giá: Sinh viên được đánh giá kết quả học tập thông qua chuyên cần, bài tập thực hành/thuyết trình, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ...

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs \ Hình thức đánh giá	Đánh giá chuyên cần	Bài tập / Thuyết trình	Kiểm tra tự luận (Quá trình)	Thi Tự luận (90 phút)
CLO 1			X	X
CLO 2		X	X	X
CLO 3	X	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Cuối học kỳ (Theo lịch thi của nhà trường)	Rubrics chấm thi tự luận	CLO1: Mức độ hiểu và phân tích tiến trình văn học Trung Quốc. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức văn hóa – văn học để phân tích tác gia, tác phẩm và hiện tượng văn học.	Lấy dữ liệu do CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 2 - 5	Rubrics đánh giá thuyết trình, bài tập nhóm	CLO2: Chiều sâu nội dung phân tích tác phẩm/tác gia. CLO3: Kỹ năng lập luận, thuyết trình và bảo vệ quan điểm học thuật.	Lấy dữ liệu do CLO2, CLO3
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Mức độ tự giác, trách nhiệm học tập, tham gia thảo luận và chuẩn bị bài.	Lấy dữ liệu do CLO3

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Tham gia thảo luận, trình bày và bảo vệ quan điểm học thuật về văn học Trung Quốc (CLO3)	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ học tập; không có ý kiến thảo luận.	Tham gia hạn chế; chuẩn bị bài sơ sài; diễn đạt chưa rõ ràng, lập luận thiếu căn cứ.	Tham gia ở mức cơ bản, có chuẩn bị bài; trình bày được ý kiến nhưng lập luận còn đơn giản.	Tham gia tích cực; trình bày khá rõ ràng; có khả năng trao đổi và bảo vệ quan điểm học thuật.	Chủ động tham gia thảo luận; trình bày mạch lạc, lập luận thuyết phục; tích cực hỗ trợ nhóm và hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.50. Nghiệp vụ thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ (Skills for office work), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần gồm 4 chương, trang bị cho sinh viên những nguyên tắc, nghiệp vụ, kỹ năng của một người thư ký văn phòng; các kiến thức cơ bản về tác phong giao tiếp trong văn phòng; Các quy trình xử lý công việc, các kỹ năng giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc của một thư ký văn phòng. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng trong việc xây dựng, ban hành, xử lý, giải quyết văn bản, các qui trình giải quyết công việc của cơ quan nhanh chóng, đúng tiến độ, hiệu quả, đúng chính sách, đúng chế độ và bảo mật... Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tu duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm bao gồm: giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình.

Mục tiêu học phần

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực tế liên quan đến các quy trình xử lý công việc, xử lý các tình huống phát sinh trong công việc;
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ và có khả năng Tổ chức công tác lưu trữ và khai thác sử dụng hồ sơ;
- Trang bị kiến thức để hiểu rõ đạo đức nghề nghiệp cũng như trách nhiệm của từng vị trí việc làm tương ứng.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Chuẩn đầu ra học phần	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được vai trò, chức năng của công tác thư ký văn phòng, văn thư – lưu trữ; mô tả được quy trình quản lý, xử lý văn bản và tổ chức lưu trữ hồ sơ trong cơ quan, doanh nghiệp.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 2	Vận dụng được các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước và kiến thức chuyên môn để đánh giá, xử lý các tình huống nghiệp vụ phát sinh trong công tác văn thư – lưu trữ.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 3	Thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản về quản lý văn bản đi – đến, lập hồ sơ, lưu trữ tài liệu; đồng thời vận dụng kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình và giải quyết vấn đề trong môi trường văn phòng.	Bài tập thực hành, thuyết trình, tiểu luận
CLO 4	Tuân thủ quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, nguyên tắc bảo mật thông tin và trách nhiệm nghề nghiệp trong công tác thư ký văn phòng và văn thư – lưu trữ.	Đánh giá chuyên cần và quá trình học tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X						
CLO 2			X					
CLO 3				X				
CLO 4							X	

Phương pháp dạy-học Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLOs và Phương pháp dạy - học

CLO/PP	Thuyết giảng	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Tự học có hướng dẫn
CLO 1	X	X		X
CLO 2	X	X	X	X
CLO 3	X	X	X	X
CLO 4			X	X

PP kiểm tra, đánh giá: Dự lớp, thuyết trình, hình thức thi tiểu luận.

Ma trận tương thích CLOs và Phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLO/Hình thức đánh giá	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO 1		X	X
CLO 2		X	X
CLO 3		X	X
CLO 4	X		X

Kế hoạch đo lường CLO

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Theo lịch thi của nhà trường	Rubric đánh giá bài tiểu luận	CLO1: Mức độ hiểu về vai trò, quy trình công tác văn thư – lưu trữ. CLO2: Mức độ phân tích các vấn đề pháp lý, chính sách và thực tiễn ngành nghề. CLO3: Mức độ vận dụng quy trình nghiệp vụ để giải quyết tình huống thực tế.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm Rubric đánh giá bài thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo, khả năng phân tích vấn đề nghiệp vụ CLO3: Kỹ năng xử lý tình huống, phối hợp nhóm, thuyết trình và giải quyết vấn đề.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Tuân thủ quy định, ý thức trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp, tính cẩn trọng và bảo mật trong công việc.	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.51. Nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản (Advanced word processing skills), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 04 chương, cung cấp các kỹ năng và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy chuẩn hiện hành của Nhà nước. Sinh viên được thực hành soạn thảo và trình bày văn bản chuyên nghiệp trong môi trường doanh nghiệp; nắm vững cách lập nội dung cho từng loại văn bản cụ thể. Ngoài ra, học phần cập nhật các quy định mới nhất về công tác ban hành văn bản và các mẫu văn bản chuẩn tại các cơ quan, tổ chức hiện nay.

Mục tiêu học phần

- Giúp sinh viên hiểu biết về văn bản, hệ thống văn bản quản lý nhà nước, các yêu cầu về nội dung, thể thức, quy trình, văn phong trong công tác soạn thảo và ban hành văn bản quản lý nhà nước;

- Nắm rõ các quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

- Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hành soạn thảo các loại văn bản hành chính của các cơ quan, doanh nghiệp;

- Rèn luyện kỹ năng soạn thảo văn bản để có thể biên tập một số loại văn bản hành chính thông thường nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, phục vụ mục tiêu phát triển của cơ quan, đơn vị.

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

Mã CLOs	Chuẩn đầu ra học phần	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được hệ thống văn bản quản lý nhà nước, các yêu cầu về nội dung, thể thức, quy trình và văn phong trong công tác soạn thảo, ban hành văn bản hành chính.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 2	Vận dụng được các quy định hiện hành để nhận diện, lựa chọn và xây dựng đúng cấu trúc, thể thức của các loại văn bản hành chính thông dụng trong cơ quan, doanh nghiệp.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 3	Thực hiện thành thạo việc soạn thảo, biên tập và hoàn thiện các loại văn bản hành chính; sử dụng hiệu quả các phần mềm văn phòng và công cụ văn phòng điện tử trong xử lý công việc.	Thể hiện trong bài tiểu luận và bài thực hành
CLO 4	Thể hiện tinh thần trách nhiệm, tính cẩn trọng, ý thức bảo mật thông tin và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong công tác hành chính – văn phòng.	Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần và quá trình học tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X						
CLO 2			X	X				
CLO 3			X		X	X		
CLO 4						X	X	

Phương pháp dạy – học. Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLOs và Phương pháp dạy - học

CLO/PP	Thuyết giảng	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Tự học có hướng dẫn
CLO 1	X	X		X
CLO 2	X	X	X	X
CLO 3		X	X	X
CLO 4			X	X

PP kiểm tra, đánh giá. Dự lớp, thuyết trình, hình thức thi tiểu luận.

Ma trận tương thích CLOs và Phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLO/Hình thức đánh giá	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO 1		X	X
CLO 2		X	X
CLO 3		X	X
CLO 4	X		X

Kế hoạch đo lường CLO:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Theo lịch thi của nhà trường	Rubric đánh giá tiểu luận	CLO1: Mức độ hiểu về hệ thống văn bản, thể thức và quy trình ban hành văn bản. CLO2: Mức độ vận dụng các quy định hiện hành để xây dựng văn bản đúng chuẩn. CLO3: Mức độ thực hiện và hoàn thiện các loại văn bản hành chính, ứng dụng công nghệ văn phòng trong xử lý công việc.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 5 – Tuần 7	Rubric đánh giá thuyết trình, bài tập nhóm	CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức, nội dung báo cáo và xử lý tình huống nghiệp vụ. CLO3. Kỹ năng soạn thảo văn bản, phối hợp nhóm, thuyết trình và giải quyết vấn đề.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ, chủ động trong công việc; ý thức bảo mật thông tin; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp hành chính – văn phòng.	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình, trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi, chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn

8.52. Văn phòng điện tử (Electric office (e-office)), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần gồm 03 chương, cung cấp cho sinh viên cách thức vận dụng các tiện ích của mạng máy tính nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc. Nội dung trọng tâm bao gồm thống nhất và tin học hóa các quy trình hoạt động tác nghiệp; các hình thức tiếp nhận, lưu trữ, trao đổi, tìm kiếm và xử lý thông tin. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong môi trường làm việc hiện đại, hỗ trợ công tác điều hành của lãnh đạo và hoạt động chuyên môn của cán bộ, chuyên viên.

Mục tiêu học phần:

- Hệ thống hóa các kiến thức cơ bản về công tác văn thư và lưu trữ trong môi trường số.
- Cung cấp các khái niệm và giải pháp về văn phòng điện tử, hạ tầng kỹ thuật và quy trình triển khai mô hình E-office.
- Giúp sinh viên nắm vững quy trình số hóa tài liệu, các giải pháp quản lý văn bản, quản lý quy trình công việc, email và tin nhắn nội bộ trong hệ thống Chính phủ điện tử.
- Hình thành năng lực vận dụng các phần mềm văn phòng điện tử hiện nay để tối ưu hóa hiệu suất làm việc và đảm bảo an toàn thông tin.

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

Mã CLOs	Chuẩn đầu ra học phần	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Vận dụng được các nguyên tắc và quy định pháp luật hiện hành về công tác văn thư, lưu trữ để xử lý các nghiệp vụ hành chính cơ bản trong cơ quan, doanh nghiệp	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 2	Phân tích được quy trình hoạt động và hiệu quả ứng dụng của hệ thống văn phòng điện tử trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 3	Phối hợp linh hoạt các kỹ năng nghiệp vụ (soạn thảo, ban hành, lưu trữ văn bản) và công nghệ văn phòng để điều phối, kiểm soát hiệu quả quy trình tác nghiệp trong môi trường thực tế	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 4	Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, cam kết tuân thủ trách nhiệm công việc và đạo đức nghề nghiệp; chủ động tổ chức, điều chỉnh quá trình tự học và phát triển bản thân	- Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận - Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Mã trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
CLO 1		X						
CLO 2			X	X				
CLO 3				X	X	X		
CLO 4						X	X	X

Phương pháp dạy – học. Phát vấn, Thuyết giảng, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLOs và Phương pháp dạy - học

Mã CLO	Thuyết giảng	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Tự học có hướng dẫn
CLO 1	X	X		X
CLO 2	X	X	X	X
CLO 3	X	X	X	X
CLO 4			X	X

PP kiểm tra, đánh giá: Dư lớp, thuyết trình, hình thức thi tiểu luận.

Ma trận tương thích CLOs và Phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLO/Hình thức đánh giá	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO 1		X	X
CLO 2		X	X
CLO 3		X	X
CLO 4	X		X

Kế hoạch đo lường CLO

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Theo lịch thi của nhà trường	Rubric đánh giá bài tiểu luận	CLO1: Hiệu công tác văn thư, lưu trữ và văn phòng điện tử. CLO2: Phân tích, vận dụng quy trình và giải pháp E-office. CLO3: Thực hiện	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						ngành vụ số hóa tài liệu, quản lý văn bản và công cụ văn phòng điện tử.	
Quá trình Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm; Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo, phân tích giải pháp E-office. CLO3: Kỹ năng thực hành nghiệp vụ văn phòng điện tử và xử lý tình huống.	Lấy dữ liệu do CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Trách nhiệm, bảo mật thông tin, hợp tác nhóm và chủ động cập nhật công nghệ mới.	Lấy dữ liệu do CLO4

Điểm đánh giá quá trình trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn

8.53. Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông (Methods of teaching literature & linguistics at high schools), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần gồm 4 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn Ngữ văn và việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Bên cạnh đó, học phần sẽ cung cấp cho sinh viên một số phương pháp dạy học Ngữ văn, các biện pháp dạy đọc văn bản và tạo lập văn bản ở trường phổ thông. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu cho sinh viên thực hiện một số hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong nhà trường phổ thông.

Mục tiêu học phần

- Học phần có những mục tiêu:
- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn Ngữ văn và chương trình Ngữ văn mới.
- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về văn bản, phân loại văn bản và đặc điểm của hoạt động đọc văn bản ở trường phổ thông.
- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông và một số biện pháp dạy đọc văn bản ở trường phổ thông và hướng dẫn sinh viên cách đánh giá năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản cho học sinh.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về môn Ngữ văn, chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành; giải thích được vị trí, vai trò và yêu cầu của việc dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức tiểu luận.
CLO2	Phân tích được những vấn đề cơ bản về phương pháp và biện pháp dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; đánh giá được hiệu quả của một số phương pháp dạy học trong những tình huống cụ thể.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức tiểu luận.
CLO3	Vận dụng được các phương pháp và biện pháp dạy học Ngữ văn để thiết kế kế hoạch bài dạy, tổ chức hoạt động đọc hiểu và tạo lập	Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức tiểu luận.

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	văn bản; đồng thời sử dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp sư phạm, trình bày và giải quyết các tình huống trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.	
CLO4	Thể hiện tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn; tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nhà giáo và tích cực tham gia các hoạt động học tập, làm việc nhóm.	- Thể hiện trong toàn bộ nội dung, hình thức tiểu luận. - Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs \ PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3				X	X	X		
CLO4						X	X	X

Phương pháp dạy – học. Thuyết trình, Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn, Thảo luận nhóm

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy và học

CLOs \ PP	Thuyết trình	Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	Tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn	Thảo luận nhóm
CLO1	X	X		
CLO2	X	X	X	
CLO3		X	X	X
CLO4			X	X

Phương pháp kiểm tra đánh giá Chuyên cần, thuyết trình nhóm, thi tiểu luận

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá:

CLOs \ PP	Đánh giá chuyên cần	Bài thuyết trình nhóm	Thi tiểu luận
CLO1		X	
CLO2		X	

CLOs \ PP	Đánh giá chuyên cần	Bài thuyết trình nhóm	Thi tiểu luận
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Theo lịch thi	Rubric tiểu luận	CLO1 hiểu CT Ngữ văn; CLO2 phân tích PPDH; CLO3 vận dụng thiết kế hoạt động dạy học	Đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Quá trình	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, thực hành thiết kế bài dạy	Đánh giá phương pháp, kế hoạch bài dạy, xử lý tình huống sư phạm	Đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần	Trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức nhà giáo, tự học	Đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	hoạt động học tập.		chưa thường xuyên.	đổi tích cực.	nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biệt nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn

8.54. Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và công tác chủ nhiệm lớp (Class organization on teaching literature and Form Teachers), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần

- Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học chuyên ngành Ngữ văn; Về lí thuyết nghiên cứu, ứng dụng các phương pháp dạy học các phân môn Văn học, Tiếng Việt, Làm văn; Về phương pháp thiết kế bài giảng và tổ chức dạy học bộ môn. Hiểu biết các phương pháp giảng dạy văn, tiếng Việt ở bậc phổ thông; Hiểu biết về các loại thiết bị, máy móc sử dụng trong trường phổ thông; Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học. Có khả năng nắm bắt, nhìn nhận và xử lý tốt các tình huống sư phạm. Có khả năng xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với lứa tuổi học sinh phổ thông. Hiểu biết và ứng dụng linh hoạt các kỹ năng giao tiếp sư phạm như: biết lắng nghe, biết cách giải thích và truyền đạt khéo léo tùy theo đối tượng và học sinh, phụ huynh hay người đồng nghiệp... Người học còn biết cách tổ chức và xử lý linh hoạt các hình thức học tập trong một giờ dạy, đồng thời biết cách lựa chọn và kết hợp các ĐDDH vào giờ dạy - học môn Ngữ văn một cách hiệu quả trong quá trình soạn giảng cũng như tổ chức hoạt động học tập; Khai thác phù hợp các giá trị thông tin cũng như nghệ thuật của từng ĐDDH được chọn, góp phần tạo nên một tiết học trực quan, sinh động, dễ hiểu, nâng cao được cảm thụ, nhận thức cho học sinh.

- Công tác chủ nhiệm lớp

Giúp sinh viên nhận thức đúng, đủ về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của GVCN lớp ở trường trung học. Phân tích được nội dung và yêu cầu của công tác chủ nhiệm lớp ở trường trung học giai đoạn hiện nay; Xác định được các hoạt động cơ bản trong thực hiện nhiệm vụ chủ nhiệm lớp và cách tiến hành. Người học hình thành các kỹ năng: xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp cụ thể, khả thi; Tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm hiệu quả; Xây dựng các mối quan hệ với cá nhân và tập thể bên trong, bên ngoài nhà trường để phối hợp giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm, kiểm tra đánh giá học sinh khoa học, dân chủ, công bằng; Kiên trì, hợp tác, chủ động, thân thiện... trong thực hiện các hoạt động giáo dục học sinh.

Mục tiêu học phần:

- Biết vận dụng linh hoạt các phương pháp trong giờ dạy Ngữ văn ở trường phổ thông.
- Biết chủ nhiệm, quản lý lớp được phân công chủ nhiệm ở trường phổ thông.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả về các vấn đề giảng dạy và chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được đặc điểm, quy trình và nguyên tắc tổ chức dạy học - giáo dục học sinh phổ thông thông qua các hệ thống phương pháp giảng dạy Ngữ văn và yêu cầu cơ bản của công tác chủ nhiệm lớp	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO2	Đánh giá được hiệu quả của các phương pháp, kỹ thuật dạy học Ngữ văn và giải pháp chủ nhiệm lớp trong các tình huống sư phạm cụ thể; từ đó biện giải cho các phương án thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO3	Sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp sư phạm, làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề và xử lý tình huống trong dạy học Ngữ văn cũng như trong công tác chủ nhiệm lớp.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO4	Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, trách nhiệm nghề nghiệp, chủ động tự học và cập nhật kiến thức; vận dụng phù hợp các nguyên tắc đạo đức nhà giáo trong dạy học và công tác chủ nhiệm.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận và đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs \ PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X	X	X			
CLO3				X	X	X		
CLO4						X	X	

Phương pháp dạy – học Thuyết trình, Trao đổi, vấn đáp, Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Động não nhanh, Giao bài đọc về nhà, Tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn, Thảo luận nhóm

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy - học

CLOs \ PP	Thuyết trình	Trao đổi, vấn đáp	Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	Động não nhanh	Giao bài đọc về nhà	Tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn	Thảo luận nhóm
CLO1	X	X	X			X	
CLO2	X	X	X			X	X
CLO3			X	X		X	X
CLO4				X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình nhóm, thi tiểu luận

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá:

CLOs \ PP	Đánh giá chuyên cần	Bài thuyết trình nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X	X	X

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi vấn đáp	CLO1, CLO2: Mức độ hiểu. CLO3: Mức độ vận dụng kiến thức.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Quá trình	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm; Rubric đánh giá	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp, xử lý tình huống và biện luận	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Trách nhiệm nghề nghiệp, chủ động học tập, tinh thần hợp tác.	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình, trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.55. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (Teaching Skills), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho sinh viên những kỹ năng như: Kỹ năng tìm hiểu hoạt động dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; Kỹ năng chuẩn bị hoạt động dạy học; Kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học .. Bên cạnh đó, học phần còn giúp cho sinh viên nắm được những nguyên tắc ứng xử sư phạm, từ đó giúp các em có kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm một cách hiệu quả.

Mục tiêu học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của người giáo viên và nguyên tắc ứng xử sư phạm

- Giúp sinh viên nắm được các kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học đối với một giờ học cụ thể.

- Cung cấp sinh viên những kiến thức, kỹ năng để từ đó các em có thể vận dụng thực hành giảng dạy một đơn vị bài học.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả

Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được vị trí, vai trò của người giáo viên; các nguyên tắc ứng xử sư phạm và quy trình tổ chức hoạt động dạy học trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung bài tiểu luận
CLO2	Thiết kế được kế hoạch bài dạy, đánh giá và xử lý các tình huống sư phạm cơ bản; vận dụng được các kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học trong một đơn vị bài học cụ thể.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung và hình thức tiết dạy thực hành
CLO3	Thực hiện được các kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, giao tiếp sư phạm và xử lý tình huống trong hoạt động giảng dạy Ngữ văn ở mức cơ bản.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung và hình thức tiết dạy thực hành
CLO4	Thể hiện thái độ nghề nghiệp nghiêm túc, trách nhiệm với công việc giảng dạy; tuân thủ chuẩn mực đạo đức nhà giáo và chủ động tự bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp.	Đánh giá qua tiết dạy thực hành và bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2			X	X				
CLO3				X	X			
CLO4							X	X

Phương pháp dạy – học Thuyết trình, Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Giao bài đọc về nhà, Thảo luận nhóm

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy - học

CLOs \ PP	Thuyết trình	Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	Giao bài đọc về nhà	Thảo luận nhóm
CLO1	X	X	X	
CLO2	X	X		X
CLO3		X	X	X
CLO4			X	X

Phương pháp kiểm tra đánh giá. Chuyên cần, thuyết trình nhóm, thi tiểu luận

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá:

CLOs \ PP	Đánh giá chuyên cần	Bài thuyết trình nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X	X	X

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2	40%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Tiểu luận (11.3.a)	CLO1: Hiểu biết về vai trò giáo viên, nguyên tắc ứng xử và quy trình dạy học. CLO2: Năng lực thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động học tập.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Thực hành giảng dạy	CLO2, CLO3	20%	Kỹ năng nghề nghiệp	Tuần 6-9	Rubric đánh giá tiết dạy mô phỏng	CLO2: Thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học. CLO3: Kỹ năng xử lý tình	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình						huống và giao tiếp sự phạm.	
	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm, phân tích tình huống sự phạm; Rubric đánh giá (11.3.b)	CLO2: Nội dung chuyên môn. CLO3: Kỹ năng phối hợp, trình bày và giải quyết vấn đề.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Điểm đánh giá quá trình trong số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.56. Kỹ năng tổ chức sự kiện (Skills for hosting event), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 04 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về tổ chức sự kiện nói chung và tổ chức sự kiện tại Việt Nam, nhằm giúp người học biết và hiểu về quy trình tổ chức một sự kiện hoàn chỉnh. Người học được giới thiệu cơ

bản về những kỹ năng cần thiết cho tổ chức sự kiện. Ngoài ra, học phần giới thiệu về pháp lý và các công tác truyền thông sự kiện.

Mục tiêu học phần

- Trang bị cho người học những kiến thức chung về tổ chức sự kiện.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quy trình nghiệp vụ, các công tác chuẩn bị trước sự kiện.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về xây dựng kế hoạch, dự toán chi phí, pháp lý và truyền thông sự kiện.
- Trang bị kiến thức về các công tác sau khi diễn ra sự kiện.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Áp dụng được các kiến thức tổng quan và quy trình tổ chức sự kiện tiêu chuẩn để thiết lập danh mục công việc và tiến độ chi tiết cho các giai đoạn trước, trong và sau một sự kiện cụ thể	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 2	Phân tích được các vấn đề pháp lý, truyền thông và quản trị rủi ro trong tổ chức sự kiện; vận dụng kiến thức và kỹ năng để dự báo, xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức sự kiện.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 3	Thực hiện đúng quy trình lập kế hoạch tổ chức sự kiện (bao gồm mục tiêu, nội dung, nhân sự, ngân sách, truyền thông); đồng thời trình bày rõ ràng, trôi chảy phương án trước tập thể.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 4	Thể hiện khả năng làm việc nhóm, tư duy sáng tạo, năng lực điều phối hoạt động và tinh thần trách nhiệm trong tổ chức sự kiện; chủ động đề xuất ý tưởng và tham gia hiệu quả vào các nhiệm vụ được giao.	Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần và quá trình học tập

Mã trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3				X	X	X		
CLO4						X	X	

Phương pháp dạy – học: Phát vấn, Thuyết giảng, Hướng dẫn thực hành, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLOs và Phương pháp dạy - học

Mã CLO	Thuyết giảng	Phát vấn	Hướng dẫn thực hành	Tự học có hướng dẫn
CLO 1	X	X		X
CLO 2	X	X	X	X
CLO 3	X	X	X	X
CLO 4			X	X

PP kiểm tra, đánh giá: Dự lớp, thuyết trình, hình thức thi tiểu luận.

Ma trận tương thích CLOs và Phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLO/Hình thức đánh giá	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO 1		X	X
CLO 2		X	X
CLO 3		X	X
CLO 4	X		X

Kế hoạch đo lường CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của nhà trường	Rubric đánh giá tiểu luận	CLO1, CLO2: Mức độ hiểu; CLO3: Mức độ vận dụng kiến thức	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm	CLO2: Nội dung báo cáo; CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chuyên cần, chăm chỉ, năng nổ	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.57. Các thể loại báo chí (Type of journalism), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các thể loại báo chí được thể hiện trong các tác phẩm báo chí thuộc 4 loại hình báo in, phát thanh- truyền hình và báo trực tuyến. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ biết nhận diện các thể loại báo chí cơ bản (thông tấn, ký, chính luận) và biết đánh giá chất lượng một tác phẩm báo chí: đặc điểm về nội dung, hình thức và cách thể hiện của các tác phẩm báo chí ở các loại hình báo chí khác nhau. Phương pháp đánh giá cuối kỳ của học phần là hình thức tiểu luận.

Mục tiêu học phần: Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức căn bản về tác phẩm báo chí, đặc trưng kết cấu, ngôn ngữ và tiêu chí định hình giá trị tin tức của các thể loại báo chí trên các loại hình báo in, báo trực tuyến, phát thanh và truyền hình. Trên cơ sở đó, học phần phát triển khả năng sáng tạo, biên tập các thể loại báo chí ứng dụng trong quan hệ công chúng như bản tin sự kiện, bộ câu hỏi phỏng vấn, bài phản ánh, phóng sự doanh nghiệp; rèn luyện kỹ năng phát hiện đề tài, khai thác thông tin đa chiều và vận dụng công cụ đa phương tiện để thiết kế sản phẩm nội dung số. Học phần đồng thời hình thành sự chủ động, nhạy bén với thời sự, tư duy đổi mới sáng tạo, ý thức tuân thủ Luật Báo chí Việt Nam, chuẩn mực đạo đức thông tin, tôn trọng bản quyền và trách nhiệm xã hội trong hoạt động báo chí – truyền thông.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được những vấn đề lý luận cơ bản về tác phẩm báo chí, đặc trưng và tiêu chí nhận diện các thể loại báo chí trên các loại hình truyền thông.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 2	Phân tích được đặc điểm kết cấu, ngôn ngữ, giá trị thông tin và khả năng ứng dụng của các thể loại báo chí trong hoạt động truyền thông và quan hệ công chúng.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 3	Xây dựng và biên tập được sản phẩm báo chí phù hợp với từng thể loại; vận dụng kỹ năng phát hiện đề tài, khai thác và xử lý thông tin trong môi trường truyền thông đa phương tiện.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO 4	Đề xuất được giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông thông qua việc lựa chọn và sử dụng phù hợp các thể loại báo chí; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của người làm truyền thông.	- Đánh giá qua điểm chuyên cần - Đánh giá qua bài tiểu luận

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3				X	X			
CLO4							X	

PP dạy – học. Thuyết giảng, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình
– *Phản biện nhóm*

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy và học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

PP kiểm tra đánh giá: Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs / PP	Đánh giá chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1 CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận	Đánh giá khả năng phân tích thể loại báo chí, vận dụng kiến thức lý luận và xây dựng sản phẩm nội dung báo chí ứng dụng trong PR..	Lấy dữ liệu đo từ CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1–5	Bài tập tình huống; thảo luận; thuyết trình – phản biện nhóm	Đánh giá kỹ năng khai thác thông tin, viết và biên tập các thể loại báo chí; kỹ năng trình bày, phản biện và làm việc nhóm.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2, CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1–6)	Bảng kiểm soát chuyên cần;	Đánh giá tình thần chủ động, ý thức trách nhiệm, tác phong học tập và tuân	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						thủ đạo đức nghề nghiệp, truyền thông.	

- Điểm chuyên cần, trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.58. PR nội bộ và PR cộng đồng (PR in-house and PR mass), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần này giúp sinh viên hiểu khái niệm và nội dung của PR nội bộ và PR cộng đồng. Mục tiêu, tổ chức, kỹ năng quản lý các hoạt động này trong thực tiễn. Nhận thức về vai trò của PR nội bộ và PR cộng đồng đối với doanh nghiệp, cách thức vận hành và phát triển hoạt động PR nội bộ và cộng đồng, công cụ để cho hoạt động PR của doanh nghiệp hiệu quả. Phương pháp đánh giá cuối kỳ của học phần là hình thức tiểu luận.

Mục tiêu học phần.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, mục tiêu, công cụ và phương thức tổ chức hoạt động PR nội bộ và PR cộng đồng trong doanh nghiệp/tổ chức; đồng thời giúp người học hiểu vai trò của văn hóa doanh nghiệp, quan hệ với giới truyền thông, trách nhiệm xã hội và quản trị truyền thông nội bộ – cộng đồng. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện khả năng xác định đối tượng truyền thông, lựa chọn công cụ phù hợp, xây dựng và tổ chức các hoạt động PR nội bộ, PR cộng đồng, thiết kế kế hoạch

truyền thông và sự kiện trong bối cảnh thực tiễn; đồng thời hình thành tinh thần trách nhiệm, tư duy hợp tác và ý thức nghề nghiệp trong xây dựng văn hóa tổ chức, phát triển quan hệ cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Trương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được các khái niệm, mục tiêu, công cụ, quy trình và các hình thức tổ chức hoạt động PR nội bộ và PR cộng đồng trong doanh nghiệp, tổ chức.	Thể hiện trong bài tiểu luận
CLO2	Phân tích được vai trò của văn hóa tổ chức, truyền thông nội bộ, quan hệ cộng đồng, trách nhiệm xã hội và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động PR nội bộ và PR cộng đồng.	- Thể hiện trong bài tiểu luận - Thể hiện trong bài thuyết trình
CLO3	Vận dụng được các công cụ truyền thông, kỹ năng tổ chức sự kiện và hoạt động PR nội bộ, PR cộng đồng để xây dựng các kế hoạch truyền thông phù hợp với bối cảnh thực tiễn.	Thể hiện trong bài thuyết trình
CLO4	Phân tích và đề xuất được các giải pháp tăng cường hiệu quả truyền thông nội bộ, phát triển quan hệ cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội trong tổ chức.	Dánh giá qua bảng theo dõi chuyên cần

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLO / PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X				
CLO3					X	X		
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học. Thuyết giảng, Hướng dẫn, Giao nhiệm vụ, Nghe giảng, Thảo luận, Làm bài tập

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy và học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Hướng dẫn	X	X	X	X
Giao nhiệm vụ		X	X	X
Nghe giảng	X	X		
Thảo luận		X	X	X

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Làm bài tập		X	X	X

PP kiểm tra đánh giá. Tiểu luận, chuyên cần, kiểm tra.

Ma trận tương thích giữa CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLO / PP kiểm tra đánh giá	Tiểu luận	Chuyên cần	Thuyết trình
CLO1	X		
CLO2	X		X
CLO3			X
CLO4		X	

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1 ; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 12–15	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận	Trình bày và phân tích các khái niệm, vai trò, công cụ, quy trình PR nội bộ và PR cộng đồng; phân tích văn hóa doanh nghiệp, quan hệ cộng đồng, CSR hoặc hiệu quả truyền thông trong bối cảnh thực tiễn.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình (Thuyết trình – bài tập nhóm)	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 4–11	Bài tập nhóm; thuyết trình – phân biên; Rubric đánh giá thuyết trình	Phân tích tình huống PR nội bộ/PR cộng đồng; vận dụng công cụ truyền thông để xây dựng kế hoạch PR nội bộ, PR cộng đồng, CSR hoặc sự kiện truyền thông.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình (Chuyên cần, tham gia học tập)	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát lớp học; mức độ tham gia thảo luận	Đánh giá tinh thần hợp tác, ý thức cộng đồng, trách nhiệm nghề nghiệp, sự chủ động trong học tập và hoàn thành nhiệm vụ.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.59. Biên kịch phim ngắn (Short film script), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về điện ảnh; cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thể loại phim ngắn; cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về kịch bản phim ngắn, về nhân vật, cấu trúc, tóm tắt kịch bản, đề cương

chi tiết, viết cảnh phim, thoại phim. Ngoài ra, học phần còn trang bị kiến thức về cách trình bày kịch bản phim ngắn trước hội đồng thẩm định.

Mục tiêu học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về biên kịch phim ngắn, ngôn ngữ điện ảnh, đặc điểm phim ngắn và vai trò của kịch bản trong sản xuất phim. Qua đó, sinh viên xây dựng được ý tưởng, nhân vật, tình huống truyện, cấu trúc ba hồi, tóm tắt nội dung, đề cương chi tiết, cảnh phim, thoại phim; hoàn thiện và thuyết trình kịch bản phim ngắn theo chuẩn trình bày chuyên nghiệp. Học phần đồng thời hình thành tinh thần sáng tạo độc lập, chủ động, nghiêm túc; ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, bản quyền ý tưởng, trách nhiệm của người làm nội dung và thái độ chuyên nghiệp trong môi trường sản xuất phim.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được đặc trưng của phim ngắn, ngôn ngữ điện ảnh và các yếu tố cấu thành kịch bản phim ngắn như ý tưởng, nhân vật, xung đột, chủ đề và cấu trúc tự sự.	Phần 1: Cơ sở lý luận về phim ngắn và biên kịch (Tiểu luận)
CLO2	Thiết kế và xây dựng được tóm tắt kịch bản, đề cương chi tiết, hệ thống nhân vật và các cảnh phim phù hợp với mục tiêu truyền thông và đặc trưng kể chuyện bằng hình ảnh.	Phần 2: Sản phẩm kịch bản phim ngắn (Tiểu luận/Sản phẩm cuối kỳ)
CLO3	Vận dụng được kỹ năng trình bày, phân biện, hoàn thiện và bảo vệ ý tưởng kịch bản phim ngắn; sử dụng các công cụ hỗ trợ sáng tạo nội dung trong quá trình xây dựng kịch bản.	Báo cáo đề cương kịch bản / Thuyết trình bảo vệ ý tưởng
CLO4	Thể hiện tinh thần sáng tạo độc lập, trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức tôn trọng bản quyền và đạo đức của người làm nội dung trong quá trình xây dựng và phát triển kịch bản phim ngắn.	Đánh giá chuyên cần, quá trình thực hiện và hồ sơ học tập

Mã trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs/ PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X				
CLO3					X	X		
CLO4							X	

PP giảng dạy: Thuyết giảng, Phá vấn, Thảo luận, Thuyết trình – phản biện nhóm, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy và học:

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng/ dạy trực tiếp	X			
Phát vấn/câu hỏi gợi mở	X	X		
Thảo luận	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm	X	X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

PP kiểm tra đánh giá Chuyên cần, Thuyết trình – phản biện nhóm, Tiểu luận/bài tập thực hành

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá

CLOs/Phương pháp	Chuyên cần	Thuyết trình – phản biện nhóm	Tiểu luận/bài thực hành
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Bảo cáo tiểu luận)	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận/Sản phẩm	Nội dung tiểu luận gồm các đề mục chính: 1. Giới thiệu vấn đề, chủ đề hoặc ý tưởng phim ngắn được lựa chọn. 2. Trình bày cơ sở lý thuyết hoặc khái niệm liên quan đến điện ảnh, đặc trưng phim ngắn và kịch bản phim ngắn. 3. Phân tích các yếu tố cấu thành kịch bản phim ngắn, gồm ý tưởng, nhân	CLO1 CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						vật, cấu trúc, xung đột và chủ đề. 4. Thiết kế và phát triển logline, synopsis, đề cương chi tiết và hệ thống nhân vật. 5. Làm rõ mục tiêu truyền tải thông điệp và đặc trưng kể chuyện bằng hình ảnh qua moodboard, bối cảnh, âm nhạc, hình ảnh mẫu hoặc chất liệu tham khảo. 6. Kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục nếu có.	
Quá trình Giữa kỳ	CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 2-5	Thuyết trình, thảo luận- phản biện nhóm	Nội dung thuyết trình gồm các phần chính chủ đề đã nêu ở trên: 1. Trình bày chủ đề hoặc ý tưởng kịch bản phim ngắn được lựa chọn. 2. Giới thiệu logline, synopsis, đề cương chi tiết và hệ thống nhân vật. 3. Phân tích sự phù hợp giữa cốt truyện, nhân vật, chủ đề, xung đột và mục tiêu truyền tải thông điệp. 4. Kỹ năng trình bày sơ đồ nhân vật, bối cảnh, âm nhạc, hình ảnh mẫu, chất lượng slide	CLO3

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						5. Sự phối hợp của thành viên nhóm, phản biện hiệu quả	
Quá trình liên tục	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ Tuần 1-6	Bảng kiểm chuyên cần (11.3.a)	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học. 2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập. 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hoạt động trên lớp. 4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác. 5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân thủ quy định học tập.	CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.60. Thực tập tốt nghiệp Văn học (Internship for Graduation), 5 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên ngành Văn học vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng vào môi trường doanh nghiệp như các đơn vị giáo dục trung học phổ thông, trung học cơ sở từ công lập đến tư nhân; cơ quan truyền thông, báo chí; các văn phòng, cơ quan hành chính sự nghiệp... tạo điều kiện để người rèn luyện thực tế. Học phần yêu cầu người học ứng dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp của người học tại các đơn vị lao động theo định hướng vị trí việc làm là giảng dạy ngữ văn phổ thông/chuyên viên truyền thông/nhân viên văn phòng; Thực hành thái độ, tác phong, trách nhiệm của người học trong môi trường làm việc thực tiễn; Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử, xử lý các tình huống nghiệp vụ nâng cao.

Mục tiêu học phần:

Học phần có những mục tiêu:

- Vận dụng tổng hợp và linh hoạt hệ thống kiến thức chuyên ngành Văn học vào môi trường làm việc thực tế tại các cơ sở giáo dục, cơ quan truyền thông - báo chí hoặc các tổ chức hành chính sự nghiệp;

- Thực hành và đáp ứng hiệu quả các yêu cầu nghiệp vụ chuyên môn tương ứng với định hướng vị trí việc làm (bao gồm: nghiệp vụ giảng dạy Ngữ văn, kỹ năng sáng tạo/biên tập nội dung truyền thông, hoặc các thao tác soạn thảo, quản trị văn phòng);

- Phát triển năng lực giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và linh hoạt đưa ra các giải pháp xử lý những tình huống nghiệp vụ nâng cao phát sinh tại môi trường làm việc;

- Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật lao động, văn hóa doanh nghiệp và các tiêu chuẩn về đạo đức, liêm chính nghề nghiệp tại cơ sở thực tập;

- Tự đánh giá và đối chiếu năng lực thực tiễn của bản thân với nhu cầu của thị trường lao động, từ đó chủ động xây dựng lộ trình rèn luyện để sẵn sàng hội nhập ngay sau khi tốt nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Đánh giá được các vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong quá trình thực tập tại cơ sở giáo dục, cơ quan truyền thông – báo chí hoặc đơn vị hành chính sự nghiệp theo định hướng nghề nghiệp đã lựa chọn.	Báo cáo kết quả thực tập
CLO 2	Lập kế hoạch khảo sát và triển khai các nhiệm vụ chuyên môn tại cơ sở thực tập; vận dụng được các	Báo cáo kết quả thực tập

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Trương ứng với đề thi
	quy trình nghiệp vụ phù hợp để hoàn thành công việc được giao.	
CLO 3	Hình thành được kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc nhóm và phối hợp công việc hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp thực tế	Báo cáo kết quả thực tập
CLO 4	Đề xuất và thực hiện được các giải pháp xử lý tình huống nghiệp vụ phát sinh trong quá trình thực tập, bảo đảm tính hiệu quả, hợp lý và phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp.	Báo cáo kết quả thực tập
CLO5	Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp và tự đánh giá được năng lực bản thân để xây dựng định hướng phát triển nghề nghiệp sau tốt nghiệp	Báo cáo kết quả thực tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X	X					
CLO2			X	X				
CLO3				X	X			
CLO4					X	X		
CLO5						X	X	X

Phương pháp dạy – học: Tập huấn trước thực tập, Hướng dẫn tại doanh nghiệp và quan sát thực tế, Thực tập theo nhiệm vụ được phân công, Đánh giá của doanh nghiệp, Viết báo cáo, nhật ký thực tập, Đánh giá báo cáo và nhật ký thực tập.

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp dạy học

CLOs / Phương pháp	Tập huấn trước thực tập	Hướng dẫn tại doanh nghiệp và quan sát thực tế	Thực tập theo nhiệm vụ được phân công	Đánh giá của doanh nghiệp	Viết báo cáo, nhật ký thực tập	Đánh giá báo cáo và nhật ký thực tập
CLO1			X		X	X
CLO2	X	X	X		X	X
CLO3		X	X	X		
CLO4			X	X	X	X
CLO5	X		X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: báo cáo thực tập, đánh giá từ cơ sở thực tập

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs / PPKTDG	Đánh giá của cơ sở thực tập	Báo cáo thực tập
CLO1	X	X
CLO2		X
CLO3	X	X
CLO4	X	X
CLO5	X	X

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền/ Domain	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Cơ sở thực tập	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5	60%	Đánh giá cả quá trình	Trong suốt thời gian thực tập	Phiếu đánh giá của đơn vị thực tập (Rubric 4 mức)	Đánh giá năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, tác phong và thái độ nghề nghiệp	Điểm trung bình rubric theo tiêu chí
Báo cáo thực tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	40%	Đánh giá sản phẩm	Cuối học phần	Rubric chấm báo cáo thực tập	Đánh giá mức độ vận dụng kiến thức, năng lực phân tích, phân tư nghề nghiệp và đề xuất giải pháp	Điểm tổng rubric báo cáo

8.61. Khóa luận tốt nghiệp Văn học (Thesis/Graduation thesis), 12 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần Khóa luận tốt nghiệp là học phần tích hợp cuối khóa, giúp người học vận dụng tổng hợp kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên sâu về văn học, ngôn ngữ, lý luận văn học và phương pháp nghiên cứu để thực hiện một công trình nghiên cứu hoặc sản phẩm học thuật trong lĩnh vực Văn học. Trong quá trình thực hiện, người học lựa chọn đề tài, xây dựng đề cương, tổng quan tài liệu, xác lập cơ sở lý thuyết và phương

pháp nghiên cứu, thu thập – xử lý tư liệu, viết báo cáo khóa luận và bảo vệ kết quả trước hội đồng. Học phần góp phần rèn luyện năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện, năng lực tạo lập văn bản học thuật, kỹ năng trình bày – phản biện, ý thức trách nhiệm, đạo đức nghiên cứu và liêm chính học thuật.

Mục tiêu học phần

Học phần Khóa luận tốt nghiệp nhằm giúp người học vận dụng tổng hợp kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên sâu về văn học, ngôn ngữ, lý luận văn học và phương pháp nghiên cứu để thực hiện một công trình nghiên cứu hoặc sản phẩm học thuật trong lĩnh vực Văn học.

Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng xác định vấn đề nghiên cứu phù hợp; xây dựng đề cương khóa luận; lựa chọn cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và nguồn tư liệu phù hợp; thu thập, xử lý, phân tích tư liệu; tạo lập văn bản khóa luận có cấu trúc logic, lập luận khoa học và tuân thủ quy định học thuật. Học phần đồng thời giúp người học rèn luyện năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện, kỹ năng trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu trước hội đồng; hình thành ý thức trách nhiệm, tính tự chủ, đạo đức nghiên cứu và liêm chính học thuật trong quá trình thực hiện khóa luận.

Chuẩn đầu ra của học phần:

STT	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Hệ thống hóa và vận dụng được các tri thức nền tảng và chuyên sâu về văn học, ngôn ngữ, lý luận văn học để xác định vấn đề nghiên cứu và xây dựng cơ sở lý luận cho khóa luận.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung và hình thức khóa luận
CLO2	Xây dựng được cơ sở lý thuyết, phương pháp luận và thiết kế nghiên cứu phù hợp để giải quyết một vấn đề nghiên cứu văn học cụ thể.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung và hình thức khóa luận
CLO3	Đánh giá được độ tin cậy, giá trị học thuật của hệ thống tài liệu, dữ liệu văn bản và các quan điểm nghiên cứu nhằm hình thành lập luận khoa học cho khóa luận.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung và hình thức khóa luận
CLO4	Bảo vệ và phản biện được kết quả nghiên cứu một cách thuyết phục; sử dụng hiệu quả công cụ số trong tra cứu, xử lý tư liệu và trình bày kết quả nghiên cứu.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung và hình thức khóa luận; bảo vệ trước Hội đồng

STT	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO5	Lập kế hoạch nghiên cứu độc lập, quản lý tiến độ thực hiện đề tài; thể hiện tư duy phản biện, tinh thần đổi mới sáng tạo và tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc liên chính học thuật trong toàn bộ quá trình nghiên cứu.	Thể hiện trong toàn bộ nội dung và hình thức khóa luận; đánh giá quá trình thực hiện

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs \ PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3				X				
CLO4				X	X			
CLO5					X	X	X	X

- PP giảng dạy - học: Hướng dẫn cá nhân, Seminar học thuật, Phản biện đề cương, Phản hồi bản thảo, Tự học/tự nghiên cứu có giám sát

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy và học

CLOs \ Phương pháp	Hướng dẫn cá nhân	Seminar học thuật	Phản biện đề cương	Phản hồi bản thảo	Tự học/tự nghiên cứu có giám sát
CLO1	X	X		X	X
CLO2	X	X	X	X	X
CLO3		X	X	X	X
CLO4			X	X	X
CLO5	X			X	X

- PP kiểm tra, đánh giá: Kết quả KLTN, Biên bản nghiệm thu đề tài, Báo cáo quá trình

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá:

CLOs \ Phương pháp	Kết quả KLTN	Biên bản nghiệm thu đề tài	Báo cáo quá trình
CLO1	X	X	
CLO2	X	X	

CLOs \ Phương pháp	Kết quả KLTN	Biên bản nghiệm thu đề tài	Báo cáo quá trình
CLO3	X	X	
CLO4	X	X	
CLO5	X	X	X

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Đánh giá tổng kết (Bảo vệ Khóa luận trước Hội đồng)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	90%	Kiến thức, Kỹ năng và Trách nhiệm	Tuần cuối cùng (Kỳ bảo vệ)	Quyển Khóa luận; Rubric đánh giá của Hội đồng Khóa luận	CLO1, CLO2, CLO3: Chất lượng nghiên cứu, phân tích, lập luận học thuật; CLO4: Kỹ năng trình bày, phản biện và bảo vệ kết quả nghiên cứu; CLO5: Tính sáng tạo và tuân thủ liêm chính học thuật	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Đánh giá quá trình (Tiến độ thực hiện)	CLO5	10%	Thái độ và tự chủ	Suốt quá trình thực hiện khóa luận (Tuần 1-15)	Rubric đánh giá tiến độ và tự chủ của GVHD	CLO5: Tính chủ động, làm việc độc lập, tinh thần trách nhiệm, tuân thủ tiến độ nghiên cứu	Lấy dữ liệu đo CLO5

8.62. Tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam (Process of Vietnamese Literature Modernization), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần gồm 05 chương, cung cấp những kiến thức có tính lý luận và thực tiễn về tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam. Cụ thể, học phần cung cấp khái niệm và những tiền đề lịch sử - xã hội, văn hóa, tư tưởng tác động đến tiến trình hiện đại hóa văn học dân tộc. Bên cạnh đó, học phần còn đề cập đến những bước đường hiện đại hóa văn học Việt Nam từ những thập niên cuối thế kỉ XIX đến năm 1945. Và trên cơ sở những vấn đề chung, học phần sẽ tập trung làm sáng tỏ tiến trình hiện đại hóa các thể loại văn học tiêu biểu. Ở mỗi thể loại, học phần sẽ soi chiếu từ góc nhìn lịch đại nhằm cho thấy sự vận động theo hướng hiện đại của nó.

Mục tiêu học phần:

- Trình bày những tiền đề lịch sử - xã hội, văn hóa, tư tưởng tác động đến tiến trình hiện đại hóa văn học dân tộc;
- Trình bày những bước đường hiện đại hóa văn học Việt Nam từ những thập niên cuối thế kỉ XIX đến năm 1945;
- Làm sáng tỏ tiến trình hiện đại hóa học một số thể loại văn học Việt Nam như thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được khái niệm, các tiền đề lịch sử – xã hội, văn hóa và tư tưởng tác động đến tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1945.	Câu 01 và 02 trong bộ đề thi gồm 03 câu
CLO 2	Đánh giá được tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1945 và sự vận động theo hướng hiện đại của các thể loại văn học tiêu biểu trên bình diện lịch đại.	Câu 03 trong bộ đề thi gồm 03 câu
CLO 3	Phối hợp linh hoạt kiến thức về tiến trình hiện đại hóa văn học để phân tích, đánh giá tác phẩm văn học và phục vụ hoạt động học tập, giảng dạy hoặc nghiên cứu văn học	Câu 01 và 02 trong bộ đề thi gồm 03 câu
CLO 4	Thể hiện tinh thần tự học, chủ động cập nhật tri thức và ý thức trách nhiệm trong việc nghiên cứu, tiếp cận các vấn đề của tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam.	Bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3				X				
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học Thuyết giảng, phát vấn, giải quyết vấn đề, tự học có hướng dẫn, thuyết trình/phản biện

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp dạy - học

CLOs / Phương pháp	Thuyết giảng	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Tự học có hướng dẫn	Thuyết trình – phản biện
CLO1	X	X		X	
CLO2	X	X	X	X	X
CLO3	X	X	X	X	X
CLO4			X	X	X

PP kiểm tra, đánh giá: đánh giá qua bảng chuyên cần, điểm thuyết trình, thi tự luận

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs / PPKTDG	Chuyên cần	Thuyết trình	Tự luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		
CLO5			X

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Bài thi tự luận (Ngân hàng đề thi)	CLO1: Mức độ hiểu và phân tích các tiền đề hiện đại hóa văn học; CLO2: Mức độ đánh giá tiến trình và sự vận động thể	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						loại, CLO3: Mức độ phối hợp linh hoạt kiến thức vào phân tích hiện tượng văn học	
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm; Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2: Chất lượng nội dung báo cáo; CLO3: Kỹ năng phân tích, lập luận, phối hợp và phản biện	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Tinh thần tự học, trách nhiệm học tập, sự chủ động và tham gia các hoạt động học thuật	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			thường xuyên.		vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.63. Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam (Humanism in Vietnamese Literature), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần gồm 04 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa nhân văn trong văn học dân gian và văn học viết Việt Nam; làm rõ tính chất truyền thống của chủ nghĩa nhân văn trong văn học dân tộc. Nội dung học phần tập trung làm rõ các tiền đề lịch sử, văn hoá của chủ nghĩa nhân văn; các biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa nhân văn qua các giai đoạn phát triển của văn học dân tộc. Trên cơ sở đó, học phần giúp sinh viên hình thành năng lực phân tích, đánh giá tác phẩm văn học từ góc nhìn nhân văn, cũng như vận dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu các vấn đề văn học cụ thể.

Mục tiêu học phần.

Học phần có những mục tiêu:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về tiền đề lịch sử, văn hóa cho sự hình thành chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam;
- Giúp cho sinh viên nhận diện và phân tích những biểu hiện của chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam từ VHDG đến văn học viết;
- Phát triển khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu một vấn đề cụ thể;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được các tiền đề lịch sử, văn hóa và làm rõ các biểu hiện đặc trưng của chủ nghĩa nhân văn trong tiến trình văn học dân tộc.	Câu 01 và 02 trong bộ đề thi gồm 03 câu
CLO 2	Đánh giá được giá trị, vai trò và ảnh hưởng của chủ nghĩa nhân văn trong các tác phẩm văn học Việt Nam	Câu 03 trong bộ đề thi gồm 03 câu

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	tiêu biểu qua các giai đoạn phát triển của văn học dân tộc.	
CLO 3	Vận dụng được kiến thức về chủ nghĩa nhân văn để thảo luận, trình bày và giải quyết các vấn đề học thuật liên quan đến văn học Việt Nam; thể hiện kỹ năng giao tiếp, lập luận và phản biện trong môi trường học thuật	Câu 01 và 02 trong bộ đề thi gồm 03 câu
CLO 4	Duy trì ý thức nghiên cứu độc lập đối với các hiện tượng văn học dưới góc nhìn nhân văn; thể hiện trách nhiệm trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và nhân văn của dân tộc	Bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

CLOs \ PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3				X				
CLO4							X	X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Vấn đáp, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình

Ma trận tương thích giữa CDR và Phương pháp dạy – học

CLOs / PP	Thuyết giảng	Vấn đáp	Tự học có hướng dẫn	Thuyết trình – phản biện nhóm
CLO1	X	X	X	
CLO2		X	X	X
CLO3		X		X
CLO4			X	

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, Thuyết trình, thi tự luận

Ma trận tương thích giữa CDR và phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs \ KTDG	Chuyên cần	Thuyết trình	Thi tự luận
CLO1		X	X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 9	Thi tự luận (12.3.a)	CLO1: Mức độ hiểu, phân tích tiền đề và biểu hiện của chủ nghĩa nhân văn. CLO2: Mức độ đánh giá giá trị và ảnh hưởng của chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình Chuyên cần	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 – 8	Thuyết trình, phản biện, kiểm tra giữa kỳ (12.3.b)	CLO2: Chất lượng nội dung học thuật. CLO3: Kỹ năng lập luận, giao tiếp, phản biện và phối hợp nhóm.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Tinh thần tự học, ý thức nghiên cứu, trách nhiệm trong học tập và bảo tồn các giá trị văn hóa nhân văn dân tộc.	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học	Vắng quá 30% số buổi; không	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi;	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
tập (CLO4)	tham gia hoạt động học tập.	bài rất hạn chế.	chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.64. Một số tác gia văn học Việt Nam hiện đại (Outstanding Vietnamese Authours), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần gồm có 06 chương, giới thiệu chi tiết một số tác gia Việt Nam hiện đại như: Nam Cao, Xuân Diệu, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Minh Châu, Hoài Thanh, Lưu Quang Vũ,... Thông qua học phần, sinh viên tóm tắt được những kiến thức cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp, phong cách của các nhà văn tiêu biểu, đồng thời đánh giá đúng những đóng góp của các nhà văn này cho văn học và xã hội... Sinh viên biết áp dụng phương pháp nghiên cứu một tác gia văn học phù hợp; Biết vận dụng những kiến thức đã học về lí luận văn học, phương pháp nghiên cứu, để phê bình các tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại.

Mục tiêu học phần

- Nắm được những kiến thức cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp, phong cách về một số tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại ở các thể loại thơ, kịch, văn xuôi, tiểu luận phê bình. Đánh giá đúng những đóng góp của các nhà văn này cho văn học và xã hội...;

- Giúp sinh viên nắm vững phương pháp nghiên cứu một tác gia văn học; vận dụng những kiến thức đã học về lí luận văn học, phương pháp nghiên cứu, để phê bình các tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại;

- Biết vận dụng kiến thức đã học để có thể giảng dạy học phần tác gia văn học ở trường phổ thông.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được cuộc đời, sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật và đặc điểm tư tưởng của một số tác gia tiêu biểu trong văn học Việt Nam	Tất cả các câu trong bộ đề vấn đáp

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	hiện đại như Nam Cao, Xuân Diệu, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Minh Châu, Hoài Thanh, Lưu Quang Vũ...	
CLO 2	Đánh giá được những đóng góp của các tác gia văn học Việt Nam hiện đại đối với tiến trình văn học dân tộc, đời sống xã hội và sự phát triển của các thể loại văn học.	Tất cả các câu trong bộ đề vấn đáp
CLO 3	Phối hợp linh hoạt kiến thức lý luận văn học, phương pháp nghiên cứu tác gia và phương pháp phê bình để triển khai phân tích, nhận xét và đánh giá các hiện tượng văn học gắn với tác gia văn học Việt Nam hiện đại.	Tất cả các câu trong bộ đề vấn đáp
CLO 4	Thể hiện tinh thần chủ động, trách nhiệm, thái độ học thuật nghiêm túc trong nghiên cứu, thảo luận và đánh giá các hiện tượng văn học thuộc văn học Việt Nam hiện đại.	Bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3				X	X			
CLO4							X	

Phương pháp dạy-học: Nghe giảng, đọc sách, soạn bài, viết bài tự luận, làm việc nhóm, tự nghiên cứu, thuyết trình

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp dạy học

CLOs / Phương pháp	Thuyết giảng	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Tự học có hướng dẫn	Thuyết trình – phản biện
CLO1	X	X		X	
CLO2	X	X	X	X	X
CLO3	X	X	X	X	X
CLO4			X	X	X

PP kiểm tra, đánh giá: chuyên cần, thuyết trình. Hình thức thi: Vấn đáp

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs / PPKTĐG	Chuyên cần	Thuyết trình	Vấn đáp
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Bài thi vấn đáp (Ngân hàng câu hỏi)	CLO1: Mức độ hiểu và phân tích tác gia. CLO2: Mức độ đánh giá đóng góp và giá trị văn học. CLO3: Mức độ phối hợp kiến thức lý luận và phương pháp nghiên cứu để phân tích, phê bình tác gia.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm; Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2: Nội dung học thuật và chiều sâu nghiên cứu. CLO3: Kỹ năng phân tích, lập luận, phản biện và phối hợp nhóm.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Tinh thần học tập, trách nhiệm học thuật, chủ động nghiên cứu và tham gia thảo luận.	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.65. Phê bình văn học (Literary Criticism), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 03 chương, được thiết kế chuyên sâu nhằm đảm nhiệm vai trò của một học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp ngành Văn học. Môn học cung cấp hệ thống tri thức nền tảng và các khung lý luận liên quan đến phê bình văn học, đồng thời phác thảo một cách hệ thống tiến trình lịch sử phê bình văn học Việt Nam. Trọng tâm của học phần hướng vào việc đánh giá các cuộc tranh luận văn học của các nhà phê bình tiêu biểu. Thông qua môn học, sinh viên được rèn luyện năng lực lập luận sắc bén, làm chủ các thao tác phân tích văn bản theo đặc trưng thể loại để ứng dụng vào nghiên cứu chuyên sâu.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp những kiến thức nền tảng, có tính lý luận liên quan đến phê bình văn học như: khái niệm, đối tượng và phân loại phê bình văn học;
- Trình bày khái lược về lịch sử phê bình văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay;
- Cung cấp những kiến thức cơ bản về một số phương pháp phê bình văn học như: phê bình ấn tượng, phê bình tiểu sử học, phê bình xã hội học mác xít, phê bình thi pháp học và phê bình phân tâm học;
- Cung cấp những kiến thức khái quát về một số cuộc tranh luận văn học và tác giả phê bình tiêu biểu như: Cuộc tranh luận về Thơ mới và thơ cũ, nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh; các nhà phê bình Phạm Quỳnh, Hoài Thanh, Đặng Thai Mai, Vũ Ngọc Phan, Vương Trí Nhàn, Trần Đình Sử, Đỗ Lai Thúy...;

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 1	Phân tích được những khái niệm, đối tượng, chức năng và các phương pháp cơ bản của phê bình văn học; nhận diện được vai trò của phê bình văn học trong đời sống văn học.	Câu 01 và 02 trong bộ đề thi gồm 03 câu
CLO 2	Đánh giá được tiến trình lịch sử phê bình văn học Việt Nam, các cuộc tranh luận văn học tiêu biểu và những đóng góp của các nhà phê bình quan trọng trong đời sống văn học Việt Nam hiện đại.	Câu 03 trong bộ đề thi gồm 03 câu
CLO 3	Phối hợp các thao tác và phương pháp phê bình văn học để đọc hiểu, phân tích, nhận xét và xây dựng bài viết phê bình đối với một hiện tượng hoặc tác phẩm văn học cụ thể.	Câu 03 trong bộ đề thi gồm 03 câu
CLO 4	Thể hiện tinh thần học thuật nghiêm túc, chủ động nghiên cứu, tôn trọng các quan điểm học thuật khác biệt và có trách nhiệm trong hoạt động đánh giá, phê bình văn học.	Bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3			X	X				X
CLO4							X	X

Phương pháp dạy-học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện

Ma trận tương thích giữa CLOs và phương pháp dạy học

CLOs / Phương pháp	Thuyết giảng	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Tự học có hướng dẫn	Thuyết trình – phản biện
CLO1	X	X		X	
CLO2	X	X	X	X	X
CLO3	X	X	X	X	X
CLO4			X	X	X

PP kiểm tra, đánh giá: qua các bài tập thực hành của SV (KT trắc nghiệm, thuyết trình, vấn đáp, viết/ BT cá nhân + BT nhóm).

Mã trận tương thích giữa CLOs và phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs / PPKTĐG	Chuyên cần	Thuyết trình	Tự luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		
CLO5			X

Kế hoạch đo CLOs:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Bài thi tự luận / Bài viết phê bình học thuật (11.3.a)	CLO1: Mức độ hiểu các khái niệm, đối tượng và phương pháp phê bình. CLO2: Mức độ đánh giá tiến trình và các cuộc tranh luận phê bình. CLO3: Mức độ vận dụng phương pháp phê bình vào phân tích hiện tượng văn học cụ thể.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm, bài viết phê bình; Rubric đánh giá (11.3.b)	CLO2: Chất lượng nội dung học thuật. CLO3: Năng lực lập luận, phản biện, viết học thuật và trình bày quan điểm phê bình.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Ý thức nghiên cứu, tinh thần học thuật, trách nhiệm và tôn trọng các quan điểm học thuật khác biệt.	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30% Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

9. Kế hoạch giảng dạy:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KL TN	
Học kỳ 1				12	11	0	1	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					KHXH&NV
2	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					KTTC

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/TN	TT	ĐA/MH	ĐA/KL TN	
3	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					KTTC
4	LIT307	Nhập môn ngành Văn học	BB	2	2					KHXH&NV
5	LIT312	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1			1			KHXH&NV
Học kỳ 2				17	15	2	0	0	0	
1	POL105	Triết học Mac - Lênin	BB	3	3					KHXH&NV
2	LIT324	Văn học dân gian Việt Nam	BB	2	1	1				KHXH&NV
3	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	BB	3	3					KHXH&NV
4	LIT325	Hán Nôm cơ bản	BB	3	2	1				KHXH&NV
5	BUS102	Quản trị sự thay đổi	BB	3	3					DL
6	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	BB	3	3					NN
7		Giáo dục thể chất 1	BB	1		1				V KHTT
8		Giáo dục Quốc phòng và An ninh	BB	8		8				V KHTT-QK7
Học kỳ 3				18	17	1	0	0	0	
1	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	BB	2	2					KTQT
2	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					DL
3	LIT326	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	BB	3	2	1				KHXH&NV
4	SOS206	Mỹ học đại cương	BB	3	3					KHXH&NV
5	LIT327	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII	BB	2	2					KHXH&NV
6	LIT304	Nguyên lý lý luận văn học	BB	2	2					KHXH&NV
7	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	BB	3	3					NN
8		Giáo dục thể chất 2	BB	1		1				V KHTT
Học kỳ 4				19	17	2	0	0	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/TN	TT	ĐA/MH	ĐA/KL TN	
1	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BB	2	2					KHXH&NV
2	SOS102	Văn hiến Việt Nam	BB	3	3					DL
3	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	BB	3	3					CNTT
4	LIT328	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	BB	2	1	1				KHXH&NV
5	LIT310	Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	BB	3	3					KHXH&NV
6	PUR421	Pháp luật về truyền thông	BB	2	2					KHXH&NV
7	LIT315	Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	BB	2	2					KHXH&NV
8	Món	Văn học phương Đông (Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc)	BB	2	1	1				KHXH&NV
9		Giáo dục thể chất 3	BB	1		1				V KHTT
Học kỳ 5				19	18	1	0	0	0	
1	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2					KHXH&NV
2	LIT318	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930	BB	2	2					KHXH&NV
3	LIT330	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	BB	2	1	1				KHXH&NV
4	LIT331	Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay)	BB	2	2					KHXH&NV
5	PSY201	Tâm lý học đại cương	BB	3	3					KHXH&NV
6	MMC307	Truyền thông số	BB	3	3					KHXH&NV
7	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	BB	3	3					KHXH&NV
Chọn 1 trong 2 học phần				2	2					

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/TN	IT	ĐA MII	ĐA/ KL TN	
1	LIT314	Văn học Nga	TC	2	2					KHXH&NV
2	LIT317	Văn học Trung Quốc	TC	2	2					KHXH&NV
Học kỳ 6										
Chuyên ngành 1: Văn - Quản trị văn phòng				17	13	4	0	0	0	
Chuyên ngành 2: Giảng dạy văn học				17	13	4	0	0	0	
Chuyên ngành 3: Văn - Truyền thông				17	14	3	0	0	0	
Học phần chung của các chuyên ngành										
1	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	BB	2	2					KHXH&NV
2	LIT332	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	BB	2	1	1				KHXH&NV
3	LIT406	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	BB	2	1	1				KHXH&NV
4	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh	BB	3	2	1				KHXH&NV
5	MMC401	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	BB	3	3					KHXH&NV
6	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	BB	3	3					KHXH&NV
Chuyên ngành 1: Văn - Quản trị văn phòng				2	1	1				
7	LIT401	Nghệ vụ thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ	BB	2	1	1				KHXH&NV
Chuyên ngành 2: Giảng dạy văn học				2	1	1				
7	LIT403	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	BB	2	1	1				KHXH&NV
Chuyên ngành 3: Văn - Truyền thông				2	2					
7	PUR445	PR nội bộ và PR cộng đồng	BB	2	2					KHXH&NV
Học kỳ 7										
Chuyên ngành 1: Văn - Quản trị văn phòng				17	14	1	2	0	0	
Chuyên ngành 2: Giảng dạy văn học				17	14	1	2	0	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/ TN	TT	ĐA/ MH	ĐA/ KL/ IN	
Chuyên ngành 3: Văn - Truyền thông				17	15	0	2	0	0	
Học phần chung của các chuyên ngành										
1	LIT424	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	BB	1	1					KHXH&NV
2	LIT435	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	BB	3	3					KHXH&NV
3	MMC407	Kỹ thuật Audio Video	BB	3	3					KHXH&NV
4	LIT321	Văn học Việt Nam từ sau 1975	BB	2	2					KHXH&NV
5	LIT445	Thực tập cơ sở Văn học	BB	2			2			KHXH&NV
Chọn 1 trong 4 học phần				2	2					
1	LIT311	Tiếp nhận văn học	TC	2	2					KHXH&NV
2	LIT309	Phong cách học tiếng Việt	TC	2	2					KHXH&NV
3	LIT301	Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học	TC	2	2					KHXH&NV
4	LIT431	Kỹ năng tổ chức sự kiện	TC	2	2					KHXH&NV
Chuyên ngành 1: Văn - Quản trị văn phòng				4	3	1				
1	LIT402	Nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản	BB	2	1	1				KHXH&NV
2	LIT444	Văn phong điện tử	BB	2	2					KHXH&NV
Chuyên ngành 2: Giảng dạy văn học				4	3	1				
1	LIT404	Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và công tác chủ nhiệm lớp	BB	2	1	1				KHXH&NV
2	LIT405	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	BB	2	2					KHXH&NV
Chuyên ngành 3: Văn - Truyền thông				4	4					
1	MMC405	Biên kịch phim ngắn	BB	2	2					KHXH&NV
2	PUR433	Các thể loại báo chí	BB	2	2					KHXH&NV

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tinh chất (bắt buộc/tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KL TN	
Học kỳ 8				17	0	0	5	0	12	
1	LIT546	TTTN Văn học	BB	5			5			KHXH&NV
2	LIT547	KLTN Văn học	BB	12					12	KHXH&NV
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp				12	12					
1	LIT440	Tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam	BB	3	3					KHXH&NV
2	LIT450	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam	BB	3	3					KHXH&NV
3	LIT433	Một số tác gia văn học Việt Nam hiện đại	BB	3	3					KHXH&NV
4	LIT449	Phê bình văn học	BB	3	3					KHXH&NV

10. Ma trận kỹ năng

10.1. Ma trận liên kết giữa mục tiêu của chương trình đào tạo với mục tiêu của Luật Giáo dục đại học, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường:

Mục tiêu của CTĐT	Mục tiêu của Luật GDDH	Sứ mạng Trường	Tầm nhìn Trường
PEO1: Năm vững kiến thức khoa học xã hội và nhân văn và kiến thức chuyên sâu ngành Văn học (Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Lý luận văn học, kiến thức liên ngành, kiến thức chuyên sâu nhóm ngành nghề ...) để trở thành nguồn nhân lực có nền tảng tri thức sâu sắc về khoa học xã hội và nhân văn, có khả năng phê bình, lý giải các hiện tượng văn học và văn hóa bằng tư duy liên ngành hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn học thuật và nghề nghiệp;	X	X	X
PEO2: Đảm nhận tốt các vị trí chuyên môn tại các viện nghiên cứu, trường phổ thông, cơ quan hành chính nhà nước hoặc trực tiếp tham gia điều phối	X	X	X

Mục tiêu của CTĐT	Mục tiêu của Luật GDĐH	Sứ mạng Trường	Tâm nhìn Trường
các bộ phận nội dung, biên tập tại các cơ quan truyền thông, báo chí và doanh nghiệp.			
PEO3: Thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của kỹ nguyên số; có khả năng xử lý thông tin, quản trị nội dung trên nền tảng văn phòng điện tử và các phương tiện truyền thông hiện đại.	X	X	X
PEO4: Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; sẵn sàng dẫn dắt các hoạt động cộng đồng, lan tỏa giá trị nhân văn và tinh thần thượng tôn kỷ luật trong môi trường làm việc đa dạng.	X	X	X
PEO5: Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu độc lập; có lộ trình thăng tiến rõ ràng, sẵn sàng học tập ở các bậc trình độ cao hơn để trở thành những người có tầm ảnh hưởng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và giáo dục.	X	X	X

10.2. Ma trận liên kết giữa nội dung CTĐT và chuẩn đầu ra CTĐT:

STT	Tên học phần CTĐT	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT							
		Kiến thức			Kỹ năng			Mức tự chủ và trách nhiệm	
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
1.	Triết học Mác - Lênin	R	I					I	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	R	R					I	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	R	R					I	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	R	R					I	
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	R		R				I	
6	Pháp luật đại cương	I		I				I	

STT	Tên học phần CTDĐT	CHUẨN ĐẦU RA CTDĐT							
		Kiến thức			Kỹ năng			Mức tự chủ và trách nhiệm	
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
7.	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông			R			R	I	
8.	Tiếng Anh giao tiếp 1					R	I	I	
9.	Tiếng Anh giao tiếp 2					R	R	I	
10.	Môi trường và con người	R		R				I	
11.	Tinh thần khởi nghiệp			I				I	I
12.	Quản trị sự thay đổi			R				I	I
13.	Văn hiến Việt Nam	R	R					I	
14.	Mỹ học đại cương		R		R			I	
15.	Tâm lý học đại cương	R				R		I	
16.	Phương pháp học đại học		I					I	I
17.	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt			R	I	I			
18.	Kỹ năng hành chính văn phòng			R	R			I	
19.	Nhập môn ngành Văn học	I	I						I
20.	Trải nghiệm ngành, nghề			I				I	I
21.	Hán Nôm cơ bản		R	I				I	
22.	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt		R	R				I	
23.	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học			R		R		R	
24.	Pháp luật về truyền thông	R		R				R	
25.	Kỹ thuật Audio Video			M	M		M		
26.	Nghệ thuật nhiếp ảnh			R	R		R		

STT	Tên học phần CTĐT	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT							
		Kiến thức			Kỹ năng			Mức tự chủ và trách nhiệm	
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
27.	Kỹ năng tác nghiệp báo chí			R	R			R	
28.	Nghệ vụ biên tập và xuất bản			M	M			M	
29	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội			R	R		R		
30.	Truyền thông số			R	R		I		
31.	Tiếp nhận văn học	R	M						M
32.	Phong cách học tiếng Việt	R	M			M			
33	Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học	R	M						M
34.	Báo cáo chuyên đề thực tiễn					M		M	
35.	Thực tập cơ sở Văn học			M	M			M	M
36.	Văn học dân gian Việt Nam	R	I	I					
37.	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII	R	R	I					
38.	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	R	R	I					
39.	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930	R	R	R					
40.	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	R	R	R					
41.	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	R	R	R					
42.	Văn học Việt Nam từ sau 1975	M	M						M
43.	Văn học phương Tây I (từ Cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	R	R	R					

STT	Tên học phần CTĐT	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT							
		Kiến thức			Kỹ năng			Mức tự chu và trách nhiệm	
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
44	Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay)	R	R	R					
45.	Văn học phương Đông (Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc)	R	R	R					
46.	Nguyên lý lý luận văn học	R	R	I					
47.	Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	R	R		R				
48.	Văn học Nga	R	R	R					
49.	Văn học Trung Quốc	R	R	R					
50.	Nghiep vụ thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ			M	M			M	
51.	Nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản			M	M			M	
52	Văn phòng điện tử			M			M	M	
53.	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông			M	M			M	
54.	Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và công tác chủ nhiệm lớp			M	M			M	
55.	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm			M	M			M	
56	Kỹ năng tổ chức sự kiện			R	M			M	
57.	Biên kịch phim ngắn			M	M		M		
58.	PR nội bộ và PR cộng đồng			M	M			M	
59.	Các thể loại báo chí		M	M	M				
60.	TTTN Văn học			M	M	M	M	M	M
61	KLTN Văn học		M	M	M		M	M	M

STT	Tên học phần CTĐT	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT							
		Kiến thức			Kỹ năng			Mức tự chủ và trách nhiệm	
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
62.	Tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam	M	M						M
63.	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam	M	M					M	
64.	Một số tác gia văn học Việt Nam hiện đại	M	M	M					
65	Phê bình văn học	M	M						M

11. Đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

11.1. Đội ngũ giảng viên cán bộ nhân viên Đội ngũ giảng viên cán bộ nhân viên là 50 giảng viên (cơ hữu và thỉnh giảng), trong đó có:

- PGS: 05
- TS: 15
- ThS: 30

11.2. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Trường Đại học Văn Hiến hiện có các cơ sở sau:

- Trụ sở chính: 66X Điện Biên Phủ, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở 2 tại 613 Âu Cơ, Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở 3 tại 624 Âu Cơ, Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở 4 tại Campus Nguyễn Văn Linh, Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở 5 tại 740 Điện Biên Phủ, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở 6 tại 642 Âu Cơ, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở 7 tại 2A2 Quốc lộ 1A, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở 8 tại 8-14 Nguyễn Bá Tuyển, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở 9 tại 615 Âu Cơ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Tổng diện tích sử dụng hiện nay của Nhà trường là 66.962 m² với các cơ sở vật chất phục vụ thực hiện chương trình đào tạo ngành dự kiến mở bao gồm: 04 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 - 200 chỗ; 72 phòng học từ 50 - 100 chỗ; 81 phòng học dưới 50 chỗ; 02 phòng học đa phương tiện; 84 phòng làm việc của các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian; 03 thư viện (Trung tâm Học liệu); 09 trung tâm

nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập; và sân bóng đá (rộng 5.400 m²) phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao đa năng. Tất cả các cơ sở của Trường Đại học Văn Hiến đều được phủ sóng mạng không dây (wifi) với băng thông tốc độ cao để đảm bảo việc truy cập internet phục vụ người học, giảng viên, cán bộ, nhân viên mọi lúc, mọi nơi trong khuôn viên của Nhà trường.

12. Học liệu/Nguồn tài liệu học tập:

12.1. Tài liệu bắt buộc:

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
Triết học Mác - Lênin	Huỳnh Văn Giàu, Tập bài giảng Triết học Mác – Lênin, tài liệu lưu hành nội bộ, 2023
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Huỳnh Văn Giàu, <i>TBG Kinh tế chính trị Mác – Lênin</i> , VHU biên soạn
Chủ nghĩa xã hội khoa học	Dương Đức Hưng, <i>TBG Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , VHU biên soạn, 2023
Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tạ Trần Trọng, <i>TBG Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , VIIU biên soạn, 2023
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Ngô Quang Ty, <i>TBG Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</i> , VHU biên soạn, 2023
Pháp luật đại cương	Nguyễn Thuận An và cộng sự, <i>TBG Pháp luật đại cương</i> , VHU biên soạn, 2022
Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	Trần Minh Tiến, Nguyễn Thành Phúc ch.b; Trần Tuyết Anh biên dịch, <i>Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong giáo dục I.-H.:</i> Bưu điện, 2019.
Tiếng Anh giao tiếp 1	Jenny, D. (2021) <i>New Interprise Student's Book Level A2</i> . Express Publishing. ISBN 978-1-4715-6967-8
Tiếng Anh giao tiếp 2	Jenny, D (2021). <i>New Interprise Student's Book. Level A2</i> . Express Publishing. ISBN 978-1-4715-6967-8
Môi trường và con người	PGS.TS Đinh Đức Trường, <i>Giáo trình Môi trường và con người</i> , NXB Tài chính, 2021
Tinh thần khởi nghiệp	- Bill Aulet, <i>Kinh điển về khởi nghiệp 24 bước khởi sự kinh doanh thành công</i> , Giang Lâm và Hoàng Anh dịch, NXB Lao động, 2023. - Ramberg, J J., Lisa Everson, Frank Silverstein, <i>Thánh kinh cho người mới khởi nghiệp Bí quyết nâng tầm công ty của bạn</i> , Nxb. Thanh Hoá, 2016

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
Quản trị sự thay đổi	Nguyễn Phúc Nguyên, Quản trị sự thay đổi, Trường Đại học kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội, 2020
Văn hiến Việt Nam	Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam (Bản mới), NXB ĐHQG Hà Nội, 2023
Mỹ học đại cương	- Nguyễn Văn Dân, Tư điển mỹ học, NXB Hội Nhà văn, 2022. - Nguyễn Chương Nhiếp, Mỹ học đại cương, NXB ĐHSP-HCM, 2020.
Tâm lý học đại cương	- Trần Tuấn Lộ, Tâm lý học đại cương, NXB Đại học quốc gia, 2016. - Phan Thị Kim Ngân, Phạm Văn Đình, Giáo trình tâm lý học đại cương, NXB Hồng Đức, 2017.
Phương pháp học đại học	Trần Thị Lợi, TBG Phương pháp học đại học, VHU biên soạn, 2022
Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	Trương Thị Thúy Hằng, TBG Kỹ năng sử dụng tiếng Việt, VHU biên soạn
Kỹ năng hành chính văn phòng	- Trần Huy Cường, Nguyễn Minh Xuân Hương, Huỳnh Thị Ngọc Quý, Bài giảng Kỹ năng hành chính văn phòng, Khoa Kinh tế - Quản trị - Trường đại học Văn Hiến, 2022. - Nghị định số: 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư, ngày 05 tháng 02 năm 2020.
Nhập môn ngành Văn học	- Huỳnh Như Phương, Lý luận văn học Nhập môn, Đại học Quốc gia – TP.HCM, 2014 - Jonathan Culler, Nhập môn Lý thuyết văn học (Phạm Phương Chi dịch), NXB Hội Nhà văn, 2020.
Trải nghiệm ngành, nghề	- Đỗ Thị Thu Hằng, Giáo trình Nhập môn Truyền thông đa phương tiện, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2022. - Nguyễn Thị Trang Thanh, Hoàng Tăng Đức, Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, Bài giảng Nhập môn ngành sư phạm, Đại học Vinh, 2021. - Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Diệp & Trần Phương Hiền, Giáo trình Quản trị văn phòng, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2021.
Hán Nôm cơ bản	- Nguyễn Trung Ngạn, Ảnh hưởng Hán văn Li Trần Qua thơ và Ngôn ngữ thơ, NXB Giáo dục, 1998 - IIà Minh, Giáo trình văn bản Hán văn Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011. - Vũ Văn Kính, Đại tư điển chữ Nôm, NXB Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 1999.

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
	- Lạc Thiện, <i>Lục Vân Tiên chữ Nôm và Quốc ngữ đối chiếu. Văn hóa dân gian cổ truyền</i> , NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	- Hoàng Phê, <i>Từ điển tiếng Việt</i> , NXB Hồng Đức, 2021 - Nguyễn Văn Phúc, <i>Ngữ âm tiếng Việt thực hành</i> , NXB ĐHQG Hà Nội, 2006. - Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp Việt Nam</i> , NXB Giáo dục, 2015
Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	- <i>Dẫn luận văn học - An introduction to Literary Study - A college-Level Literature Course</i> , Nguyễn Trung Tánh dịch -NXB Thanh Phố Hồ Chí Minh, 1997. - Lê Văn Sự, <i>An Anthology of American Literature - Hợp tuyển Văn học Mỹ</i> , NXB Văn hóa thông tin, 2001.
Pháp luật về truyền thông	- Bộ Thông tin và Truyền thông, <i>Hệ thống hóa các văn bản pháp luật về thông tin và truyền thông (Tập 1)</i> , NXB Thông tin và Truyền thông, 2015 - Bộ Thông tin và Truyền thông, <i>Hệ thống hóa các văn bản pháp luật về thông tin và truyền thông (Tập 2)</i> , NXB Thông tin và Truyền thông, 2015
Kỹ thuật Audio Video	- Trần Văn Cang, <i>Nghệ thuật quay phim video</i> , NXB Trẻ, Tp. HCM. - Lưu Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Phúc, <i>Giáo trình thiết bị audio – video</i> , NXB ĐHQG TP HCM, 2016
Nghệ thuật nhiếp ảnh	Lê Phúc, <i>Nhiếp ảnh Phê bình và tiểu luận</i> , NXB Hội Nhà văn, 2018
Kỹ năng tác nghiệp báo chí	Nguyễn Thành Lợi, <i>Tác nghiệp báo chí trong môi trường truyền thông hiện đại</i> , NXB Thông tin và truyền thông, 2019
Nghị vụ biên tập và xuất bản	- Nguyễn Quang Hoài, <i>Biên tập báo chí</i> , NXB Thông tin và Truyền thông, 2016. - Ngọc Trân, <i>Khám phá nghề biên tập dành cho bạn trẻ muốn vững bước vào tòa soạn báo</i> , NXB Văn hóa – Văn nghệ TP.HCM, 2017
Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	- Philip Kotler, Piyachart Isarabhakdee, <i>Branding 4.0 (Thấu hiểu toàn cảnh 4 0 sẽ định nghĩa lại tất cả những gì bạn biết về kinh doanh, tiếp thị và thương hiệu)</i> . NXB Lao động, 2018. - Linda Coles, <i>Marketing trên mạng xã hội (Trường Kiều Hạnh dịch)</i> , NXB Trẻ, 2019
Truyền thông số	- Châu Úy Hoa, <i>Truyền thông số và chuyển đổi mô hình xuất bản</i> (Thanh Huyền dịch; Thúy Lan hiệu đính), NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2017. - Trương An Hải và cộng sự, <i>Truyền thông số</i> , NXB Bưu điện, 2003.

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
Tiếp nhận văn học	- Hans Roberb Jauss, “Lịch sử văn học như là sự thách thức đối với khoa học văn học”, Phần 1, Huỳnh Vân dịch, <i>Tạp chí khoa học Đại học Văn Hiến</i>, số 9 (2015), tr. 92 – 98 - Hans Roberb Jauss, “Lịch sử văn học như là sự thách thức đối với khoa học văn học”, Phần 2, Huỳnh Vân dịch, <i>Tạp chí khoa học Đại học Văn Hiến</i>, số 10 (2016), tr. 85 – 93. - Hans Roberb Jauss, “Lịch sử văn học như là sự thách thức đối với khoa học văn học”, Phần 3, Huỳnh Vân dịch, <i>Tạp chí khoa học Đại học Văn Hiến</i>, số 11 (2017), tr. 116 – 126. - Takashi Saito, <i>Nơi chỉ có người đọc sách mới có thể chạm tới</i>, NXB Phụ nữ Việt Nam, 2021.
Phong cách học tiếng Việt	Đinh Trọng Lạc (ch.b), Nguyễn Thái Hòa, <i>Phong cách học tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục, 2022
Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học	- Nguyễn Thị Bích Hà, <i>Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hoá dân gian</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2018. - Nhiều tác giả, <i>Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Văn học</i>, NXB Hồng Đức, 2019
Báo cáo chuyên đề thực tiễn	Hoàng Phong Tuấn, <i>Văn học – Người đọc – Định chế tiếp nhận</i> , NXB Khoa học xã hội, 2017.
Thực tập cơ sở Văn học	- Nhiều tác giả, <i>Nghiên cứu, giảng dạy văn học và GS NGND Hoàng Như Mai</i>, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2019. - Nguyễn Văn Bằng, <i>Giáo trình Quản trị hành chính văn phòng</i>, NXB Xây dựng, 2021.
Văn học dân gian Việt Nam	- Lê Đức Luận, <i>Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam</i>, NXB ĐHQG-Hà Nội, 2019 - Lê Chí Quế, <i>Văn học dân gian Việt Nam</i>, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004 - Nguyễn Xuân Kính, <i>Văn học dân gian Việt Nam</i>, NXB Hồng Đức, 2021. - Nguyễn Bích Hà, <i>Giáo trình văn học dân gian Việt Nam. Dành cho sinh viên Việt Nam học</i>, NXB Đại học sư phạm, 2012.
Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII	- Trần Nho Thìn, <i>Văn học Việt Nam. từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021. - Trần Ngọc Vương, <i>Văn học Việt Nam thế kỉ X-XIX. Những vấn đề lý luận và lịch sử</i>, NXB Giáo dục, 2007. - Trần Ngọc Vương, <i>Văn học Việt Nam thế kỉ X – XIX. Những vấn đề lý luận và lịch sử</i>, NXB Giáo dục, 2007.

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX	- Viên văn học, <i>Nhìn lại văn học Việt Nam thế kỷ XX</i>, NXB Chính trị quốc gia, 2002. - Trần Nho Thìn, <i>Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021. - Hoàng Hữu Yên, <i>Tình tuyển văn học viết Nam (T.6) Văn học thế kỷ XIX</i>, NXB Khoa học xã hội, 2004.
Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930	Trần Đăng Suyền – Lê Quang Hưng (đồng chủ biên), <i>Văn học Việt Nam. Từ đầu thế kỉ XX đến 1945</i> , NXB Đại học Sư phạm, 2020.
Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	Trần Đăng Suyền – Lê Quang Hưng (đồng chủ biên), <i>Văn học Việt Nam Từ đầu thế kỉ XX đến 1945</i> , NXB Đại học Sư phạm, 2020.
Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	- Nguyễn Văn Long (CB), <i>Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2022 - Nguyễn Công Lý, <i>Diện mạo văn học Việt Nam Pháp ngữ: Từ cuối thế kỷ XIX đến 1975</i>, NXB ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, 2015.
Văn học Việt Nam từ sau 1975	- Nguyễn Văn Long (CB), <i>Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2022 - Nguyễn Văn Long, <i>Văn học Việt Nam sau 1975 và việc giảng dạy trong nhà trường</i>, NXB Giáo dục VN, 2009.
Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	- Lê Huy Bắc, <i>Văn học phương Tây</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019. - Đặng Anh Đào và cộng sự, <i>Văn học phương Tây</i>, NXB Giáo dục, 2009 - Nguyễn Văn Khỏa, <i>Thần thoại Hy Lạp</i>, NXB Văn học, 2023.
Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến thế kỷ XX)	- Phương Lưu, <i>Lý luận văn học: Tiến trình văn học (T3)</i>, NXB ĐHSP, 2020 - Huỳnh Như Phương, <i>Tác phẩm và thể loại văn học</i>, NXB ĐHQG TP.HCM, 2017.
Văn học phương Đông (Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc)	- Nguyễn Thị Mai Chanh, Nguyễn Thị Mai Liên (Chủ biên) và cộng sự, <i>Giáo trình Thể loại và tác gia tiêu biểu văn học phương Đông</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2022 - Phương Lưu, <i>Phương Lưu tuyển tập: Lý luận văn học cổ điển phương Đông (Tập 1)</i>, NXB Giáo dục, 2005
Nguyên lý lý luận văn học	- Huỳnh Như Phương, <i>Lý luận văn học Nhập môn</i>, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - Lê Tiến Dũng, <i>Giáo trình Lý luận văn học: Phần tác phẩm văn học</i>, NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2005. - Hà Minh Đức, <i>Hà Minh Đức tuyển tập (T 1) Lý luận văn học và báo chí</i>, NXB Giáo dục, 2004 - Ngô Tự Lập, <i>Văn chương như là quá trình dựng diễn: Lý luận văn học</i>, NXB Tủ sách, 2017.

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	- Phương Lưu, <i>Lí luận văn học Tiến trình văn học (T3)</i>, NXB ĐHSP, 2017. - Huỳnh Như Phương, <i>Tác phẩm và thể loại văn học</i>, NXB ĐHQG TP HCM, 2017. - Trần Đình Sử, <i>Lý luận và phê bình văn học</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2023.
Văn học Nga	Trần Thị Phương Phương, <i>Văn học Nga hiện đại. Những vấn đề lý thuyết và lịch sử</i> , NXB Văn hóa Văn nghệ, 2018.
Văn học Trung Quốc	- Trần Đình Sử, <i>Một nền lí luận văn học hiện đại Nhìn qua thực tiễn Trung Quốc</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2017. - Lương Duy Thứ và Đỗ Vạn Hỷ, <i>Giáo trình văn học Trung Quốc In kèm nguyên tác Hán văn</i>, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - Diêu Đan, <i>Văn học Trung Quốc</i>, NXB. Tp. Hồ Chí Minh, 2013. - Hai Nguyễn tuyển chọn, <i>Tinh hoa văn học Trung quốc</i>, NXB Thanh niên, 2011.
Nghịệp vụ thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ	- Phạm Thị Lan Anh – Phan Thị Hiền Thu – Nguyễn Hoài Thu, <i>Bài giảng Nghệp vụ văn phòng</i>, NXB Lao động, 2019. - Nguyễn Văn Hậu và cộng sự, <i>Nghệp vụ thư ký</i>, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2010.
Nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản	Trần Thị Thu Hương, Phạm Thanh Dũng, Mang Văn Thới, <i>Kỹ thuật soạn thảo và quản lý văn bản</i> , NXB Phương Đông, 2014.
Văn phòng điện tử	Trần Thị Thu Hương, Phạm Thanh Dũng, Mang Văn Thới, <i>Kỹ thuật soạn thảo và quản lý văn bản</i> , NXB Phương Đông, 2014.
Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	Trần Thị Lợi, <i>TBG Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông</i> , VHU biên soạn
Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và công tác chủ nhiệm lớp	Phạm Thị Thu Hương (CB), <i>Giáo trình Thực hành dạy học Ngữ Văn ở trường phổ thông</i> , NXB ĐHSP, 2020
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Sử dụng phương pháp dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông – Môn Ngữ văn – Tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông đại trà</i> , NXB ĐHSP, 2020.
Kỹ năng tổ chức sự kiện	- Nguyễn Thị Mỹ Thanh, <i>Giáo trình Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội</i> , NXB Lao động - Xã hội, 2015
Biên kịch phim ngắn	Ray Frensham, (2011), <i>Tư học viết kịch bản phim</i> , Nxb Tri thức Snyder, B. (2005). <i>Save the cat! The last book on screenwriting you'll ever need</i>

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
PR nội bộ và PR cộng đồng	- Hoàng Tuấn, <i>Hiệu và ứng dụng PR cho doanh nghiệp</i> , NXB Thanh niên, 2017. - Philip Henslowe, <i>Những bí quyết căn bản để thành công trong PR</i> , NXB Tre, 2012.
Các thể loại báo chí	- Đinh Văn Hương, <i>Các thể loại báo chí thông tấn</i> , Nxb ĐHQG Hà Nội, 2011. - Dương Xuân Sơn, <i>Các loại hình báo chí truyền thông</i> , Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2012.
TTTN Văn học	- Vũ Thị Phụng (chủ biên), <i>Giáo trình Lý luận về quản trị văn phòng</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), <i>Hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn Trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông 2018</i> , Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2020. - Nguyễn Văn Dũng & Đỗ Thị Thu Hằng, <i>Truyền thông – Lý thuyết và kỹ năng cơ bản</i> , Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.
KLTN Văn học	- Trần Đình Sử, <i>Lý luận và phê bình văn học</i> , NXB Giáo dục Việt Nam, 2023 - Trần Đăng Suyền, <i>Phương pháp luận nghiên cứu văn học</i> , NXB Giáo dục Việt Nam, 2023
Tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam	Phương Lưu, <i>Lý luận văn học (T 3): Tiến trình văn học</i> , NXB Đại học Sư phạm, 2023
Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam	Ninh Viết Giao, <i>Văn hóa dân gian xứ Nghệ (T15). Về yêu nước và cách mạng</i> , NXB Văn hóa - Thông tin, 2011
Một số tác gia văn học Việt Nam hiện đại	Lại Nguyên Ân và cộng sự, <i>Từ điển Văn học Việt Nam (từ nguồn gốc đến hết thế kỷ XIX)</i> , NXB Văn học, 2018
Phê bình văn học	- Nguyễn Văn Trung, <i>Lược khảo văn học (Tập 3): Nghiên cứu và phê bình văn học</i> , NXB Tổng hợp, 2018 - Liễu Trương, <i>Phân tâm học và phê bình văn học</i> , NXB Phụ nữ, 2011. - Phạm Vĩnh Cư, <i>Sáng tạo và giao lưu Tiểu luận, nghiên cứu và phê bình văn học</i> , NXB Giáo dục Đà Nẵng, 2007.

12.2. Tài liệu tham khảo:

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), <i>Giáo trình Triết học Mác – Lênin</i> . Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), <i>Pháp luật đại cương</i> , NXB Đại học Sư phạm.
Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	- Đào Thị Minh, <i>Công nghệ thông tin và truyền thông với sự phát triển kinh tế</i>, Bưu điện, 2005. - Trần Minh Tiến, <i>Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong giáo dục: Tủ sách phổ biến kiến thức về công nghệ thông tin và truyền thông</i>, Bưu điện, 2006.
Tiếng Anh giao tiếp 1	Latham-Koenig, C., Oxenden, C., Lambert, J. (2019). <i>American English File 3E Level 1 Student Book</i> . UK: Oxford University Press
Tiếng Anh giao tiếp 2	Latham-Koenig, C., Oxenden, C., Lambert, J. (2019) <i>American English File 3E Level 1 Student Book</i> UK Oxford University Press
Môi trường và con người	- Hoàng Hưng (ch.b), Nguyễn Thị Kim Loan, <i>Con người và môi trường</i>, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2005 - Phạm Minh Hiệp, Hoàng Đình Sơn, <i>Con người và môi trường</i>, Tủ sách đại học đại cương, 1997. - Trần Quốc Vượng, <i>Môi trường, con người và văn hóa</i>, NXB Văn hóa - Thông tin: Viện Văn hóa, 2005. - Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan, <i>Môi trường và con người</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010
Tinh thần khởi nghiệp	- Michael Morris, <i>Khởi nghiệp thành công</i>, Hà My dịch, Trần Vũ Nhân h.đ, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2014 - Dan Senor, Saul Singer, <i>Quốc gia khởi nghiệp: Những cuốn sách quý đối đời do chủ tịch tập đoàn Trung Nguyên Đặng Lê Nguyên Vũ tặng cho thanh niên Việt</i>, NXB Thế giới, 2015. - Vũ Tuấn Anh, <i>Khởi nghiệp ngay - Sạt nghiệp luôn</i>, NXB Dân trí, 2016. - Napoleon Hill, <i>Nghĩ giàu làm giàu: quyết chí khởi nghiệp - sáng tạo tương lai</i>, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2013.
Quản trị sự thay đổi	Harvard Business Review, <i>Quản lý sự thay đổi</i> (Vũ Hoàng và Quỳnh Trâm dịch), NXB ĐHQG Kinh tế quốc dân, 2021
Văn hiến Việt Nam	- Lê Văn Chương, <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, NXB Trẻ, 1999. - Đặng Đức Siêu, <i>Giáo trình cơ sở văn hoá Việt Nam</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2008.

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
	- Trần Diễm Thúy, <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> , NXB Văn hóa thông tin, 2009
Mỹ học đại cương	Lê Ngọc Trà ch.b; Lâm Vinh, Huỳnh Như Phương, <i>Mỹ học đại cương</i> , NXB Văn hóa thông tin, 1994.
Tâm lý học đại cương	- Trần Tuấn Lô, <i>Tâm lý học đại cương</i> , NXB Đại học quốc gia, 2016. - Phan Thị Kim Ngân, Phạm Văn Dinh, <i>Giáo trình tâm lý học đại cương</i> , NXB Hồng Đức, 2017.
Phương pháp học đại học	Trần Thị Lợi, <i>TBG Phương pháp học đại học</i> , VHU biên soạn, 2022
Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	Trương Thị Thúy Hằng, <i>TBG Kỹ năng sử dụng tiếng Việt</i> , VHU biên soạn
Kỹ năng hành chính văn phòng	- Nguyễn Văn Bằng, <i>Giáo trình Quản trị hành chính văn phòng</i> , NXB Xây dựng, 2021. - Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An, <i>Quản trị hành chính văn phòng</i> , NXB Thống kê, 2009.
Nhập môn ngành Văn học	Jonathan Culler, <i>Nhập môn Lý thuyết văn học</i> (Phạm Phương Chi dịch), NXB Hội Nhà văn, 2020
Trải nghiệm ngành, nghề	-Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Điệp & Trần Phương Hiền, <i>Giáo trình Quản trị văn phòng</i> , Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2012. -Đỗ Thị Thu Hằng, <i>Giáo trình Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng</i> , Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2023. -Phạm Thị Thu Hương (chủ biên), <i>Giáo trình thực hành dạy học ngữ văn ở trường phổ thông</i> , Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2020.
Hán Nôm cơ bản	- Chu Thiên, <i>Giáo trình Hán văn</i> , NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.
Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	- Nguyễn Công Đức, <i>Từ vựng tiếng Việt: Từ sách đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn (lưu hành nội bộ)</i> , Tp Hồ Chí Minh, 2007. - Đoàn Thiện Thuật, <i>Ngữ âm tiếng Việt</i> , NXB Đại học Quốc gia, 2004.
Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	- Lê Văn Sự, <i>An Anthology of English Literature - Hợp tuyển Văn học Anh</i> , NXB Văn hóa thông tin, 2001. - Lê Văn Sự, <i>A collection of 110 Literary Text from British and American - Literatures - Tuyển tập 110 bài đọc Văn chương Anh Mỹ</i> , NXB HỒNG ĐỨC, 2011.

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
Pháp luật về truyền thông	- Vụ Báo chí – Bộ Văn hoá -Thông tin, <i>Các quy định pháp lý về báo chí</i>, Hà Nội, 1998 - <i>Luật báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. - <i>Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật báo chí</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.
Kỹ thuật Audio Video	- Trần Bảo Khanh, <i>Quay phim truyền hình</i> , Phân viện báo chí tuyên truyền
Nghệ thuật nhiếp ảnh	Bùi Minh Sơn, <i>Đường vào nghệ thuật nhiếp ảnh – Ngôn ngữ hình ảnh</i> , Công ty sách thời đại và NXB Hồng Đức.
Kỹ năng tác nghiệp báo chí	- Hồ Xuân Mai, <i>Ngôn ngữ báo chí và biên tập báo</i>, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2014. - <i>Một số văn bản chỉ đạo và quản lý của Đảng, Nhà nước về hoạt động xuất bản Tài liệu bồi dưỡng chức danh viên chức biên tập viên, phóng viên, Thông tin và Truyền thông</i>, 2014
Nghệ thuật biên tập và xuất bản	Claudia Mast, <i>Truyền thông đại chúng - công tác biên tập</i>, NXB Thông tấn, 2003. <i>Một số văn bản chỉ đạo và quản lý của Đảng, Nhà nước về hoạt động xuất bản Tài liệu bồi dưỡng chức danh viên chức biên tập viên, phóng viên</i>, NXB Thông tin và Truyền thông, 2014.
Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	Trung Đức, <i>Facebook Marketing</i> , NXB Thống kê.
Truyền thông số	David Gaunlett và Ross Horsley, <i>Web studies 2.0</i> , A Hodder Arnold Publication.
Tiếp nhận văn học	Huỳnh Vân, <i>Mỹ học tiếp nhận: Nghiên cứu và dịch thuật</i> , NXB Văn học, 2023.
Phong cách học tiếng Việt	Đinh Trọng Lạc (ch b), Nguyễn Thái Hòa, <i>Phong cách học tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục, 2004
Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học	- Hà Minh Đức, <i>Nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại (trào lưu tác giả-tác phẩm)</i>, Trần Khánh Thành tuyển chọn, NXB Giáo dục, 2004. - Lê Đình Ky, <i>Phê bình nghiên cứu văn học</i>, NXB Giáo dục, 1993. - Hoàng Hữu Yên, <i>Đọc và nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2011 - Phương Lưu, <i>Phương pháp luận nghiên cứu văn học</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2005.

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
Báo cáo chuyên đề thực tiễn	-Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Giáo dục, 2019. -Lưu Hồng Sơn, <i>Từ hành động đọc đến hành động hư cấu nhân học văn học của Wolfgang Iser</i>, Trần Thị Hoàng Tân (biên tập), <i>Vượt qua những ranh giới của văn chương</i>, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, 2019.
Thực tập cơ sở Văn học	-Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Điệp & Trần Phương Hiền, <i>Giáo trình Quản trị văn phòng</i>, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2012. -Đỗ Thị Thu Hằng, <i>Giáo trình Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng</i>, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2023. -Phạm Thị Thu Hương (chủ biên), <i>Giáo trình thực hành dạy học ngữ văn ở trường phổ thông</i>, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2020.
Văn học dân gian Việt Nam	- Viện Văn học, <i>Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam (T.2). Truyện cổ tích</i>, NXB Giáo dục, 2007. - Viện Văn học, <i>Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam (T1): Thần thoại - Truyền thuyết</i>, Giáo dục, 2007. - Bùi Mạnh Nhị, <i>Văn học dân gian những công trình nghiên cứu</i>, NXB Giáo dục, 2001.
Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII	- Đinh Gia Khánh, <i>Văn học Việt Nam: Thế kỷ thứ X Nửa đầu thế kỷ thứ XVIII (Tập 1)</i>, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, 1991. - Nguyễn Thạch Giang, <i>Tinh tuyển văn học việt Nam (T 5, Q.1) Văn học thế kỷ XVIII</i>, NXB Khoa học xã hội, 2004. - Nguyễn Đăng Na, <i>Tinh tuyển văn học việt Nam (T.3) Văn học thế kỷ X-XIV</i>, NXB Khoa học xã hội, 2004. - Trần Thị Băng Thanh, <i>Tinh tuyển văn học việt Nam (T 4): Văn học thế kỷ XV-XVII</i>, NXB Khoa học xã hội, 2004. - Đinh Gia Khánh, <i>Văn học Việt Nam Thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII</i>, NXB Giáo dục, 2001.
Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX	- Nguyễn Lộc, <i>Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX (T.1)</i>, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, 1992. - Nguyễn Lộc, <i>Văn học Việt Nam Nửa cuối thế kỷ XVIII-hết thế kỷ XIX</i>, NXB Giáo dục, 1999
Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930	- Trần Đăng Suyền, <i>Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại (T 1). Từ đầu thế kỉ XX đến 1945</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2015. - Hà Minh Đức, <i>Văn học Việt Nam thế kỷ XX . truyện ngắn trước 1945 (Q II, T3)</i>, NXB Văn học, 2001. - Nguyễn Đăng Mạnh, <i>Tinh tuyển văn học việt Nam (T.7, Q 1) Văn học giai đoạn 1900-1945</i>, NXB Khoa học xã hội, 2004

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	- Ha Minh Đức, <i>Văn học Việt Nam thế kỷ XX truyền ngắn trước 1945</i> (T.2, Q 2), NXB Văn học, 2001 - Trần Đăng Suyền, <i>Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại (T.1) Từ đầu thế kỉ XX đến 1945</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2015. - Trần Văn Hiếu, <i>Ba phong cách trào phúng trong văn học Việt Nam thời kỳ 1930-1945</i> Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, NXB Đại học Quốc gia, 2005. - Trần Văn Suyền và cộng sự, <i>Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại (T2). Từ sau cách mạng tháng tám 1945</i>, NXB Đại học Sư Phạm, 2008. - Phan Cự Đệ, <i>Văn học Việt Nam 1900 - 1945</i>, NXB Giáo dục, 2006. - Nguyễn Đăng Mạnh, <i>Tinh tuyển Văn học Việt Nam (T 7, Q 2) Văn học giai đoạn 1900-1945</i>, NXB Khoa học Xã hội, 2004.
Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	Nguyễn Văn Long, <i>Tiếp cận và đánh giá Văn học Việt Nam sau cách mạng tháng Tám</i> , NXB Giáo dục, 2007.
Văn học Việt Nam từ sau 1975	- Nguyễn Văn Long, <i>Tiếp cận và đánh giá Văn học Việt Nam sau cách mạng tháng Tám</i>, NXB Giáo dục, 2007. - Nguyễn Công Lý, <i>Diện mạo văn học Việt Nam Pháp ngữ. Từ cuối thế kỷ XIX đến 1975</i>, NXB ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, 2015. Trần Đình Sử (C.b), <i>Tinh tuyển văn học Việt Nam (T8) Văn học giai đoạn 1945 – 2000</i>, NXB Khoa học xã hội, 2004
Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	Đỗ Đức Hiếu, <i>Lịch sử văn học phương Tây giáo trình giảng tại các trường Đại học Tổng hợp và Sư phạm (Tập I)</i> , NXB Giáo dục, 1963.
Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến thế kỷ XX)	- Phương Lưu, <i>Li luận văn học hiện đại phương Tây Tuyển tập (T2)</i> , NXB Giáo dục, 2005.
Văn học phương Đông (Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc)	- Nguyễn Nam Trân, <i>Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011 - Lam Anh, <i>Văn học Nhật Bản – Vẻ đẹp mong manh và bất tận</i>, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2021. - Đỗ Thu Hà, <i>Giáo trình Văn học Ấn Độ</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015 - Lưu Đức Trung, <i>Văn học Ấn Độ</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016 - Phan Thị Thu Hiền (Chủ biên) và Nguyễn Thị Hiền, <i>Giáo trình Văn học Hàn Quốc</i>, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2017

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
	- Phan Thị Thu Hiền (Chủ biên), <i>Hợp tuyển văn học dân gian Hàn Quốc</i> (Cho Myeong Sook và cộng sự dịch), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2017. - Phan Thị Thu Hiền (Chủ biên), <i>Hợp tuyển văn học cổ điển Hàn Quốc</i> (Jeon Ilye Kyung và cộng sự dịch), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2017.
Nguyên lý lý luận văn học	- Vĩnh Quang Lê, <i>Quá khứ không thể bằng không. Phê bình lý luận văn học</i>, NXB Văn học, 1999. - Phương Lưu, <i>Vì một nền lý luận văn học dân tộc-hiện đại</i>, NXB Văn học, 2009.
Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	- Trần Đình Sử và cộng sự, <i>Lý luận văn học Tác phẩm và thể loại văn học</i>, NXB ĐHSP, 2011. - Khoa Văn học, <i>Lý luận – Phê bình Văn học tìm hiểu và ứng dụng</i>, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2023. - Lộc Phương Thủy (Chủ biên), <i>Lý luận – Phê bình văn học thế giới thế kỷ XX</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
Văn học Nga	- Đỗ Hải Phong, <i>Giáo trình văn học Nga</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012. - Đỗ Hồng Chung, <i>Lịch sử văn học Nga</i>, NXB Giáo dục, 1998 - Đỗ Hồng Chung, <i>Lịch sử văn học Nga</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009. - Ngọc Kiên tuyển chọn, <i>Tinh hoa văn học Nga</i>, NXB Thanh niên, 2011.
Văn học Trung Quốc	- Ngô Tổ Quang và Hạ Lê, <i>Tuyển chọn tác phẩm Văn học Trung Quốc đương đại</i>, NXB Bắc Ninh, 2000. - Phạm Thị Hào, <i>Văn học Trung Quốc gần yếu</i>, NXB ĐHQG TP Hồ Chí Minh, 2002. - Phạm Thị Hào, <i>Khái niệm và thuật ngữ lý luận văn học Trung Quốc</i>, NXB Văn học, 2008.
Nghệ thuật thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ	- Hoàng Giang, <i>Nghệ thuật thư ký văn phòng</i>, NXB Văn hóa thông tin, 2009 - Nghiêm Kỳ Hồng, <i>Nghệ thuật thư ký văn phòng hiện đại</i>, NXB Lao động, 2009.
Nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản	Trần Thị Thu Hương, Phạm Thanh Dũng, Măng Văn Thới, <i>Kỹ thuật soạn thảo và quản lý văn bản</i> , NXB Phương Đông, 2014.
Văn phòng điện tử	Trần Thị Thu Hương, Phạm Thanh Dũng, Măng Văn Thới, <i>Kỹ thuật soạn thảo và quản lý văn bản</i> , NXB Phương Đông, 2014.
Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	Trần Thị Lợi, <i>TBG Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông</i> , VHU biên soạn

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và công tác chủ nhiệm lớp	- Hoàng Hòa Bình (Chủ biên), <i>Dạy học ngữ văn ở trường phổ thông</i>, NXB DDQGHN, 2014 - Trần Thị Tuyết Oanh, <i>Đánh giá kết quả học tập</i>, NXB ĐHSP TP.HCM, 2014
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Sử dụng phương pháp dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông – Môn Ngữ văn – Tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông đại trà</i> , NXB ĐHSP, 2020.
Kỹ năng tổ chức sự kiện	- Lưu Văn Nghiêm, <i>Tổ chức sự kiện Sách chuyên khảo</i>, NXB Kinh tế quốc dân, 2012. - Lưu Văn Nghiêm, <i>Tổ chức sự kiện Sách chuyên khảo</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2009.
TTTN Văn học	-Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Diệp & Trần Phương Hiền, <i>Giáo trình Quản trị văn phòng</i>, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2012. -Đỗ Thị Thu Hằng, <i>Giáo trình Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng</i>, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2023. -Phạm Thị Thu Hương (chủ biên), <i>Giáo trình thực hành dạy học ngữ văn ở trường phổ thông</i>, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2020.
KLTN Văn học	<i>Phương pháp luận nghiên cứu văn học</i> , NXB ĐHSP, 2005
Tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam	Phương Lưu, <i>Li luận văn học (T.3) Tiến trình văn học</i> , NXB Đại học Sư phạm, 2011
Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam	Ninh Viết Giao, <i>Văn hóa dân gian xứ Nghệ (T15). Về yêu nước và cách mạng</i> , NXB Văn hóa - Thông tin, 2011
Một số tác gia văn học Việt Nam hiện đại	- Phan Ngọc Thu, <i>Để hiểu thêm một số tác giả và tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại. tuyển chọn và giới thiệu</i>, NXB Giáo dục, 2007. - Đỗ Đức Hiểu (Chủ biên) và cộng sự, <i>Từ điển Văn học (Bộ mới)</i>, NXB Thế giới, 2003.
Phê bình văn học	- Huỳnh Như Phương, <i>Những tín hiệu mới. phê bình văn học</i>, NXB Hội Nhà văn, 1994. - Vũ Ngọc Phan, <i>Nhà văn hiện đại (T.1). Phê bình văn học</i>, NXB Văn học - hội nghiên cứu giảng dạy văn học tp.HCM , 1994. - Vũ Ngọc Phan, <i>Nhà văn hiện đại (T 1) Phê bình văn học</i>, NXB Văn học, 2005. - Vũ Ngọc Phan, <i>Nhà văn hiện đại (T 2). Phê bình văn học</i>, NXB Văn học, Hội nghiên cứu giảng dạy văn học Tp.HCM, 1994.

Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
	- Vũ Ngọc Phan, <i>Nhà văn hiện đại (T.2). Phê bình văn học</i>, NXB Văn học, 2005. - Trần Hoài Anh, <i>Lý luận - phê bình Văn học ở đô thị miền Nam 1954 - 1975 chuyên luận</i>, NXB Hội nhà văn, 2009.

Thời điểm điều chỉnh: tháng 5 năm 2025. *TH*

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC *TH*



PGS.TS. Trần Huy Hoàng

**BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHÁC**

Ngành đào tạo: Văn học; Trình độ đào tạo: Đại học; Mã số: 7229030

Bộ môn quản lý chương trình: Văn học

Tên cơ sở đào tạo, quốc gia	Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		Kiến thức không tích lũy		Tổng TC
	Số TC	Tỉ lệ %	Số TC	Tỉ lệ %	Số TC	Tỉ lệ %	
Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30	22.7%	102	77.3	0	0%	132
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	74	59.7%	50	40.3%	0	0%	124
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam	35	25.7%	101	74.3%	0	0%	136
Trường Đại học Văn Lang, Việt Nam	45	31%	88	60%	13	9%	133/146
College of Arts & Sciences, American University, US	12	10%	110	90%	0	0%	120
Missouri State University, USA	27	22.5%	93	77.5%	0	0%	120
University of Santo Tomas, Philippines	42	24.3%	117	67.7%	14	8%	159/173
Trường Đại học Văn Hiến, Việt Nam	50	36.6%	86	62%	3	2%	136/139

BẢNG ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA

Ngành đào tạo: Văn học; Trình độ đào tạo: Đại học; Mã số: 7229030

Bộ môn quản lý chương trình: Văn học

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
KIẾN THỨC		
1.	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	PLO2: Hệ thống hóa các tri thức nền tảng và chuyên sâu về văn học, ngôn ngữ để định hình tư duy nghề nghiệp, thực hiện hoạt động nghiên cứu, phê bình và sáng tác văn chương đáp ứng các tiêu chuẩn học thuật.
2.	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	PLO1: Áp dụng hệ thống lý luận chính trị, tư tưởng và khối kiến thức khoa học xã hội - nhân văn để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong cuộc sống và môi trường làm việc.
3.	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	PLO6: Khai thác và ứng dụng hiệu quả các công nghệ hiện đại, phần mềm chuyên dụng và nền tảng số để tối ưu hóa hiệu suất công việc.
4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	PLO3: Vận dụng kiến thức và phương pháp luận văn học vào việc tổ chức giảng dạy Ngữ văn, thực hiện nghiệp vụ truyền thông - báo chí và quản trị hành chính văn phòng.
5.	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	PLO3: Vận dụng kiến thức và phương pháp luận văn học vào việc tổ chức giảng dạy Ngữ văn, thực hiện nghiệp vụ truyền thông - báo chí và quản trị hành chính văn phòng.
KỸ NĂNG		
6.	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	PLO4: Thành thạo các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên biệt trong lĩnh vực Văn học (biên tập, thẩm định văn bản, dàn dựng kịch bản, sáng tác...).

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
7.	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	PLO8: Thiết lập định hướng nghề nghiệp rõ ràng; thể hiện tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và cam kết học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi của xã hội.
8.	Kỹ năng phân biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	PLO2: Hệ thống hóa các tri thức nền tảng và chuyên sâu về văn học, ngôn ngữ để định hình tư duy nghề nghiệp, thực hiện hoạt động nghiên cứu, phê bình và sáng tác văn chương đáp ứng các tiêu chuẩn học thuật.
9.	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	PLO7: Thể hiện khả năng làm việc độc lập, quyết đoán và năng lực dẫn dắt, phối hợp nhóm hiệu quả để hoàn thành các mục tiêu chung.
10.	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	PLO5: Giao tiếp tự tin, thuyết phục bằng lời nói và văn bản; có khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa và sử dụng tiếng Anh đạt chuẩn quy định trong trao đổi chuyên môn.
11.	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	PLO5: Giao tiếp tự tin, thuyết phục bằng lời nói và văn bản; có khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa và sử dụng tiếng Anh đạt chuẩn quy định trong trao đổi chuyên môn.
MỨC ĐỘ TỰ CHỦ, TRÁCH NHIỆM		
12.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	PLO7: Thể hiện khả năng làm việc độc lập, quyết đoán và năng lực dẫn dắt, phối hợp nhóm hiệu quả để hoàn thành các mục tiêu chung.
13.	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	PLO7: Thể hiện khả năng làm việc độc lập, quyết đoán và năng lực dẫn dắt, phối hợp nhóm hiệu quả để hoàn thành các mục tiêu chung.
14.	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	PLO8: Thiết lập định hướng nghề nghiệp rõ ràng; thể hiện tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và cam kết học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi của xã hội.
15.	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PLO8: Thiết lập định hướng nghề nghiệp rõ ràng; thể hiện tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và cam kết học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi của xã hội.

**MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC KỲ**

Ngành đào tạo: **Văn học**; Trình độ đào tạo: Cử nhân đại học; Mã số: 7229030

Bộ môn quản lý chương trình: Văn học

STT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO								Mức độ tự chủ và trách nhiệm
			Kiến thức			Kỹ năng					
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	
Học kỳ 1											
1	SKL101	Phương pháp học đại học	I								I
2	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	I								I
3	LAW101	Pháp luật đại cương	I								
4	LIT307	Nhập môn ngành Văn học		I	I						I
5	LIT312	Trải nghiệm ngành, nghề			I						I
Học kỳ 2											
1	POL105	Triết học Mác - Lênin	I								I
2	LIT324	Văn học dân gian Việt Nam		I	I						I
3	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt		I			I	I			
4	LIT325	Hán Nôm cơ bản		I			I				
5	BUS102	Quản trị sự thay đổi	I								R
6	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1						I			R
Học kỳ 3											
1	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	R								I

CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã HP	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng			Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	
2	NAS101	Môi trường và con người	R						I		
3	LIT326	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt		R		R	R		I		
4	SOS206	Mỹ học đại cương	R	R					I		
5	LIT327	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII		R	I				I		
6	LIT304	Nguyên lý lý luận văn học		R	I					R	
7	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2					R			R	
Học kỳ 4											
1	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	R							R	
2	SOS102	Văn hiến Việt Nam	R	R						R	
3	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	R					I		R	
4	LIT328	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX		R	R					R	
5	LIT310	Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học		R	R	R	R				
6	PUR421	Pháp luật về truyền thông	R		R					R	
7	LIT315	Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)		R	R						
8	LIT423	Văn học phương Đông (Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc)		R	R		R			R	
Học kỳ 5											
1	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	R							R	
2	LIT318	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930		R	R	R					
3	LIT330	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945		R	R	R					
4	LIT331	Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay)		R	R		R				

CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã HP	Tên học phần	Kiến thức						Kỹ năng			Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8			
5	PSY201	Tâm lý học đại cương	R		R		R		R				
6	MMC307	Truyền thông số			R	R		R					
7	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng			R	R	R	R	R				
Chọn 1 trong 2 học phần sau													
1	LIT314	Văn học Nga		R	R				R				
2	LIT317	Văn học Trung Quốc		R	R				R				
Học kỳ 6													
Học phần chung của các chuyên ngành													
1	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	R										R
2	LIT332	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975		R	R	R							R
3	LIT406	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học		R				R					R
4	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh			R	R			R				R
5	MMC401	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội			R	R		R	R				R
6	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí			R	R		R	R				R
Chuyên ngành 1: Văn - Quản trị văn phòng													
7	LIT401	Nghiệp vụ thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ			R	R		R	R				R
Chuyên ngành 2: Giảng dạy văn học													
7	LIT403	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông		R	R	R		R	R				R
Chuyên ngành 3: Văn - Truyền thông													
7	PUR445	PR nội bộ và PR cộng đồng			R	R		R	R				R
Học kỳ 7													
Học phần chung của các chuyên ngành													
1	LIT424	Báo cáo chuyên đề thực tiễn		R	R	R		R	R				R
2	LIT435	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản			R	M		R	R				R

		CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
STT	Mã HP	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng				Mức độ tự chủ và trách nhiệm
			PT01	PT02	PT03	PT04	PT05	PT06	PT07	PT08	
3	MMC407	Kỹ thuật Audio Video			R	R		M	R		
4	LIT321	Văn học Việt Nam từ sau 1975		M	R	R			R	R	
5	LIT445	Thực tập cơ sở Văn học		R	R	R	R	R	R	R	
Chọn 1 trong 4 học phần											
1	LIT311	Tiếp nhận văn học		M	R	R					R
2	LIT309	Phong cách học tiếng Việt		R	R	R	R				
3	LIT301	Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học		M	R						R
4	LIT431	Kỹ năng tổ chức sự kiện			R	R	R	R	R		
Chuyên ngành 1: Văn - Quản trị văn phòng											
1	LIT402	Nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản			R	M	R	R	R		
2	LIT444	Văn phòng điện tử			R	R	R	M	R	R	
Chuyên ngành 2: Giảng dạy văn học											
1	LIT404	Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và công tác chủ nhiệm lớp		R	M	R	R	R	R		
2	LIT405	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm			M	M	R		R	R	
Chuyên ngành 3: Văn - Truyền thông											
1	MMC405	Biên kịch phim ngắn			R	M	R	R	R		
2	PUR433	Các thể loại báo chí		R	M	M	R	R	R		
Học kỳ 8											
1	LIT546	TTTN Văn học		R	M	M	M	M	M	M	
2	LIT547	KLTN Văn học		M	M	M	R	R	M	M	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp											
1	LIT440	Tiên trình hiện đại hóa văn học Việt Nam		M	M	R					M
2	LIT450	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam		M	M				M		R

CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO										
STT	Mã HP	Tên học phần	Kiến thức			Kỹ năng			Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
			PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08
3	LIT433	Một số tác gia văn học Việt Nam hiện đại		M	M	R	R			R
4	LIT449	Phê bình văn học		M	M	M			R	M

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT HIỆN HÀNH VÀ CTĐT SAU RÀ SOÁT, CẢI TIẾN**

Ngành đào tạo: Văn học; Trình độ đào tạo: Đại học; Mã số: 7229030

Bộ môn quản lý chương trình: Văn học

STT	Tên học phần CTĐT hiện hành	Số tín chỉ	Nội dung thay đổi/ thay thế trong CTĐT mới	Lý do thay đổi/thay thế	Ghi chú
1		2	Văn học phương Đông (Án Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc)	Cần đổi khối kiến thức về văn học nước ngoài của ngành học và thực hiện theo quy định của Nhà trường về tổng số tín chỉ.	Học phần mới
	Tổng số tín chỉ cập nhật, thay thế	02			
	Tổng số tín chỉ của CTĐT sau rà soát	136			
	Tỷ lệ cập nhật, thay thế	1.47%			

¹ Có thể thay đổi số tín chỉ học phần hoặc thay đổi/thay thế sang học phần khác hoặc bỏ, không còn trong CTĐT mới

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Ngành đào tạo: Văn học; **Trình độ đào tạo:** Đại học; **Mã số:** 7229030

Bộ môn quản lý chương trình: Văn học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Đơn vị quản lý học phần	Khối ngành	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
1	POL105	Triết học Mác - Lênin	K.KHXH&NV	Lý luận chính trị	TS. Dương Đức Hưng ThS. Huỳnh Văn Giàu	
2	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	K.KTQT	Kinh tế	TS. Dương Đức Hưng ThS. Huỳnh Văn Giàu	
3	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K.KHXH&NV	Lý luận chính trị	ThS. Đoàn Thị Huệ ThS. Tạ Trần Trọng	
4	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K.KHXH&NV	Lý luận chính trị	ThS. Tạ Trần Trọng ThS. Ngô Quang Ty	
5	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	K.KHXH&NV	Lý luận chính trị	ThS. Tạ Trần Trọng ThS. Ngô Quang Ty	
6	LAW101	Pháp luật đại cương	K.KTTC	Luật	ThS. Chu Mạnh Hiền ThS. Nguyễn Thuận An	
7	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	K.CNTT	Công nghệ thông tin	ThS. Huỳnh Thị Châu Ái ThS. Đỗ Đình Trang	
8	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	K.NN	Ngôn ngữ Anh	ThS. Đỗ Thị Bích Thủy ThS. Ngô Tấn Hiệp	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Đơn vị quản lý học phần	Khối ngành	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
9	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	K.NN	Ngôn ngữ Anh	ThS. Đỗ Thị Bích Thủy ThS. Ngô Tấn Hiệp	
10	NAS101	Môi trường và con người	K.DL	Du lịch	ThS. Nguyễn Thị Hưng Thanh ThS. Phi Hải Long	
11	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	K.KTTC	Du lịch	ThS. Huỳnh Thị Trúc Thanh ThS. Dương Thị Huyền Trân	
12	BUS102	Quản trị sự thay đổi	K.DL	Du lịch	ThS. Trần Hữu Ai ThS. Tô Hồng Gấm	
13	SOS102	Văn hiến Việt Nam	K.DL	Du lịch	TS. Đặng Quốc Minh Dương ThS. Lê Thị Ngọc Thủy	
14	SOS206	Mỹ học đại cương	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Đoàn Trọng Thiệu TS. Huỳnh Thị Mai Trinh	
15	PSY201	Tâm lý học đại cương	K.KHXH&NV	Tâm lý học	ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy ThS. Phạm Thị Hồng Thái	
16	SKL101	Phương pháp học đại học	K.KHXH&NV	Truyền thống	ThS. Nguyễn A Say ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy	
17	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Trương Thị Thúy Hằng TS. Huỳnh Thị Mai Trinh	
18	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Trần Huy Cường ThS. Trần Đình Huy	
19	LIT307	Nhập môn ngành Văn học	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Hồ Văn Quốc TS. Huỳnh Thị Mai Trinh	
20	LIT312	Trải nghiệm ngành, nghề	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Đặng Quốc Minh Dương TS. Hồ Văn Quốc	
21	LIT325	Hán Nôm cơ bản	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Nguyễn Đông Triều ThS. Nguyễn Thị Bích Đào	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Đơn vị quản lý học phần	Khối ngành	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
22	LIT326	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	K.KHXH&NV	Văn học	PGS.TS. Lê Khắc Cường TS. Nguyễn Thế Truyền	
23	LIT406	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Đồng Thị Khánh Duyên ThS. Võ Hồ Minh Trình	
24	PUR421	Pháp luật về truyền thông	K.KHXH&NV	Truyền thông	TS. Phạm Quốc Hưng ThS. Trần Xuân Tiến	
25	MMC407	Kỹ thuật Audio Video	K.KHXH&NV	Truyền thông	ThS. Lương Đức Anh ThS. Trần Minh Hùng	
26	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh	K.KHXH&NV	Truyền thông	ThS. Lương Đức Anh ThS. Nguyễn Vũ Thành Đạt	
27	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	K.KHXH&NV	Truyền thông	TS. Hồ Xuân Mai ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy	
28	LIT435	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Hồ Xuân Mai ThS. Nguyễn Thị Phước	
29	MMC401	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	K.KHXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Bảo Trang ThS. Lê Nguyễn Nguyễn Thảo	
30	MMC307	Truyền thông số	K.KHXH&NV	Truyền thông	ThS. Trần Xuân Tiến ThS. Huỳnh Thị Mỹ Hằng	
31	LIT311	Tiếp nhận văn học	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Huỳnh Thị Mai Trình TS. Đoàn Trọng Thiệu	
32	LIT309	Phong cách học tiếng Việt	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Nguyễn Thế Truyền TS. Lê Dương Khắc Minh	
33	LIT301	Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Lê Nguyễn Nguyễn Thảo ThS. Nguyễn A Say	
34	LIT424	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Huỳnh Thị Mai Trình Thầy Trần Minh Dự	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Đơn vị quản lý học phần	Khối ngành	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
35	LIT442	Thực tập cơ sở Văn học	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Lê Dương Khắc Minh TS. Hồ Văn Quốc	
36	LIT324	Văn học dân gian Việt Nam	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Đặng Quốc Minh Dương TS. Huỳnh Thị Mai Trinh	
37	LIT327	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Trương Thị Thúy Hằng TS. Lê Dương Khắc Minh	
38	LIT328	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Trương Thị Thúy Hằng TS. Lê Dương Khắc Minh	
39	LIT318	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930	K.KHXH&NV	Văn học	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Trang TS. Đoàn Trọng Thiệu	
40	LIT330	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Hồ Văn Quốc ThS. Phạm Thị Hương	
41	LIT332	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	K.KHXH&NV	Văn học	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Trang ThS. Phạm Thị Hương	
42	LIT321	Văn học Việt Nam từ sau 1975	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Phạm Thị Hương TS. Hồ Văn Quốc	
43	LIT315	Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Huỳnh Thị Mai Trinh TS. Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	
44	LIT331	Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay)	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Huỳnh Thị Mai Trinh TS. Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	
45	Mới	Văn học phương Đông (Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc)	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Nguyễn Ngọc Bảo Trâm TS. Huỳnh Thị Mai Trinh	
46	LIT304	Nguyên lý lý luận văn học	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Đoàn Trọng Thiệu TS. Huỳnh Thị Mai Trinh	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Đơn vị quản lý học phần	Khối ngành	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
47	LIT310	Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Huỳnh Thị Mai Trinh TS. Đoàn Trọng Thiệu	
48	LIT314	Văn học Nga	K.KHXH&NV	Văn học	PGS.TS. Nguyễn Văn Kha TS. Huỳnh Thị Mai Trinh	
49	LIT317	Văn học Trung Quốc	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Lê Đình Khanh TS. Huỳnh Thị Mai Trinh	
50	LIT401	Nghiệp vụ thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Nguyễn A Say ThS. Trương Thị Thúy Hằng	
51	LIT402	Nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Nguyễn A Say ThS. Trương Thị Thúy Hằng	
52	LIT444	Văn phòng điện tử	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Lê Hồng Danh ThS. Nguyễn A Say	
53	LIT403	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Trần Thị Lợi TS. Lê Dương Khắc Minh	
54	LIT404	Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và công tác chủ nhiệm lớp	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Lê Dương Khắc Minh ThS. Trần Thị Lợi	
55	LIT405	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Trần Thị Lợi TS. Lê Dương Khắc Minh	
56	LIT431	Kỹ năng tổ chức sự kiện	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Trần Đình Huy TS. Nguyễn Quế Diệu	
57	MMC405	Biên kịch phim ngắn	K.KHXH&NV	Truyền thông	TS. Huỳnh Thị Mai Trinh TS. Đào Lê Na	
58	PUR433	Các thể loại báo chí	K.KHXH&NV	Quan hệ công chúng	ThS. Trần Xuân Tiến ThS. Nguyễn Thị Phước	
59	PUR445	PR nội bộ và PR cộng đồng	K.KHXH&NV	Quan hệ công chúng	ThS. Trần Xuân Tiến ThS. Mai Thị Hồng Đào	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Đơn vị quản lý học phần	Khối ngành	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
60	LIT546	TTTN Văn học	K.KHXH&NV	Văn học	TS Lê Dương Khắc Minh TS. Hồ Văn Quốc	
61	LIT547	KL.TN Văn học	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Huỳnh Thị Mai Trinh TS. Đoàn Trọng Thiệu TS. Huỳnh Thị Mai Trinh TS. Đặng Quốc Minh Dương TS. Hồ Văn Quốc	
62	LIT440	Tiến trình hiện đại hóa văn học VN	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Hồ Văn Quốc ThS. Nguyễn A Say	
63	LIT450	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Đoàn Trọng Thiệu TS. Lê Dương Khắc Minh	
64	LIT433	Một số tác gia văn học Việt Nam hiện đại	K.KHXH&NV	Văn học	ThS. Lê Nguyễn Nguyên Thảo ThS. Phạm Thị Hương	
65	LIT449	Phê bình văn học	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Hồ Văn Quốc PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Trang	

